

THÁI HANH



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
HÀ NỘI - 1996

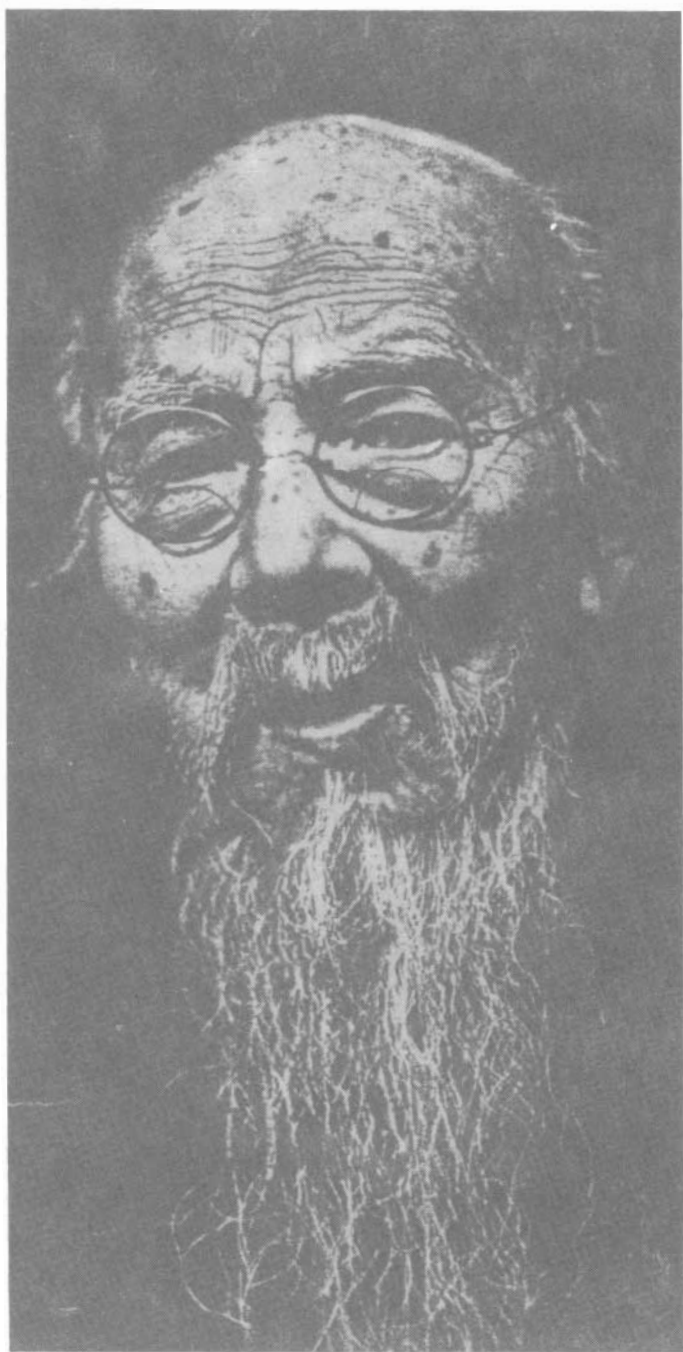
Tên
Địch
Tịch
Thịch



THÁI HANH

**TỀ
BẠCH
THẠCH**

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
1996**



TÊ BẠCH THẠCH

LỜI VÀO SÁCH

Cách đây hơn 130 năm, trên hành tinh này từng xuất hiện một con người từ nơi thôn dã, mà rồi tài hoa dần rực sáng lên như một vì sao lấp lánh trong bầu trời hội họa của nhân loại. Từ đó, nền quốc họa truyền thống Trung Hoa hơn hai nghìn năm lịch sử, vốn tinh thâm, thị vị, kỳ ảo... như được thêm sức cuốn hút lạ thường. Đó là TÊ BẠCH THẠCH!

Con đường thăng hoa nghệ thuật của Tê Bạch Thạch đâu phải là thênh thang, mà đầy chướng ngại. Đó là cái giá phải trả bằng nửa thế kỷ đương đầu với gia cảnh nghèo nàn, chịu đựng mọi phủ phàng của bất công xã hội, để tầm sư học đạo, và còn phải vượt lên những miệt thị, dèm pha của hàng học gia quyền uy, bảo thủ... lúc bấy giờ, ông mới vươn tới đích vinh quang.

Tài hoa lỗi lạc của Tê Bạch Thạch chẳng phải ngẫu nhiên hay thiên phú, mà có được là do cần cù khổ luyện trọn cả cuộc đời ông, và kết tụ tinh hoa nghệ thuật dân gian, từ truyền thống quốc họa lâu đời của tiên bối. Đúng như cuối đời ông từng rút ra một chân lý giản dị mà sâu xa bằng ba chữ: "Tinh ở cần" nghĩa là tinh vì có được là nhờ ở sự chuyên cần.

Chính từ sự chuyên cần dẫn đến sáng tạo mà ông thành tài, thành danh. Mọi người suy tôn ông là bậc đại họa gia "tam tuyệt chi tài" (vẽ tranh, làm thơ, khắc dấu, ba tài năng đều tuyệt diệu). Và, cùng với bản lĩnh ngoan cường, ông đã bất chấp mọi sự bài xích của các họa gia hoài cổ, hình thức chủ nghĩa đương thời. Ông dày công nghiên cứu, hấp thụ

nghệ thuật cổ truyền, song nhất quyết giải thoát ràng buộc của tiên nhân, học cổ mà không nệ cổ, học người xưa để vượt người xưa, thực hiện “bút mực tùy thời đại”, tự thân vận dụng sáng tạo để tìm cho mình một lối đi riêng. Do đó, đến lúc tuổi cao ông vẫn liên tục lao động nghệ thuật hết mình, chuyên tâm chuyển hóa, biến cái họa pháp để vươn tới đỉnh cao “hình thần kiêm bị”, điều hòa một cách tài tình quan hệ giữa “hình” và “thần” trong tranh qua bút pháp “công bút” dung hợp với bút pháp “đại tả ý”, mở ra hướng mới trong xử lý cấu trúc tạo hình của quốc họa cổ truyền Trung Hoa. Từ đó, ông trở thành họa gia kiệt xuất độc nhất vô nhị ở Trung Hoa giữa thế kỷ 20.

Cũng từ tiến trình thể luyện và sáng tạo, ông còn nêu lên những kiến giải đã trở thành danh ngôn bất hủ, mà nhiều người biết đến: “Tranh hay ở chỗ vừa giống, vừa không giống. Quá giống thì mị tục, mà không giống lại dối đời”. Ngôn từ mộc mạc mà hàm ý thâm thúy, nói lên quan hệ giữa cuộc sống và nghệ thuật, đến vai trò sáng tạo của nghệ sĩ với hiện thực khách quan...

Người Trung Hoa xưa từng nói: “Tranh như người vậy. Bút cách thấp cao đều là nhân phẩm”. Phải chăng tranh của Bạch Thạch đã phản ánh trung thực tinh thần ấy?

Không một chút cầu kỳ, xa lạ, tranh của Bạch Thạch chất phác, bình dị như tâm hồn, phong độ và cảm xúc hồn nhiên, nồng hậu của người lao động bình thường. Đó là những hình ảnh gần gũi quen thuộc của quê hương, đất nước: Hoa lá, rau dưa, bí bầu, tôm, cá, cua, gia súc, gia cầm, côn trùng, chim chóc hoặc cái sọt, cái bàn cào, cho đến ông câu cá, bé chăn trâu... song qua bút pháp hào phóng mà tinh vi của Bạch Thạch đều mang cho người xem cảm khoái lạ thường và khơi gợi suy tư nhẹ nhàng mà sâu lắng. Bầy tôm như đang tung tăng bơi lội, đàn ong như đang bay, chim chóc như đang hót ca... trong tranh.

Từ quan lại cho đến dân thường và bao lớp người trong xã hội lúc bấy giờ đều yêu thích tranh của Bạch Thạch. Ấy

vậy mà chẳng lọt được mắt một số họa gia văn nhân sĩ phu. Họ miệt thị Bạch Thạch xuất thân thợ mộc, nghệ thuật phạm tục, thiếu cao nhã(?). Sau ngày đất nước giải phóng, lại xuất hiện một số người với quan điểm nghệ thuật thiên cận, lệch lạc, từng ngó nhận Bạch Thạch vẽ tranh chim hoa, tôm cá, côn trùng... mang vẻ cô đơn, lạc điệu, không rõ màu sắc chính trị(?). Qua đó, cho thấy: Có lúc, có nơi, có người từng đánh giá thiếu chính xác về thiên tài lỗi lạc của Tề Bạch Thạch. Song cát bụi làm sao che nổi viên ngọc sáng long lanh! Cuối cùng nghệ thuật của Bạch Thạch phải được trả lại đúng giá trị đích thực.

Tranh của Bạch Thạch còn thể hiện diệu nghệ kỳ tài của ông trong điều khiển ngọn bút lông mảnh mai, giản dị, mà đầy ma lực, với truyền thống hơn hai nghìn năm, từng cuốn hút bao người, và ngày nay cũng không ngừng thu phục bao thế hệ họa sĩ đó đây mê say và hấp thụ.

Với giới nghệ sĩ tạo hình và công chúng yêu nghệ thuật Việt Nam, lão họa gia Bạch Thạch từ lâu không còn xa lạ, mà đã trở nên gần gũi, mật thiết và luôn trân quý. Không ít họa sĩ Việt Nam từng học tập và vận dụng một cách sáng tạo kỹ pháp bút lông và mực nho trong nghệ thuật vẽ lụa, hoặc vẽ giấy dó, mong tìm lối đi riêng của mình và mang bản sắc dân tộc, qua tranh của Tề Bạch Thạch. Và còn yêu quý trọng vọng hơn, khi được biết lão họa gia Bạch Thạch từng in dấu chân “vạn dặm” lên vùng non xanh nước biếc ở biên giới đông bắc Việt Nam (Từ Đông Hưng sang Cầu Bắc Luân - đến Móng Cái) để thăm cảnh quan trời lục phương Nam, mà lão họa gia từng cao hứng viết bài thơ “Nhớ phương Nam” và vẽ tranh “Khách qua trời lục”.

*

Với tầm vóc lớn lao của một nhà nghệ sĩ nhân dân kiệt xuất của đất nước Trung Hoa và là một danh nhân văn hóa thế giới, tác giả cuốn sách này, mặc dù từng có những tháng năm học tập, nghiên cứu mỹ thuật Trung Hoa tại Bắc Kinh và gần đây tiếp tục sưu tầm bổ sung tài liệu, song vẫn không

sao khám phá, phát triển hết những công hiến nghệ thuật và cuộc đời nhiều ý vị của ông.

Bảng tài liệu có được, tuy chưa đầy đủ; hơn nữa số trang sách có hạn, tác giả xin cố gắng giới thiệu một số nét tiêu biểu ở thiên tài lỗi lạc và cuộc đời đầy gian truân, song hết sức vẻ vang của ông. Do vậy, cách tốt nhất, tác giả chỉ chọn những mẫu chuyện nhỏ sinh động, viết gộp thành những chuyên mục, nhằm đáp ứng tiện lợi cho việc tìm hiểu của độc giả Việt Nam hiện nay, mà không viết theo trình tự thời gian.

Hy vọng cuốn sách có thể giúp ích phần nào cho giới sáng tác, nghiên cứu, hoặc thưởng mộ nghệ thuật đang có nhu cầu tìm hiểu danh họa Tề Bạch Thạch. Đây cũng là sản phẩm chào mừng nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tròn 45 tuổi (01/10/1949 - 01/10/1994), nhằm góp phần nhỏ vào việc củng cố tình hữu nghị Việt - Trung ngày càng bền vững!

Mong độc giả gần xa thân ái chỉ bảo những thiếu sót không tránh khỏi của tác giả.

Hà Nội, mùa thu 1994

THÁI HANH

CUỘC ĐỜI

CỔ HƯƠNG THÔN DÃ, GIA CẢNH BẮN HÀN

Tê Bạch Thạch ra đời và lớn lên ở thôn Cây Hạnh, cạnh đầm Tinh Đầu, huyện Tương Đàm, tỉnh Hồ Nam, miền nam Trung Quốc.

Nơi đây, một miền bán sơn địa, cảnh quan tươi đẹp, sơn thủy hữu tình. Những núi Tử Vân, núi Bạch Thạch, núi Liên Hoa quanh năm xanh rờn, trập trùng bên dòng sông Tương nhỏ nhỏ, xinh xinh, cùng những hồ sen tươi tốt ngào ngạt hương thơm...

Nơi đây, đã hun đúc áp ủ cho Bạch Thạch một tâm hồn yêu thiên nhiên, đất nước dạt dào và từng gắn bó nửa cuộc đời lao công khổ luyện của ông để trở thành một họa gia lỗi lạc thiên tài.

Tổ tông của Bạch Thạch từng sống lam lũ đổ mồ hôi sôi nước mắt trên mảnh đất Cây Hạnh này. Người làng còn gọi Cây Hạnh là Cây Tiên. Còn nghe nói xưa kia có một mảnh sao băng rơi đúng xuống đầm nước cạnh thôn, nên đầm này mang tên đầm Tinh Đầu. Mộ cụ tổ của Bạch Thạch còn ở cạnh đầm này. Cách nhà Bạch Thạch chừng mười dặm có một cái gò gai, người ta còn gọi là “gò yêu”. Ở đây có một miếu thờ. Người làng thường đến cúng bái. Ngày lễ, tết, Bạch Thạch cũng thường cùng gia đình đến cúng bái ở miếu này.

Không còn nhớ thời trước xa nữa, nhưng đến Bạch Thạch, thì đã qua ba đời cần cù lao động cật lực mà vẫn không sao thoát nổi cảnh bắn hàn. Dòng họ không hề có một ai làm quan chức và cũng không có một ai làm ăn phát tài. Chỉ riêng Bạch Thạch may mắn có một chút tài năng, trở về già mới được vinh

thân. Do vậy mà những tháng năm được ít nhiều vẻ vang, danh tiếng Bạch Thạch bao giờ cũng ngậm ngùi hồi tưởng lúc hàn vi và không bao giờ quên nghĩ đến ông bà bố mẹ lúc sinh thời cơ cực, gian truân...

Ông cố nội Bạch Thạch là một lão nông tên là Hoàng Mệnh Công. Con thứ ba nên được gọi là ông Ba Mệnh. Tổ tông trước kia vẫn vốn nghiệp nông gia mà vất vả cả một đời người.

Ông nội tên là Vạn Bình Công. Con thứ mười nên được gọi là Mười Tề. Ông thuộc loại người hảo hán, tính tình cương trực, không sợ bạo ngược, hay nổi cáu và luôn bất bình với những kẻ cường quyền hống hách hiếp đáp dân lành. Nhưng ông nghèo xác xơ, nên họ không buồn lưu ý để mà sinh sự với ông.

Bà nội tên là Mã Nhu Nhân, còn gọi là bà Mười Tề, tính nết hiền dịu, ôn hòa chịu thương chịu khó. Ông nội có lúc bực bội gì thì bà nhẹ nhàng khuyên giải. Ông bà chỉ sinh mỗi bố Bạch Thạch. Chính là cháu đích tôn, nên Bạch Thạch được ông bà nội cưng như hòn ngọc. Mỗi khi đi làm lụng ngoài đồng, bà nội thường công Bạch Thạch theo trên lưng và không lúc nào bà rời chiếc mũ nan rộng vành... Sau này mỗi khi nhớ đến một thời thơ ấu, Bạch Thạch chỉ muốn đến bên mộ các cụ để khóc cho nguôi!

Bố Bạch Thạch tên là Thế Chính Công, còn gọi là Thế Văn. Tính nết lại chẳng giống ông nội tý nào, thật thà đến mức nhu nhược, hay sợ sinh chuyện nên cam chịu thiệt thòi. Gặp phải chuyện bực tức hay có oán hận gì cũng nuốt nước mắt, không muốn để lộ ra ngoài. Ai cũng bảo ông là người dễ bị sai khiến. Nên tặng cho ông biệt hiệu “đầu ốc”.

Vậy mà mẹ Bạch Thạch lại ngược với bố. Bà tên là Chu Thái Quân, còn gọi là Chu Thị. Luôn cương nghị và cái gì cũng phải minh bạch, nhưng nhã nhặn, lễ độ, đảm đang và tần tiện. Nếu không gặp được người vợ như vậy thì ông sẽ bị người ta hà hiếp đến nhường nào? Về nhà chồng, bà bắt tay làm tất tạt việc lớn bé. Ngoài cơm nước, quét dọn, chăn nuôi lợn gà, còn kéo sợi, dệt vải, nhuộm màu may quần áo cho gia

trẻ quanh năm. Đối với bố mẹ chồng thì hết mực cung kính. Cho nên, tuy cuộc sống nhà tranh vách đất, ruộng vườn không đủ trồng, thiếu ăn triền miên, phải đi đốn củi để bán, hoặc làm thuê công nhật cho chủ khác ... song hoàn cảnh nhà ông bà, bố mẹ, con cái sống chung lúc nào cũng hòa thuận ấm êm!

Khi Bạch Thạch còn bú mẹ thường khó ăn khó ở, thầy lang trong làng bảo mẹ phải kiêng dầu mỡ cá thịt để tránh sữa không tốt bất lợi cho con. Tội nghiệp cho mẹ, vì thương con chẳng biết đúng sai vẫn phải tuân theo thầy thuốc. Đến ngày giỗ tết, gia đình đành dùm mua ít cá thịt, làm cỗ cúng xong, mẹ cũng chỉ ngồi nhìn, tí ty cũng chẳng dám đụng đến! Khi lớn lên Bạch Thạch sống xa mẹ, nghĩ đến ơn mẹ thật to lớn nghìn vàng, mà không biết làm sao đền đáp nổi.

Trong những tháng năm cách biệt quê hương, tha phương cầu thực, Bạch Thạch có những lần phải cam chịu đau thương tột cùng, một năm phải thọ hai đại tang bố mẹ. Đó là năm 1926, được tin bố mẹ qua đời, Bạch Thạch lòng dạ quặn đau như cắt! Nhưng nghiệt thay! Khắp nơi đang hỗn chiến, giao thông tắc nghẽn, không tài nào trở lại quê nhà, đành chịu bất hiếu, bởi miếng cơm manh áo mà lâm cảnh phiêu bạt, lưu vong! Bạch Thạch nước mắt tuôn trào khi đọc thư biết mẹ hấp hối còn nhắc đi nhắc lại: “Thuần Chi về chưa? Tôi không thể chờ nó được nữa rồi! Tôi không gặp được Thuần Chi, thì nhắm mắt vẫn chưa yên lòng!”

Ông bà, bố mẹ không để lại cho Bạch Thạch của cải, châu báu, bạc vàng... mà để lại phúc đức nhân từ và nghĩa nặng tình sâu...

TUỞNG NHU KHÓ QUA

Bạch Thạch ra đời năm 1863 tức năm Quý Hợi là “Tuổi Lợn”, cái tuổi mà ông bà nội thường bảo rằng bị sao Thủy chiếu mạng phải đề phòng đủ điều.

Sau khi kết hôn 2 năm, 19 tuổi, mẹ sinh Bạch Thạch. Lúc đó bố 25 tuổi, ông bà nội đều quá 50 tuổi. Cả nhà vô cùng sung sướng vì nay đã có cháu đích tôn! Nhưng khốn nỗi, sau khi lọt lòng, Bạch Thạch thân thể yếu ớt, đau ốm triền miên. Cả nhà lo âu, nhất là bà và mẹ hết hoảng, chạy ngược xuôi mời mọc thầy bà trong làng chữa chạy. Nhưng lại thiếu tiền thuốc thang, phải cầu cạnh hiệu thuốc để được mua chịu. Xóm làng bấy giờ lại mê tín nặng nề, bà và mẹ sốt ruột, ngày vài ba lần đến khắp các miếu đền, khăn vái mong trời đất phù hộ cho Bạch Thạch tai qua nạn khỏi. Bà và mẹ bái lạy cup đầu va đất đến nỗi trán sưng u như quả bóng mà chẳng thấy đỡ đau. Tưởng vậy mới tận lòng thành cung kính thần thánh tổ tiên. Lại thêm những dị nghị huyền thuyên của người làng: Nào Bạch Thạch ốm đau là do thời tiết nhiệt hạn mà gặp phải độc phong chương khí, hoặc còn những ác khẩu rêu rao vì vương phải hung thần, mắc tội với thánh tổ và còn bao nhiêu điều quái dị hơn nữa, càng khiến cho mẹ và bà thêm rối ruột, khiếp đảm, mà đành cam chịu tốn kém mời đến thầy phù thủy về nhà trừ ma khử quỷ, cúng bái lễ lộc, khẩn phật cầu trời cho Bạch Thạch nhanh chóng giải thoát được ngặt nghèo. Nhưng rốt cuộc rồi cũng chẳng đoán định được nguyên căn gì. Ấy vậy mà chẳng biết tại sao, qua mấy năm lâm bệnh điều đứng thập tử nhất sinh, đến năm 4 tuổi, Bạch Thạch tự nhiên khỏe khoắn lên dần, như trút được gánh nặng, cả nhà cùng khoan khoái thở phào mừng cho cháu đích tôn được đất trời phù hộ! Từ nay ông nội thường bế bồng, cưng yêu, đùa cợt, dắt cháu đi dạo chơi đó

đây. Cả đời ông nội dành dụm mua được chiếc áo da sơn dương, trong đã rụng lông hết nửa, Nhưng mùa đông sợ cháu lạnh, thường lấy áo bọc ủ cho cháu ngủ trước ngực mình. Ông vui vẻ nói: “Trong đời có gì sung sướng bằng khi bế cháu ngủ say trong lòng”. Những ngày đông giá lạnh, dù gần 60 tuổi rồi ông vẫn đi kiếm củi về đốt và ôm cháu ngồi sưởi bên lò. Còn mẹ và bà nội thì mừng vui đến ghen ngào rơi nước mắt khi thấy Bạch Thạch đã được “giải hạn” dần dà lớn lên, đi đứng nói năng ráo rẻ... Nhưng mẹ và bà vẫn như chưa được hoàn hồn, lúc nào cũng lo sợ tái phát, nên tiếp tục kiêng cử cá thịt dầu mỡ cho Bạch Thạch. Hai bà hơn hở đi đâu cũng bế dắt Bạch Thạch theo bên mình. Đi làm đồng thì công theo trên lưng. Vì sợ Bạch Thạch ở nhà một mình buồn và không ai trông coi, chăm sóc. Hai người thường nói với nhau: “Dù có mệt mỏi hay lưng có còng một chút mà được yên lòng là tốt rồi!”

Mấy năm sau nữa, Bạch Thạch lớn lên, nhưng thân thể vẫn cứ gầy gò. Vậy mà cảnh nhà neo đơn, Bạch Thạch phải làm lụng nặng nhọc. Bà nội lúc nào cũng thương xót lo âu đến cháu, rồi còn theo những lời đoán định tướng số nhằm nhĩ rằng sao Thủy chiếu mệnh cháu mình, phải phòng ngừa tai họa, nên bà tìm mua một cái lục lạc bằng đồng có dây màu đỏ đem về buộc vào cổ Bạch Thạch và luôn dặn dò khi lên núi thả trâu, đón củi, cháu hãy cẩn thận. Đến chiều, bà nghe tiếng lục lạc là biết cháu về, bà lo cơm nước để cháu kịp ăn. Còn mẹ Bạch Thạch cũng nghe theo lời người ta về việc, đi kiếm một miếng đồng mỏng nhỏ, cho khắc 6 chữ: “Nam mô A-di-đà-Phật” buộc chung vào lục lạc của bà Bạch Thạch và nói: “Có miếng bùa này thì chó sói, hổ báo, yêu ma quỷ quái trên núi không dám đến gần”. Đáng tiếc là cái lục lạc và miếng bùa đồng này đều bị mất khi quê nhà loạn lạc vào thời kỳ đầu Dân Quốc (1911-1912). Sau này sống xa quê nhà, Bạch Thạch cũng tìm một miếng đồng nhỏ buộc vào lưng quần để tưởng nhớ đến bà nội và mẹ chăm sóc mình lúc nhỏ. Bạch Thạch còn khắc con dấu in tự xưng là “Người mang chuông” để kỷ niệm những năm tháng ấu thơ từng ném trái bao cơ cực tại quê nhà.

Năm 17 tuổi, Bạch Thạch bị một trận ốm nôn ra máu thật nguy hiểm, phải bỏ học hành. Nếu không nhờ bài thuốc “dụng hàn phục hỏa” của thầy thuốc Vương, thì không biết sẽ ra sao? Hơn 40 năm sau, Bạch Thạch bước vào tuổi 60, một trận ốm liệt giường 7 ngày đêm mê man bất tỉnh, toàn thân suy nhược, phải chữa chạy hàng tháng mới ngồi dậy được. Có lúc quá mệt mỏi, Bạch Thạch sinh nghĩ quẩn: “Chẳng lẽ mới hơn 60, mà đời lại hết ư?”. Rồi lại đến mười năm sau, phải chẳng đúng vào “năm hạn”, Bạch Thạch không may bị vấp ngã bong gân treo chân, cơ hồ bị tàn phế, phải nằm bất động trên giường hàng tuần, điều trị mấy tháng liền mới bình phục. Đến những năm tháng trở về già, sức khỏe dần suy nhược, lại thêm bệnh tim, hay đau răng. Những lúc ấy Bạch Thạch thường nghĩ ngợi, hồi tưởng miên man và xúc động với nghĩa tình sâu nặng mà ông bà bố mẹ vợ con đã dành cho mình những lúc ốm đau xưa kia, thật quý báu biết nhường nào? Mỗi lần nghĩ đến Bạch Thạch không sao cầm được nước mắt!

NHỮNG CÁI TÊN, NHỮNG NGHĨA TÌNH

Bạch Thạch thuộc dòng họ “Tê”. Nhưng theo cách sắp xếp chữ thì đến đời Bạch Thạch mang chữ “Thuần”. Do đó, tên cúng cơm của cháu đích tôn được đặt là “Tê Thuần Chi”. Bởi tên riêng là “Chi”, nên cả nhà thường gọi là “A Chi”. Đến khi làm thợ mộc, thì chủ khách đều gọi Bạch Thạch là “thợ mộc Chi”, một số người tỏ vẻ lịch thiệp còn gọi là “Thầy Chi”. Nguyên hiệu của Bạch Thạch chính là “Vị Thanh”. Ông nội con đặt cho một biệt hiệu nữa là “Lâm Bình”. Còn tên “Tê Hoàng”. chữ “Hoàng” là do thầy giáo Hồ Tắm Viên và Trần Tác Huân đặt ghép vào họ “Tê”. Hai thầy còn đặt thêm cho một biệt hiệu nữa là “Tân Sinh”. Rồi đến cái tên “Tê Bạch Thạch” hay thường dùng nhất trong đời cũng do hai thầy đề xướng, chính là đặt theo tên núi Bạch Thạch cách nhà chừng vài dặm. Ở vùng này có cửa hiệu cũng lấy tên Bạch Thạch. Hai thầy còn đặt thêm một biệt hiệu nữa là “Bạch Thạch sơn nhân”. Nhiều người trong làng bảo bớt hai chữ “sơn nhân”, chỉ nên gọi là “Tê Bạch Thạch” và tự thân Bạch Thạch cũng thích thú dùng tên này cho đến lúc mãn đời. Vì nó mang họ của gia tộc, vừa mang địa danh của cố hương. Ngoài ra, người làng còn gọi Bạch Thạch nhiều tên khác nữa, như “Lão Mộc”, “Lão Mộc Nhân”, hay “Mộc Cư Sĩ”... Những cái tên đó có liên quan đến nghề nghiệp xuất thân, như nhắc nhở Bạch Thạch không bao giờ vong bản. Đặc biệt có một cái tên thật khó quên là “Tê Mỹ Nhân” được người làng tặng cho khi Bạch Thạch vẽ nhiều tranh mỹ nữ tuyệt đẹp cho những bà con quanh vùng đặt vẽ. Hoặc những cái tên “Tinh Đầu lão nhân”, hay “Lão Nông Tương thương”, đều gọi những kỷ niệm sâu sắc về quê nhà. Còn những cái tên “Lão Bình”, “Ông Bình” liên tưởng đến biệt hiệu “Lâm

Bình” mà Bạch Thạch cũng thường dung làm bút danh theo thích thú khi khắc dấu, làm thơ hay vẽ tranh. Cũng như bút danh “Tam bách thạch ân phú ông” là nói lên việc Bạch Thạch thu nhập hơn 300 viên đá quý khắc in khi ở Bắc Kinh.

Từ thời trung niên trở đi, nhiều người quen gọi là “Tề Hoàng”, hay là “Tề Bạch Thạch”, Bạch Thạch cũng thường tự xưng hô và đến người ngoại quốc cũng quen gọi như vậy. Các biệt hiệu hoặc bút danh khác ít được người ta chú ý, như cái tên cúng cơm “Tề Thuần Chi” thì chỉ người nhà hoặc bà con ở cô hương mới biết đến và còn nhớ đó là Bạch Thạch. Ngoài ra không mấy ai quen thuộc.

SÁNG LÊN TỪ BẾP TRO TÀN

Con đường học văn của Bạch Thạch thật lắm gian truân khổ hạnh, chẳng khác “mài sắt nên kim”, mới có một tri thức uyên thâm của một nghệ sĩ thiên tài.

Từ bé Bạch Thạch đã tỏ ra thông minh, hiếu học lại hết mực chuyên cần.

Lúc bốn, năm tuổi, Bạch Thạch thường quần quít theo ông nội vào bếp. Ông ôm cháu vào lòng ngồi bên lò sưởi, lấy que sắt thông lò rồi vẽ chữ “Chi” lên đồng cho tàn ở bếp. Ông bảo Bạch Thạch nhận mặt chữ và nói: “Đây là chữ “Chi” tên của cháu đấy, đừng quên hình và nét chữ nhé”. Thực ra ông biết nhiều nhất cũng chỉ đến ba trăm chữ, còn một số chữ khác thì ông biết lơ mơ. Nhưng chắc chắn rằng chữ “Chi” thì ông thuộc và viết ra đích xác không sai. Do đó, chữ “Chi” là chữ học mờ lòng do ông nội dạy cho Bạch Thạch. Vốn thông minh sáng dạ, nên ông nội dạy cho chữ nào là Bạch Thạch đã thuộc lâu và lại còn viết đúng ngay theo chữ đó. Do vậy, cứ vài hôm ông lại dạy cho cháu thêm một số chữ nữa. Ông còn căn dặn Bạch Thạch phải ôn tập ngay và phải lắng nghe ông giải để hiểu nghĩa chữ đó là gì, để rồi dùng đúng chữ, như vậy mới gọi là biết chữ. Còn cứ tham lam thuộc nhiều chữ mà biết rồi lại quên, nghĩa cũng không hiểu, đó là sự dối mình, chẳng khác nào chưa biết chữ. Ông luôn dặn dò như vậy và không ngớt lời khen ngợi Bạch Thạch học nhanh, học giỏi, cứ khôi! Bà nội và bố mẹ Bạch Thạch thấy vậy đều khắp khởi vui mừng!

Sau ba năm, ông nội bảo ông đã dạy hết chữ rồi, không dạy tiếp được nữa. Nên Bạch Thạch đành phải ôn tập lại đến thuộc lòng vanh vách và còn giải nghĩa rành rọt cả ba trăm chữ mà ông nội đã dạy cho. Ông nheo mắt cười khà khà và xoa đầu khen cháu đã biết chữ nhiều bằng ông rồi đấy và còn được học

sớm hơn một năm nữa cơ! Nhưng ông lại thơ dài vì có chuyện gì khúc mắc trong lòng? Mẹ Bạch Thạch vốn tinh nhanh đoán biết ông thiếu tiền cho cháu đi học tiếp, bèn thưa và trình ngay với ông số tiền dành dụm mua cái trâm cài đầu dê mua bút mực sách vở cho bé Chi tiếp tục đi học. Cả nhà đều ý thức được sau này dù có cầm cây cầm cuốc đi nữa, nhưng bé Chi có được học hành cùng hơn. Nên ai cũng chăm sóc và khuyên mong Bạch Thạch học tập nên người. Vậy là năm sau bé Chi được sung sướng theo học trường ông ngoại Chu Vũ Nhược Công mở tại đình Phong Lâm ở phía Bắc phố Bạch Thạch cách nhà hơn ba dặm. Ông nội dắt bé Chi đến trường, trước bài Khổng Tử tiên sư ba bài, sau bài ông ngoại là thầy dạy ba bài. Làm đúng lễ nghi long trọng đó sau này bé Chi mới được nên người và sẽ giàu sang. Ông nội hướng dẫn như vậy. Từ đó Bạch Thạch chính thức được đến trường mà ông ngoại là người thầy khai sáng cho cháu. Đương nhiên là khỏi tốn học phí mà còn được ông ngoại diu dắt. Còn bây giờ thì ông nội vẫn phải sáng dắt cháu đi, chiều đón cháu về. Lắm hôm mưa to, đường xa hơn ba dặm mà đất đỏ bùn dẻo quanh trơn như mỡ. Có đoạn ông phải cõ công cháu trên lưng, tay lại phải cầm ô che và xách đồ đạc, nên ông mệt nhọc đến thở không ra hơi. Thật rõ khổ cho ông đã ngoài sáu mươi rồi!

Nhờ ông nội dạy trước mà Bạch Thạch lên lớp học lâu lâu sách Tam Tự Kinh, Tứ ngôn tạp di, hay Thiên gia thi. Bạch Thạch được ông ngoại và đồng học không ngớt lời khen ngợi. Ông nội biết chuyện vậy vênh chòm râu bạc sung sướng mỉm cười hả dạ...

Mặc dù chỉ “đọc trơn” chưa hiểu hết nghĩa, nhưng nhờ ông nội dạy cho một ít chữ đã biết nghĩa, mà Bạch Thạch đã lần mò học nghĩa thơ, rồi thích thú đọc thơ, tập làm thơ. Sau này đến tuổi 20, Bạch Thạch từng thuộc tới 300 bài thơ Đường, rồi dần dà tu luyện, trở thành thi nhân, mà cái vốn khởi nguyên từ say mê thuộc lòng Thiên gia thi ở lứa tuổi ấu thơ... Và, con đường học vấn của Bạch Thạch được mãi sáng lên từ chữ “Chi” bên bếp tro tàn...

HẠNH PHÚC LỬA ĐÔI, BÊ DỠ CHO ĐỜI

Hạnh phúc lứa đôi của Bạch Thạch có lẽ không giống như nhiều người, mà cái khác ấy phải chăng là điều may cho đường đời của ông?

Vào thời kỳ suy vi của phong kiến nhà Thanh, những hủ tục ở thôn làng như càng hưng thịnh. Lệ thường, nhà nào gặp cảnh gieo neo lại thiếu người làm, thì con trai phải sớm lấy vợ và tuổi vợ phải lớn hơn, để có thêm người làm hoặc đỡ đần trong nhà. Còn con gái thì sớm muộn gì cũng làm con dâu của nhà người ta, nên phải nhanh chóng gả chồng để bớt đi miệng ăn. Bạch Thạch đang đứng trước một gia đình khôn đôn, lại muốn làm tròn chữ hiếu và làm sao tránh được những tập tục đạo đời. Bước vào tuổi 12 (tính theo âm lịch), Bạch Thạch đành phải đi theo bố mẹ rước dâu bài lạy trời đất, tổ tông, gia tộc, tục gọi là lễ “bái đường”, chờ đôi trai gái lớn lên mới cho sông chung thành vợ chồng chính thức gọi là lễ “Viên phòng”. Thời kỳ chưa làm lễ “Viên phòng”, người ta thường gọi cô vợ trẻ ấy là “Đồng dưỡng thiếp”, nghĩa là “vợ nuôi” hay là “vợ trẻ thơ” (ở Việt Nam gọi là tảo hôn).

Cô vợ trẻ thơ của Bạch Thạch tên là Trần Xuân Quân lớn hơn Bạch Thạch một tuổi (sinh năm 1862), người cùng quê. Sinh trưởng trong gia đình chẳng khá giả gì, từ nhỏ đã quen làm lụng cần cù. Xuân Quân về làm “vợ nuôi” đỡ đần mẹ và Bạch Thạch, quét trong dọn ngoài, giặt giũ trông em, cơm nước, chăn nuôi, luôn chân luôn tay từ sáng đến chiều. Mới 13 tuổi mà Xuân Quân đã tỏ ra đảm đang, giỏi giang, nên được cả nhà mến yêu khen ngợi. Còn Bạch Thạch thì tuy ngây thơ, e thẹn, song cũng không làm sao dấu nổi nặng lòng cảm thương!

Năm này, cả nhà Bạch Thạch cũng tưởng chỉ có vui mừng mãn nguyện vì cuộc hôn nhân của con trẻ. Nào ngờ như “set

đánh trời quang”. Ông nội Bạch Thạch lâm bệnh đột ngột qua đời! Cả nhà đau buồn than khóc. Bạch Thạch quá thương tiếc ông, khóc ròng mấy ngày, chẳng chịu ăn ngủ. Bà nội và bố mẹ khuyên Bạch Thạch chớ nên dày vò thân xác, làm cho ông nội không yên lòng, vì lúc nào ông nội cũng thương yêu cháu.

Vì cảnh nhà nghèo túng, mà Bạch Thạch đã chứng kiến cảnh gia đình phải tự lo khám liệm và mai táng ông nội. Đây là nỗi đau khôn cùng và cũng là bất hạnh đầu tiên trong đời Bạch Thạch. Năm 1882, sau ba năm Bạch Thạch học chạm khắc hoa thanh nghệ cả nhà mừng vui vô hạn. Nhân dịp này, bà nội và bố mẹ bàn định chọn ngày lành tháng tốt, mời họ hàng, khách khứa cùng hân hoan chứng kiến cho Bạch Thạch và Xuân Quân làm lễ “Viên phòng” trở thành vợ chồng ở tuổi mười chun, đôi mươi.

Tuy Bạch Thạch giờ đây thành nghệ đã kiếm được ít nhiều, song gánh nặng gia đình vẫn chưa làm sao vượt khỏi được nghèo túng! Nên Xuân Quân vừa phải lo toan việc nhà vừa phải đi xa làm lụng. Có hôm cố gánh nước tưới rau búng dổi lá người, mà Xuân Quân vẫn tươi cười không chút kêu ca. Hơn thế nữa, Xuân Quân còn phải chịu những lời dèm pha của đôi kẻ láng giềng độc mồm: “Người như chị việc gì mà phải ở đây chịu cực. Chẳng lẽ không tìm được nơi nào khá giả hay sao?” Nghe vậy, Xuân Quân chỉ đáp nhẹ nhàng: “Chẳng lẽ khá giả mới nên vợ nên chồng ư? Tôi chỉ biết thân mình là vậy”. Trước mọi cực nhọc hay thiệt thòi, Xuân Quân không bao giờ hé mồm phàn nàn, kể cả với người nhà phía mình. Có nam, nhà nghèo túng thiếu cái đun, Xuân Quân sắp sinh con mà vẫn đi kiếm củi tận vùng núi Tử Vân sau Đầm Tĩnh Đẩu. Muốn chặt được những cành tùng ở trên dốc cao, khó leo phải bò rất nặng nề. Vậy mà Xuân Quân chẳng hề nao núng. Thường ngày ngoài việc quản gia, nuôi lợn gà, trồng nho, đậu, rau, dưa... còn dệt được vải, chỉ khổ nỗi là phải chịu tiếng thổi đưa đình tai nhức óc! Vậy mà sau này đi xa, Bạch Thạch lại nhớ đến chỗ giàn nho và tiếng dệt vải đó, nhưng không làm sao có được.

Sau mấy chục năm, tuy cuộc sông chưa sung túc, song cảnh nhà sum họp đầm ấm thuận hòa. Bạch Thạch đi đi về về, nhưng chưa hề nghĩ đến chuyện ly biệt quê hương. Ngờ đâu đến giữa cuộc đời. Bạch Thạch phải đi lánh nạn nơi đất khách quê người một mình đơn độc, không làm sao đi được cả gia đình. Do vậy mà khi chia tay bố mẹ, vợ con. Bạch Thạch vô cùng đau xót nghĩ đến bố mẹ già nua bảy tám mươi tuổi, còn vợ con thì sông đạm bạc qua ngày! Xuân Quân người vợ yêu quý của Bạch Thạch nay cũng đã hơn 50 tuổi, mà vẫn vui vẻ tình nguyện ở lại quê nhà chăm sóc bố mẹ già và nuôi nấng con cái, chỉ mong sao Bạch Thạch sông ổn định, thăng tiến hành nghề, để rồi bà đi về tới lui gặp mặt. Lúc nào bà cũng muốn dành mọi thuận lợi cho sự nghiệp của chồng. Một hôm Xuân Quân nghĩ đến chuyện Bạch Thạch sông ở Bắc Kinh cô đơn không tiện, bèn chân thành khuyên Bạch Thạch hãy tìm một người vợ kế để trông nom đỡ đần những khi tới lứa tắt đèn... Bà lo lắng đủ điều cho Bạch Thạch và cho cả một gia đình nặng nhọc ở quê hương, khiến cho Bạch Thạch xúc động vô cùng!

Đạo ấy đang xuân, mưa liên miên, hoa lê quanh vườn nở rộ. Hoa trong mưa như cũng rơi lệ cùng người ly biệt... Bạch Thạch lưu luyến quê nhà, ra đi lòng buồn khôn xiết. Song không còn cách nào hơn nữa để mưu cầu cho sự nghiệp và cuộc sông dài lâu cho cả gia đình. Bạch Thạch mong sao một ngày nào đó được đón cả gia đình cùng đến Bắc Kinh đoàn tụ.

Những ngày đầu ly biệt, đêm đêm trần trờ nhớ thương không sao ngu được, Bạch Thạch đành làm thơ, đọc sách giải khuây.

Chưa đầy hai năm sông ở Bắc Kinh, Bạch Thạch nhận thư Xuân Quân sẽ lên lo chuyện thành gia cho Bạch Thạch. Quả nhiên không lâu Xuân Quân đã đến Bắc Kinh đi hỏi cho Bạch Thạch một người vợ kế tên là Hồ Bảo Châu vừa 18 tuổi tròn, nhỏ hơn Bạch Thạch đến 39 tuổi, người gốc ở Phong Đô - Tứ Xuyên, bố làm nghề đan lát tại đây. Lo xong việc hôn lễ, nghe tin loạn lạc ở quê nhà, bà nóng lòng vội vã trở về. Bạch Thạch tiễn đưa bà về quê rồi đưa con trai và cháu nội lên Bắc Kinh học hành.

Có lẽ là chuyện thật hiếm thấy trên đời. Được tin Bao Châu

vợ kê của Bạch Thạch sinh con trai đầu lòng, chẳng chút ngần ngại tính toán gì, Xuân Quân vội vàng lặn lội từ quê nhà ngược lên Bắc Kinh để chăm sóc nuôi nấng mẹ con Bảo Châu. Vì lo Bảo Châu còn trẻ, nuôi con chưa quen, thiếu chu đáo. Không quản khó nhọc, đêm ngày bà tự tay chăm ẵm bé thơ. Bé đói bế đến Bảo Châu cho bú, bú no bế về ru ngủ. Đêm dài đông lạnh, phải dậy bao lần mà bà vẫn tươi vui yêu chiều bé như con đẻ của mình. Trước cử chỉ cao cả đó, Bảo Châu vô cùng cảm động và trân quý chịu ơn. Còn Bạch Thạch thì càng trọng nể Xuân Quân biết nhường nào!

Nửa năm sau Xuân Quân lại phải trở về để quán xuyến cảnh nhà bề bộn ở cố hương. Mỗi lần Xuân Quân lên Bắc Kinh trở về, Bạch Thạch đều tiễn đưa đến tận quê nhà và cũng là dịp về thăm nom bố mẹ vợ con, thân quyến bạn bè làng xóm bao ngày cách biệt...

Xuân Quân về nhà Bạch Thạch lúc 13 tuổi, nay đã hơn 60 năm đằng đẵng chịu đựng cực nhọc phụng dưỡng ông bà bố mẹ, nuôi nấng con trẻ, quán xuyến gia đình khi yên bình cũng như lúc loạn ly lánh nạn, song Xuân Quân không một chút phàn nàn, vì để Bạch Thạch yên lòng khỏi nặng gánh thê nhi, an cư lạc nghiệp nơi đất khách quê người. Hơn 60 năm chung sống, biết bao tình nghĩa! Thế rồi tin đau lại đến! Đầu năm 1940, Xuân Quân lâm bệnh qua đời, thọ 79 tuổi (1862-1940). Bạch Thạch vô cùng xót xa thương tiếc mà đau khổ dày vò hơn là đang khi hỗn chiến khắp nơi, giao thông tắc trở, không làm sao về quê tiễn biệt người vợ hiền, đức hạnh, hết mực thủy chung về nơi an nghỉ cuối cùng! Bạch Thạch khóc thương không còn nước mắt! Mỗi khi nghĩ đến lời trăng trối của Xuân Quân dặn dò con cháu hãy chăm sóc cẩn thận cho Bạch Thạch và còn thiết tha nhắc lại mong Bạch Thạch có gì không hài lòng thì xin đừng trách giận..., khiến Bạch Thạch lòng càng quặn đau!

Một đời Xuân Quân đã trút trọn nghĩa tình cho Bạch Thạch. Quả là một đáng hiền thê quý thiếp đã chấp cánh cho đời Bạch Thạch thăng hoa.

Sau khi Xuân Quân qua đời một năm, nhiều bằng hữu thân

tình khuyên Bạch Thạch làm lễ phục chính cho Bảo Châu trở thành kẻ thất.

Hơn 20 năm được bàn tay chăm sóc đỡ đỡ của người vợ kẻ trẻ trung, cần mẫn, mà sự nghiệp nghệ thuật của Bạch Thạch ở Bắc Kinh có biết bao thuận lợi, khác chi một kẻ đỡ đỡ vô hình. Sống bên Bạch Thạch, Bảo Châu ngày một am hiểu nghệ thuật. Từng mài mực, soạn giấy, đỡ đỡ cho Bạch Thạch khi vẽ vờ, hoặc khắc dấu, bồi tranh. Có lúc Bảo Châu còn chỉ ra được những chỗ hay chỗ vụng trên tranh. Hoặc ở thị trường có tranh mạo danh Bạch Thạch, Bảo Châu vừa nhìn đã phát hiện ra ngay. Những khi trái gió trở trời, Bạch Thạch mệt mỏi, ốm đau, Bảo Châu ngày đêm chăm sóc hết mình. Nếu không có Bảo Châu thì Bạch Thạch vất vả biết bao!

Những năm tháng Bạch Thạch sống trong một cảnh hai quê, như “chim hai tổ”, Bảo Châu lúc nào cũng kính nể Xuân Quân, không bao giờ quên tiết lễ. Cho nên trong cảnh “chị em thiếp” mà chưa hề xảy ra một chút bất hòa. Bạch Thạch những tưởng được Bảo Châu nâng giắc cho đến ngày quy y thiên cổ. Ngờ đâu, sau ba năm Xuân Quân ra đi, Bảo Châu chưa hưởng hết nửa cuộc đời (1902-1943) mà cũng đã lâm bệnh rồi vội bước theo Xuân Quân, để lại cho Bạch Thạch ở tuổi bát tuần bao nỗi bi thương và quãng đời cô quạnh!

Song, giờ đây Bạch Thạch đã đến bước công thành danh toại, nghệ thuật đang đà khai hoa kết trái. Hai người bạn đời thủy chung dầu có vội vã đi xa, nhưng chắc không nhiều hồi tiếc, bởi từng chung tay vun xới cho mảnh vườn nghệ thuật của Bạch Thạch sinh sôi nảy nở tốt tươi...

Phụ chú: Đời riêng của Tế Bạch Thạch:

- Có 9 anh chị em, 6 trai, 3 gái. Bạch Thạch là con trai trưởng - cháu đích tôn. Các em không ai làm họa sĩ và không có chức tước.

- Có 2 vợ, 12 con (7 trai 5 gái). Vợ cả ở quê có 5 con (3 trai 2 gái). Một con trai theo bố học vẽ thành nghệ nhân, không nổi tiếng lắm. Vợ kẻ ở Bắc Kinh có 7 con (4 trai 3 gái). Một trai tốt nghiệp trường chuyên khoa nghệ thuật Bắc Kinh cũng không suất sắc.

- Gia đình ở quê có ông bà bố mẹ, vợ con, cháu chắt “tứ đại đồng đường”. Có lúc chung sống một nhà đến gần 20 người.

DU LÂM DÓ ĐÂY VÀ THĂM VÙNG ĐẤT VIỆT

Bây giờ thì tay nghề đã vững, kiếm sống dễ hơn, gánh nặng gia thế vơi dần... Gần 40 tuổi Tế Bạch Thạch mới co díp bước ra khỏi quê nhà, đi xa thường ngoạn cảnh quan non nước mà bấy lâu ước ao...

Từ mùa thu năm 1902 đến cuối năm 1909, trong khoảng 8 năm ấy, Bạch Thạch đã năm lần đi du lâm hơn nửa đất nước.

“... Bất kể viết văn làm thơ, vẽ tranh hay khắc dấu... đều cần đi du lâm để tiếp cận cảnh vật. Vẽ tranh càng phải đi nhiều để quan sát thực địa và đích thị ngắm nhìn sông núi đất trời mà cổ nhân từng nói đến. Nếu vẽ tranh mà chỉ bắt chước người trước, hoặc mô phỏng theo sách vở, thì đã lạc hậu rồi. Còn nếu chỉ dựa tai nghe để điểm tô thì chẳng khác nào “gãi sai chỗ ngứa”, trăm cái chẳng được một. Anh hãy thường đi xa, cho tâm mắt mở rộng, ý cảnh phong phú, thiên tư phát khởi, học vấn bổ sung, sáng tạo dồi dào. Nếu cứ đóng cửa ngò nhà thì còn gì là thú vị? Có đi mới thấy hết đâu là núi non hùng vĩ, đâu là hiểm trở, hoang vu... Anh hãy mang theo giấy bút để vẽ những gì mà anh hứng thú. Thề nào anh cũng có kiệt tác! Biết anh đang phụng dưỡng bố mẹ, nuôi nấng vợ con, mà e ngại đi xa. Song, trên đường đi về, nhất định anh sẽ thu lượm biết bao điều mới lạ, mà bấy lâu nay anh chưa từng nếm trải. Hy vọng anh sớm khởi hành và chờ nên nhiều do dự...”

Nhận được thư thăm tình và thật chí lý đó của Quách Bảo Sinh, vị công tử, người đồng hương và là bạn thơ, đang làm quan ở Tây An - Thiểm Tây gửi về, Bạch Thạch đã nể bạn và xiêu lòng, bèn bàn bạc với bố mẹ vợ con, đi một chuyến lên phương Bắc xem sao? Đó là chuyến đi xa thư nhất, Bạch Thạch đèn Tây An và Bắc Kinh.

Vốn người phương Nam, Bạch Thạch mê mê với bao cảnh vật mới lạ ở phương Bắc, mà phần hứng nhất là khi mục kích những đại sơn thủy (núi cao sông rộng bao la) mà ở phương Nam không làm sao thấy được! Bạch Thạch đã ghi chép nhiều tài liệu và vẽ tranh “Hồ Động Đình”, “Hoa Sơn”, “Sung Sơn” và “Đào Nhiên Đình”... Cũng trong chuyến đi này, Bạch Thạch đã khước từ bạn bè rủ rê vào cung vẽ tranh, hầu hạ Thái hậu Từ Hy, để trở lại quê nhà sau một năm ở phương Bắc.

Thế rồi từ hứng khởi của chuyến đi đầu, ở nhà không bao lâu, ông lại đi tiếp đến Nam Xương - tỉnh lý Giang Tây, để du ngoạn và vẽ tranh thắng cảnh Lô Sơn. Rồi gặp thấy, bạn thơ hội tụ làm thơ, bình thơ ở nơi này. Đây là lần thứ hai đi xa vào năm 1904.

Năm sau (1905) Bạch Thạch rủ bạn bè đi du sơn ngoạn thủy và vẽ thắng cảnh nổi tiếng Quế Lâm - tỉnh Quảng Tây và vẽ tranh “Độc Tú Sơn” để làm lưu niệm chuyến đi này. Ông ở đây vẽ tranh, khắc dấu sinh sông một năm và lần đầu tiên được đón xuân tại Quế Lâm, một vùng nước non tươi đẹp tuyệt trần! Sau đó, ông đi tiếp đến Quảng Đông để thăm con trai và em trai đi lính được chuyển về đây. Ông có dịp thường ngoạn những cảnh quan màu mỡ của đất Hoa Nam. Lần thứ ba này ông đi lâu hơn một năm. Vào dịp đón xuân ông trở lại quê nhà. Nhưng rồi thời gian đoàn tụ gia đình chẳng được bao lâu, ông lại đi Quảng Đông lần thứ hai để giúp đỡ gia đình Quách Bảo Sinh học vẽ theo lời hẹn. Đây là lần thứ tư đi xa và thời gian cũng khá dài, gần năm rưỡi (xuân 1907 đến hè 1908) ông mới được trở lại sum họp gia đình.

Chắc không mấy ai ngờ rằng: trong chuyến đi xa thứ tư này, đôi chân vạn dặm của Bạch Thạch lại từng đặt lên vùng đất Việt Nam. Ông du ngoạn cảnh quan Khâm Châu tiếp giáp biên giới Trung Việt. Đạo ấy vùng này không yên ổn lắm, nên binh lính được cử đến đây tuần tiễu lùng sục luôn. Nhân cơ hội quen với binh lính, ông đi theo họ đến thành phố Đông Hưng, nằm sát bờ sông Bắc Luân, đối diện với huyện lý Mông Cai - Việt Nam. Ông qua cầu Bắc Luân đi dạo bờ Nam thuộc

địa phận Việt Nam. Ông vô cùng thú vị trước những rừng chuối rừng bặt ngàn, kết thành những dãy thảm màu xanh lục thật ngoạn mục, và ông cao hứng vẽ ngay tranh “Khách qua trời lục” (Lưu trong tập Tá Sơn Đồ), và còn làm bài thơ “Nhớ Phương Nam” để ngợi ca đất trời Việt Nam có một màu riêng lạ, thật khó quên!

Sau chuyến thăm vùng đất Việt Nam trở về Quảng Châu, dọc đường đi gặp mùa vải đang chín rộ, Bạch Thạch đã ghé thăm rừng vải và vẽ những bức tranh “Quả vải” đỏ rực...

Giữa năm 1908, kết thúc chuyến đi xa lần thứ tư, Bạch Thạch trở lại quê nhà, song ít lâu sau, Bạch Thạch lại nhận được thư mời của La Tinh Ngô, người bạn đồng hương đang làm quan Đốc học ở Quảng Châu. Bạch Thạch thu xếp xong việc nhà, nhanh chóng lên đường đi Quảng Châu lần thứ 2. Vì đến đây sẽ được gặp con trai và em trai. Đây là lần thứ 5 đi xa, và cũng là chuyến cuối cùng của 5 lần đi về.

Đến Quảng Châu, được La Tinh Ngô ưu ái tiếp đãi và hết lòng ban trợ. Ông lưu lại vẽ tranh, khắc dấu và dạy vẽ sinh sống một thời gian. La Tinh Ngô là người của Đảng Cách mạng Tôn Trung Sơn. Từ thân tình và tin Bạch Thạch, La Tinh Ngô giao nhiệm vụ nhận tài liệu bí mật của Đảng giấu vào các cuộn tranh, giả người đi vẽ và bán tranh chuyển đến các cơ sở hoạt động an toàn và nhanh chóng. Có lẽ ít ai ngờ đến một người mộc mạc hiền từ đã vì nước vì dân và từng làm việc mạo hiểm như vậy?

Gần một năm xa nhà, mùa hè năm 1909, trên đường về, Bạch Thạch lại đi du lãm một vòng theo hành trình mới qua nhiều danh thắng và thành phố nổi tiếng của Hoa Nam. Từ Quảng Châu qua Hương Cảng, đến Tô Châu, Nam Kinh, Thượng Hải, Hán Khẩu, Giang Tây... Ông đã vẽ nhiều tranh, mà say mê nhất là thắng cảnh vùng Tiểu Cô Sơn ở Giang Tây. Ông cao hứng vẽ tranh ngay trên tàu thủy đang chạy...

Sau 8 năm bôn ba dã ngoại, ngoạn thủy du sơn, tiếp giao bao điều mới lạ, tâm thức mở rộng, tay nghề nâng cao... Đi đã nhiều, ghi chép tài liệu, vẽ tranh không ít. Song, sách vở, văn

chương thì ông vẫn thấy như chưa được là bao? Bạch Thạch mong có thời gian tĩnh tại, để tu chỉnh tranh vẽ, nghiền ngẫm sách cổ, thơ văn, cùng bằng hữu đàm đạo, luận bàn... Hơn nữa, đã gần nửa đời người rồi, ông mong được ổn định gia cư, sửa sang nhà cửa, chăm sóc vợ con, cùng con cháu vui thú điền viên, rồi tôn tạo mộ mã tổ tiên ông bà... Và còn bao gánh nặng mà ông phải lo toan. Ông thường bộc lộ tâm tình: “Tôi vốn nặng nợ gia đình bố mẹ, vợ con. Cuộc sống bây giờ xem như đã tạm ổn định rồi, có lẽ sống chết ở quê nhà, và tương chừng đó có thể an cư lạc nghiệp ở cái vùng đất Tĩnh Đầu - Tương Đàm này mãi mãi, chứ chưa bao giờ tôi lại nghĩ đến chuyện biệt ly gia đình cố hương”. Thế nhưng sự đời đâu có diễn ra theo ý muốn con người, mà cái gì đến ắt sẽ đến. Nhớ đạo nhô bà nội thường cười nói với Bạch Thạch: “Thấy tương số từng tiên đoán cháu lớn lên sẽ ly biệt quê nhà...” Xem ra lời tiên đoán ấy, đến nay phải chăng lại chớ thành điều ứng nghiệm?

Đúng vậy, có ai ngờ được bây giờ thế sự đảo điên, nhân tình đen bạc, Bắc Nam hỗn chiến, thổ phỉ nổi lên, quê nhà loạn lạc triền miên..., nên ai có máu mặt cũng đều kiếm đường trốn lánh.

Đang lúc tiền thoái lưỡng nan, thì Bạch Thạch nhận được thư của thân hữu Phàn Phàn Sơn, một nhà thơ lớn, cũng là họa gia và danh sĩ làm quan trong triều ở Bắc Kinh, đã khuyên Tề Bạch Thạch hãy nhanh chóng lánh nạn lên Bắc Kinh sinh sống và tìm cách bảo trợ gia đình, nan lại quê nhà chỉ có hiểm nguy mà thôi.

Thế là sau 8 năm tĩnh tại, sum họp, bất đắc dĩ Bạch Thạch phải xót xa từ giã quê nhà, bố mẹ vợ con, lánh nạn lên Bắc Kinh vào ngày 30 tháng 6 năm 1917. Và cũng từ ấy, ông định cư ở Bắc Kinh 40 năm, cho đến ngày tạ thế (1917-1957), đánh dấu bước ngoặt trọng đại trong đời hoạt động của ông.

KÍNH THẦY, YÊU BẠN, THUONG TRÒ MẾN NHAU VÌ NGHĨA, QUÝ NHAU VÌ TÀI

Xưa nay, những nghệ sĩ có tâm hồn cao đẹp, bao giờ cũng có tình nghĩa đậm đà và hiếu thảo, thủy chung. Tề Bạch Thạch là như vậy. Ông chẳng những trân trọng “Cơm cha áo mẹ” hết mực thương yêu vợ con, mà còn kính thầy, yêu bạn, thương trò nồng nàn. Trên đường “tâm sư học đạo”, Bạch Thạch luôn “tôn sư trọng đạo, nhất tự vi sư bán tự vi sư”. Nhờ thông minh, hiếu học, khiêm nhã, lại có chút tài hoa và tiếp giao lịch thiệp, nên ông đến đâu cũng dễ dàng kết thân với mọi người và được nhiều thầy yêu, bạn quý, trò thương. Dù môn sinh đệ tử hay đồng nghiệp, đồng hương, hễ ai có chút thực tài là có thể được ông suy tôn thành sư phụ, hay kết giao bằng hữu tri âm. Thật khó kể xiết bao nhiêu thầy bạn tận tình chỉ nghĩa ban trợ cho Bạch Thạch lập nghiệp thành tài?

Sư phụ Chu Chí Mỹ, Người thầy dạy nghề thợ mộc tinh và chạm khắc hoa, từng xem Bạch Thạch như con đẻ, đã dốc hết tài nghệ của mình truyền đạt dạy dỗ cho Bạch Thạch nên nghề, tự lập kiếm sống và tiến thân.

Thầy Hồ Tầm Viên là họa gia dạy cho Tề Bạch Thạch vẽ tranh sơn thủy, chim hoa thật cận kề, tận tình. Thầy còn là người bạn tri kỷ của Bạch Thạch. Sau khi đi du lãm nửa đất nước, gặp lại thầy, Bạch Thạch mời thầy xem tranh vẽ đó đây, thầy mừng vui ngợi khen nghệ thuật của Bạch Thạch đã tiến xa. Song thầy bao giờ cũng mong Bạch Thạch lập thân toàn thiện, nên khuyên bảo chu đáo. Thầy nói: “Đọc ngàn quyển sách, đi vạn dặm đường là những điều mà người đời xưa nay vô cùng thú vị. Bạch Thạch đã làm được phần sau rồi. Còn lại phần trước, Bạch Thạch cố công làm nốt, thì hay biết mấy!” Thầy Hồ luôn ưu ái bảo ban, cổ lệ Bạch Thạch như vậy, khiến

Bạch Thạch không bao lâu đã tiên nhanh trên đường văn chương, học văn.

Nghe tin thầy Hồ đột ngột qua đời, Bạch Thạch lòng đau như dao cắt! Xót thương thầy, ông liền vẽ lại hơn 20 bức tranh mà lúc sinh thời thầy thích thưởng ngoạn. Bôi kỹ xong, ông bỏ vào hòm giấy, đem đến trước bàn thờ thầy đốt cúng. Và, ông còn viết luôn 14 bài thơ và văn tế thầy để giải nỗi bi thương!

Lê Tùng An, người bạn cố tri chí thiết và cũng là người thầy đầu tiên truyền nghề khắc dấu triện thành công của Bạch Thạch.

Hồi nhỏ Bạch Thạch hay ốm đau yếu ớt. Đến tuổi 17 lại bị thổ huyết. Con bấy giờ thì đang ngược xuôi vẽ tranh khắc dấu làm lưng kiếm sống vất vả bận bịu... Vậy mà còn lâm phải bệnh nghiện hút thuốc Lào, thì chỉ có đốt dần thân thể mà thôi, nhất là với những người từng thổ huyết thì còn nguy hiểm biết nhường nào? Lê Tùng An từng biết tường tận như vậy, nên nhất quyết tìm mọi cách khuyên nhủ Bạch Thạch phải cai hút ngay. Quá nể bằng hữu, Bạch Thạch cố cai. Nhưng rồi cơn nghiện lên, lại lên hút. Có lần Lê Tùng An bắt được, từng nghiêm sắc mặt, mắng một trận và buộc Bạch Thạch phải đến trước bàn thờ Đức Khổng Phu Tử làm lễ tuyên thệ từ bỏ nghiện hút. Trước thành tâm của bằng hữu đến mức sâu sắc như vậy, Bạch Thạch hết sức động lòng, không nỡ phụ bạc. Từ đó, ông kiên quyết dứt khoát cai nghiện hút thuốc Lào, một tập quán chẳng hay gì đã đeo đẳng hàng chục năm...

Bạch Thạch công thành danh toại có ơn thầy công bạn, và trước khi thành thầy, ông từng là người học trò hết mực chuyên cần. Nên bao giờ ông cũng vị tha, ân cần bảo ban dạy dỗ cho bao lớp học trò. Bởi đức độ "tuyệt bất tàng tư" (không giữ tư riêng) của ông mà môn sinh đệ tử hết lòng kính phục.

Chuyện rằng: Khi ở quê nhà, có cô gái trẻ khá thông minh, láu lỉnh, say mê học vẽ, hâm mộ tài nghệ của Bạch Thạch. Cô xin nguyện làm môn sinh và nhất quyết học thành nghề mới đi lấy chồng. Vì sợ khi về nhà người ta có thể khó thực hiện hoài bão của mình. Nhưng không làm sao đáp ứng được ý

nguyện của cô, bơi dạy bao chưa được bao lâu thì ông phải lánh nạn đến Bắc kinh. Thấy cô rất có chí, ông vô cùng day dứt. Trước khi lên đường, Bạch Thạch đến nhà cô học trò nhỏ, xúc động giã từ. Không ngờ chẳng bao lâu cô gái ốm nặng qua đời! Xót xa thay! Lần chia tay ấy lại là lần vĩnh biệt! Nhớ tới cô gái có chí mà bất hạnh, ông vô cùng thương tâm và hoài niệm mây dòng thơ:

*Thương thay đứt đoạn nửa chừng xuân
Ước vọng chưa xong lệ thấm đầm
Đôi tay thêu dệt như còn đó
Ôi sao xưa vội nổi thương tâm!*

Như vậy đấy, Bạch Thạch bao giờ cũng sống trong nghĩa nặng tình sâu. Sự tình cô học trò nhỏ ấy cũng đã khiến ông đau xót nặng nề.

Quá trình học hỏi, tu luyện để tiến thân, cũng là những tháng năm ông chỉ bảo, truyền nghề cho bao lớp đệ tử, môn sinh. Ông chẳng những tận tâm dìu dắt mà còn nghĩ cách ban trợ cho học trò sinh sống học hành. Cũng như trong dạy dỗ, bao giờ ông cũng lấy bi quyết thành tài của mình để ăn cần mách bảo cho học trò, như “phép cổ biến kim”, “học người xưa để vượt người xưa” và “tự lập thành gia”, “tự thành nhất cách”... Ông khiêm tốn, tự xếp thứ tự thành công của mình: khắc dấu thứ nhất, văn thơ thứ nhì, viết chữ thứ ba, còn vẽ tranh thì thứ tư. Vì chưa thoát khỏi những ràng buộc của người xưa, nên ông khuyên bảo học trò chớ nên bắt chước, mô phỏng theo tranh của ông, mà phải sáng tạo, tự mình tìm ra lối riêng của mình.

Có dạo một số học trò gặp khó khăn, ông nghĩ cách giúp đỡ cho học trò của mình có điều kiện học hành lâu dài. Ông xem trong đám học trò ai có sở trường gì thì phân công. Một số giúp việc sai bảo mài mực, chọn giấy, bồi tranh... Một số vẽ hoa sen, tôm cua, hoặc tô màu. Có những bức học trò chuyên về lá. Ông điểm son thành hoa, hay thêm con chuồn chuồn, con bướm bướm... Có khi hào hứng, ông để thêm thơ, đóng dấu triện,... Cứ như vậy, không mấy lúc có được những bức tranh để bán.

Một số học trò được chọn luân phiên đem tranh đi bán. Có bao nhiêu cũng bán sạch. Thấy trò đều thấy thật khoái trá về những bức tranh cùng vẽ chung như vậy.

Vào những tháng năm Bạch Thạch tuổi cao, một số đệ tử môn sinh lo lắng phải khi trái nắng trở trời, lão sư phụ lưng đau xương mỏi, bèn chung nhau mua tặng một chiếc giường đệm lông vịt. Ông liền chỉ vào chiếc giường đệm bố cũ, nói rằng: “Đến bây giờ tôi cũng chưa muốn nằm giường đệm mềm, sợ rằng nằm đệm mềm êm lưng sẽ quen dễ chịu, rồi đến lúc cần đi bộ hoặc đi đường xa, thì sẽ cảm thấy khổ sở biết đường nào? “Có lần Bạch Thạch còn thân thiết đem khoe với các đệ tử một cái túi đựng hành lý của mình từ thời trai trẻ từng đi du lãm Bắc Nam qua 5 lần vẫn còn giữ lại, và nói: “Tôi còn tiếc cái này chưa muốn rời nó được...”

Từ những cử chỉ và phẩm chất vô cùng cao đẹp như vậy, càng khiến cho bao lớp môn sinh đệ tử kính nể tôn sùng ông.

Định cư ở Bắc Kinh không bao lâu, Bạch Thạch đã kết giao với nhiều bạn bè danh tiếng. Như nhà nghệ sĩ kinh kịch kiệt xuất Mai Lan Phương, Nhà học giả Quách Mạt Nhược, hay các danh họa kinh thành Trần Sở Tăng, Từ Bi Hồng, cho đến các bậc danh sĩ quý phái làm quan trong triều đình nhà Thanh, như Hạ Ngộ Di, Quách Bảo Sinh, Phàn Phàn Sơn,... Mỗi người một cách ban trợ nâng đỡ cho ông lập nghiệp thành tài. Đó là điều hiếm thấy trên đời. Đúng như dân gian có câu :”Giàu vì bạn, sang vì vợ” là vậy.

Mai Lan Phương ôn hòa, nho nhã, ứng xử chân thành, chu đáo. Nhà có phòng sách trang hoàng long lẫy. Khách thượng lưu trong ngoài nước thường lui tới giao du, đàm đạo. Vườn nhà rộng, có nhiều cây hoa quý. Riêng hoa Khiên ngư có đến gần trăm loại. Có loại hoa to bằng cái bát thật ít thấy. Từ khi kết thân với Mai Lan Phương, Bạch Thạch thích thú ngắm vườn và cũng bắt đầu say mê vẽ hoa Khiên ngư từ ấy. Còn Mai Lan Phương thường tự tay mài mực, đặt giấy cho Bạch Thạch vẽ còn trùng để học cách diễn bút. Có lúc cao hứng, Mai Lan Phương hát lên một đoạn Dương Quý Phi say rượu, hay tuyệt! Sau đó không bao lâu Mai Lan Phương đã tự vẽ những

bức tranh còn trùng thành công và khá sinh động, khiến Bạch Thạch hả dạ hả lòng.

Có lần Bạch Thạch đến nhà một ông quan to giao dịch. Trong nhà có nhiều khách cao sang quyền quý. Họ thấy ông ăn mặc bình dân, nên chẳng ai đoái hoài. Ông rất áy náy và tự hận lẽ ra đứng đến đột ngột như thế này. Đang lúc lúng túng, không ngờ Mai Lan Phương lại xuất hiện và nhanh nhẩu chuyện trò cung kính và niềm nở với Bạch Thạch, làm cho số khách kia hết sức ngạc nhiên, sau đó họ mới chào hỏi và tiếp chuyện với Bạch Thạch. Qua việc này, ông càng trân quý Mai Lan Phương vô hạn và liền vẽ bức tranh “Đang tuyết cho than” tặng Mai Lan Phương để tỏ lòng cảm tạ với ẩn ý “lúc rét mới được sưởi ấm”, thật sâu nặng ân tình!

Còn Trần Sư Tăng, người bạn cứu mạng đáng nhớ nhất trong đời, Bạch Thạch từng thổ lộ: “Nếu không có sự bảo trợ nâng đỡ hết lòng của Trần Sư Tăng thì tên tuổi của tôi làm sao có được như ngày nay?”.

Trần Sư Tăng (1876-1923) kết bạn với Bạch Thạch vào năm 1917 tại Bắc Kinh, là học gia nổi tiếng ở kinh thành, vẽ sơn thủy, hoa điệp đều giỏi, viết chữ đẹp, tri thức sâu rộng, tham gia hội nghiên cứu họa pháp, rất sùng bái họa pháp, “đại tả ý” của đại sư Ngô Xương Thạc¹⁾ và được Ngô Xương Thạc trực tiếp truyền, nên họa pháp của Sư Tăng phóng túng, giàu sáng tạo và luôn biến cải nghệ thuật.

Trần Sư Tăng luôn khuyên bảo và cổ vũ Bạch Thạch “đại biến”, từ bút pháp “công bút” sang học tập bút pháp “đại tả ý” của Ngô Xương Thạc, để tìm tòi phong cách mới.

Theo khuyên bảo thân tình của bạn, Bạch Thạch bỏ công phu học tập Ngô Xương Thạc, và đã chuyển hóa thành công. Đây là bước ngoặt quan trọng của Bạch Thạch trong biến cải họa pháp. Ông thường nói: “Sau 50 tuổi tôi không muốn tranh của tôi không còn như tranh của Thanh Đằng, Tuyết Cá nữa. Nhưng rồi chưa thoát được. Khi lánh nạn quê hương, đến Bắc Kinh, may gặp hữu nhân Sư Tăng khuyên tôi biến cải. Tin

(1) Xem giới thiệu ở phần “Hình thần kiêm dị...”

bạn, tôi lập tức làm theo và đã thấy có nhiều đổi thay”.

Theo dõi từng bước chuyển hóa trên tranh của Bạch Thạch, những khi thấy có những sáng tạo thú vị, Sư Tăng liền đề thơ bình phẩm, cổ lệ lên tranh, làm cho Bạch Thạch vô cùng hưng phấn.

Năm 1922, Trần Sư Tăng được Hiệp Hội Trung Nhật mời đem tranh triển lãm hội họa tại Tokyo. Vì tình thân hữu, Sư Tăng mang cả tranh của Bạch Thạch đi bày. Tranh của hai người bán sạch với giá hậu gấp 2, 3 lần trong nước. Người Pháp ở Tokyo chọn mua 1 số tranh của hai người đem về triển lãm tại Pari. Triển lãm còn được quay phim giới thiệu tại học viện nghệ thuật Tokyo.

Sau khi được bày và bán ở Nhật, rất nhiều người nước ngoài tìm đến Bạch Thạch để mua tranh. Hiệu đồ cổ Bắc Kinh biết tranh của Bạch Thạch được nhiều người nước ngoài mua giá cao, bèn đến gặp Tề Bạch Thạch đặt vẽ một số lượng lớn nhằm đầu cơ. Một số người khác nghe tranh của Bạch Thạch đáng giá cũng tìm đến mời vẽ. Từ đó, Bạch Thạch sinh sống dễ chịu hơn bằng nghề vẽ của mình, và phải nói là bắt đầu bằng sự cưu mang hết mình của Sư Tăng mà Bạch Thạch cố công học tập Ngô Xương Thạc để biến pháp và mở đường cho nghệ thuật sau này.

Mùa thu năm 1923, được tin như sét đánh: Trần Sư Tăng đi Nam Kinh chịu tang mẹ, sau đó, không may lâm bệnh nặng đột ngột qua đời, mới 48 tuổi! Lúc này, Bạch Thạch tuổi đã hơn 60, đường sá lại xa xôi trắc trở, khó bề đi tiễn biệt người bạn ân đức lớn lao. Bạch Thạch vô cùng đau xót, nước mắt tuôn trào và thấy trong lòng tất cả đều như trống rỗng...! Ông làm mấy bài thơ truy điệu Sư Tăng, có đoạn:

*...Khóc ai ly biệt quá vội vàng
Để lại thân bằng lắm thương tang!*

Từ khi Sư Tăng mất, Bạch Thạch luôn âu sầu nhớ tiếc người bạn luôn cười nói nhanh nhẹn và nghĩa tình thâm hậu.

Sau này, trong khi Bắc Kinh đang có chiến sự loạn lạc, Bạch Thạch đóng kín cửa không ra khỏi nhà, song, được tin bố

Sư Tăng là cụ Tán Nguyên, một nhà thơ lớn qua đời, Bạch Thạch lập tức làm thơ, viết trường, và chẳng nề hiểm nguy đi viếng trước linh cữu để tỏ lòng tưởng nhớ công ơn Sư Tăng hồi còn sống đôi với ông.

Cùng với Trần Sư Tăng, bất chấp sự dèm pha, công kích của tầng lớp họa gia văn nhân đại sĩ phu bảo thủ, danh họa Từ Bi Hồng luôn cổ vũ và tuyên dương thành tựu biến cải và chuyển hóa họa pháp của Bạch Thạch. Do vậy mà Bạch Thạch từng có thơ gửi Từ Bi Hồng:

“Đường ta chẳng quản ngàn bia miệng.

Chỉ có Từ Quân rõ nổi lòng”.

Tuy Từ Bi Hồng nhỏ hơn Tề Bạch Thạch hơn 30 tuổi, song gặp nhau trong nghệ thuật mà đôi bạn đại họa gia đã mến nhau vì nghĩa và quý nhau vì tài.

Trong lúc tranh của Bạch Thạch chưa được công bố và lưu hành rộng rãi, hơn nữa lại bị tầng lớp họa gia bảo thủ, công thức bài xích, chế riếu, thì Từ Bi Hồng tự thân thu thập tranh Bạch Thạch, biên tập và xuất bản thành tập, rồi tìm cách phát hành và từng viết nhiều bài giới thiệu, bình phẩm, ca ngợi tranh của Bạch Thạch trên nhiều báo chí trong và ngoài nước để được nhiều người ngưỡng mộ. Khi bất ngờ nhận được tập tranh gửi biếu tác giả và tiền nhuận bút xuất bản, Bạch Thạch vô cùng xúc động và trầm nghĩ: “Do đâu mà Từ Bi Hồng lại thay mình cho in những tập tranh. Và không những không cần tiền của mình, ngược lại còn cho mình tiền nữa? Công ơn của Từ Quân quả là to lớn đối với mình”.

Năm 1929, khi Từ Bi Hồng được bổ nhiệm làm Viện trưởng Học viện Nghệ thuật Bắc Kinh. Phát hiện được tài năng kiệt xuất của Bạch Thạch, mặc dù Bạch Thạch tuổi đã 66, song Từ Bi Hồng vẫn đích thân ngồi xe ngựa đến nhà để thỉnh cầu Bạch Thạch làm giáo sư giảng dạy cho Học viện. Vốn khiêm nhường, ông một mực từ chối không nhận lời. Song Từ Bi Hồng không nản chí, nhất quyết thỉnh mời cho kỳ được. Cứ mấy ngày lại đến gặp gỡ thuyết phục, mà vẫn bị Bạch Thạch bái tạ khước từ. Đến lần thứ ba, trước cử chỉ thành tâm khẩn thiết thỉnh cầu của Từ Bi Hồng, ông xúc động và từ tốn tỏ bày: “Từ

tiên sinh, không phải tôi không bằng lòng, mà bởi trước nay tôi chưa bước tới giảng đường, cũng chưa bước lên bậc giảng bài bao giờ. Tôi lại xuất thân từ thợ mộc, đến tiểu học tôi cũng chưa biết dạy, huống hồ dạy đại học làm sao tôi dạy được? Hơn nữa, tôi lại già nua thế này, nhờ học sinh tình nghịch, không may làm tôi ngã, rơi mất gậy, tôi chỉ có bò, chứ làm sao đứng dậy được?” Pha chút diễm, Bạch Thạch phân trần như vậy. Từ Bi Hồng hiểu ý bèn thưa với Bạch Thạch: “Ngài khỏi phải lên lớp giảng bài, mà chỉ cần đến giảng đường vẽ mẫu, thao diễn cho học sinh xem là được rồi. Và tôi sẽ luôn có mặt bên cạnh Ngài khi lên lớp. Đến mùa đông sẽ đặt lò sưởi, mùa hè mắc quạt gió, để cho sức khỏe của ngài dễ chịu”. Vừa nể bạn và cũng vừa chịu ơn, cuối cùng ông phải nhận lời dạy thử. Sáng sớm hôm sau Từ Bi Hồng lại ngồi xe ngựa đến đón Bạch Thạch về Học viện. Thầy trò của Học viện sẵn sàng nồng nhiệt nghinh tiếp tại cổng và đưa Bạch Thạch vào giảng đường. Từ Bi Hồng giới thiệu và kính thỉnh Bạch Thạch về tranh thao diễn cho thầy trò Học viện xem, và sau đó cùng nhau mạn đàm. Không chút lúng túng, Bạch Thạch giảng giải một mạch thật rạch ròi và sinh động về những kinh nghiệm sáng tác thiết thực và quý báu. Khiến cho thầy trò Học viện và cả Từ Bi Hồng, Tề Bạch Thạch đều cảm thấy vô cùng mãn nguyện.

Lên lớp xong, Từ Bi Hồng lại cùng ngồi xe ngựa đưa Bạch Thạch về tận nhà. Bạch Thạch quá xúc động, nghẹn ngào nói không ra lời: “Từ tiên sinh, Ngài đối với tôi thật quá chu đáo và vô cùng cao đẹp. Như vậy là tôi có thể dạy được đại học rồi ư? Tôi xin thành thực chịu ơn Ngài!” Giọng Bạch Thạch như lạc đi và chấp tay bái tạ. Từ Bi Hồng vội vàng ngăn đỡ Tề Lão gia lại và động lòng rơi nước mắt! Từ đó, nghĩa tình đôi bạn danh họa ngày càng sắt son, chí thiết...

Thế nhưng, oái oăm thay! Ở cái xã hội đầy bất lương đương thời, tránh sao khỏi những kẻ hiểm khích, đố kỵ, đã gây nên dư luận trách cứ ồn ào về việc Từ Bi Hồng thỉnh cầu một người xuất thân từ thợ mộc về Học viện làm giáo sư (?) đã khiến cho Từ Bi Hồng bất bình đến nỗi phải xin từ chức Viện trưởng đi

về phương Nam sáng tác và đi xuất ngoại.

Trước khi lên đường, Từ Bi Hồng đã đến nhà chào từ biệt Bạch Thạch. Đôi bạn tri âm lưu luyến không muốn rời nhau. Bạch Thạch đem bút mực vẽ ngay bức tranh “Nguyệt hạ thần quy” (nghĩa là dưới trăng tìm về) tặng Từ Bi Hồng, để gửi gắm hoài vọng một ngày hội ngộ. Những ngày xa nhau, đôi bạn cố tri không ngừng thư từ qua lại. Sau ngày được tái hợp tại Bắc Kinh, hai người càng khăng khít bên nhau trên hành trình nghệ thuật thên thang...

Có lẽ mong gửi gắm ân tình, Bạch Thạch hay vẽ tranh tặng Từ Bi Hồng, như bức “Lòng sông”, “Ếch và khoai từ” hay “Hoa Khiên ngư”... Đặc biệt là đôi bạn đại họa gia từng vẽ chung một bức tranh “Đôi gà và lá khoai sọ”. Bạch Thạch vẽ lá khoai sọ, Từ Bi Hồng vẽ đôi gà để tỏ lòng đồng cảm cộng khổ của hai người cùng chí hướng.

Sau giải phóng (1949) Từ Bi Hồng được bầu làm Viện trưởng Học viện Mỹ thuật Trung ương của nước Trung Hoa mới. Bạch Thạch cũng được phong giáo sư danh dự của Học viện. Từ đó, đôi bạn tri kỷ lại có dịp cùng kê vai nghiên cứu, giảng dạy, sáng tác ca ngợi Tổ quốc và nhân dân trong không khí đất nước đổi thay từng ngày.

Song, đau đớn thay! Đôi bạn danh họa chung sống thân tình không bao lâu, Từ Bi Hồng vừa 58 tuổi đã lâm bệnh xuất huyết não đột ngột ra đi quá sớm giữa độ nở rộ tài hoa, để lại cho đất nước, cho người thân, cho tuổi già Bạch Thạch một tổn thương khôn lường!

Hai, ba năm sau khi Từ Bi Hồng qua đời, Bạch Thạch vẫn thường xuyên lui tới nơi cố cư của Từ Bi Hồng, đứng trước bàn thờ và chân dung Từ Bi Hồng trầm mặc hồi lâu, mắt rơm rớm lệ, khóc thương người bạn tri âm và là ân nhân đã vội giã biệt dương trần! Trước dáng điệu nhớ tiếc thân bằng của lão họa gia, khiến ai cũng phải động lòng xót dạ!

Trước năm Tê Bạch Thạch tạ thế, Quách Mạt Nhược vẫn còn xúc động gặp lão họa gia đang chông gậy, run run đến viếng Từ Bi Hồng tại cố cư...

YÊU GHÉT PHÂN MINH, KHUỐC TỪ QUAN CHÚC

Sống gần một thế kỷ (từ nửa cuối thế kỷ 19 đến nửa đầu thế kỷ 20), Bạch Thạch chứng kiến bao biến động lớn lao của lịch sử. Đó là sự sụp đổ của nhà Thanh - triều đại phong kiến cuối cùng ở Trung Hoa, Cách mạng Dân chủ tư sản bùng nổ, đến chiến tranh xâm lược, nội chiến, rồi giải phóng đất nước và tám năm được sống dưới chế độ mới với biết bao đổi thay...

Có lẽ được dưỡng dục từ một gia đình ba đời cần lao và nhân từ, đức độ, mà Bạch Thạch có một nhân cách cao cả, một bản lĩnh ngoan cường và một phong độ khiêm nhường. Mặc dù sinh trưởng vào thời kỳ cuối nhà Thanh đầy bê tha, hỗn loạn, vậy mà Bạch Thạch không hề bị rơi vào những hủ bại của xã hội, hoặc không bế tắc, quay lưng với thời cuộc, như những họa gia văn nhân đại sĩ phu đương thời; ngược lại ông dám đập bằng mọi thứ thách của nghèo nàn khổ khó, vượt lên tất cả những miệt thị của kẻ quyền uy nghệ thuật lúc bấy giờ, nêu cao tinh thần yêu nước, yêu người lao động, bảo vệ công lý, căm ghét tham tàn, bất lương...

Đối với ông bà, bố mẹ, vợ con, thầy trò, bè bạn, Bạch Thạch thể hiện tận nghĩa tận tình. Song đối với kẻ bạc ác thì bao giờ ông cũng hờn căm chế riễu, nhất là thói xu nịnh, lọc lừa, mua danh bán chức, ý cậy quyền hành hống hách, ông vô cùng khinh thị.

Trọn một đời Bạch Thạch đứng về phía chính nghĩa và phía người lao động. Ông từng khắc dấu in trên tranh, như để tự khẳng định nhân cách và bản lĩnh của mình! “Ta là người của bá tánh bình thường” hoặc “Lương dân Trung Hoa”.

Hồi Bạch Thạch còn nhỏ ở quê nhà, có một đạo các quan lại mới lên chức, thường thích “điều vô dương oai”, bắt người

kiêng kiệu đi quanh vùng rồi ghé lại phố Bạch Thạch gần nhà. Người làng ít khi được thấy mặt quan ra sao, nên rủ nhau đi xem. Thím Ba cạnh nhà đến rủ mẹ và A Chi đi xem quan. Mẹ hỏi A Chi có đi không? - “Không đi!”, A Chi trả lời với mẹ như vậy. Mẹ cười nói: “Thằng bé này khó bảo nhỉ”. Thím Ba vừa quay đi. Mẹ liền bảo: “Đi xem làm gì? Ta nhờ bàn tay để sống, còn quan có gì ghê gớm mà phải đi xem?”. Bạch Thạch nhớ mãi câu nói ấy của mẹ, mà từ nhỏ và rồi cả đời không thích nói đến quan.

Trong số bầu bạn, hay đồng hương, đồng nghiệp, lại không ít người muốn làm quan, mà Bạch Thạch thật khó quên khi cùng học thơ văn ở nhà thầy Vương Trương Khởi, có hai anh chàng hàng ngày luôn nói đến chuyện làm quan được sống cao sang và ước muốn có quyền hành chức vị, rồi còn thích đi giày của quan, lúc nào cũng đi đứng khệnh khạng theo dáng chữ bát như chân con vịt, để ra cái vẻ người hiểu biết văn chương chữ nghĩa. Hai anh này còn lợi dụng tiếng tăm của thầy, nấp dưới uy danh kẻ này người nọ có máu mặt để len lỏi, gần gũi các quan trên. Bạch Thạch rất sợ tiếp xúc và không ưa giao thiệp với những kẻ tham danh hám chức như vậy. Có khi không may gặp họ, Bạch Thạch cố tìm cách lẩn tránh để khỏi phải chuyện trò và cũng không buồn sẵn đón chào hỏi làm gì. Nên Bạch Thạch thường bị bọn họ chê cười là một con người thiếu thức thời. Còn Bạch Thạch thì thầm nghĩ: Thà đành làm một con người mà được bọn họ chê cười đó còn hơn.

Bước vào tuổi 40, Bạch Thạch có dịp đến Bắc Kinh lần đầu và được gặp bạn bè đồng hương là những danh sĩ, những nhà thơ lớn đang làm quan trong triều Thanh, như Hạ Ngộ Di, Quách Bảo Sinh, Phan Phan Sơn... Các bạn khuyên giải và mong muốn Bạch Thạch cùng họ phục dịch triều đình: “Ở Bắc Kinh tiền rải đầy đất, người có tài năng cúi nhặt cũng được năm ba ngàn lượng, còn nói gì đến Tân Sinh (Tên hiệu của Bạch Thạch). Ngoài việc phục dịch triều đình, anh cứ đi vẽ tranh, khắc dấu thuê bình thường, lẽ nào không đủ để cho anh nuôi sống cả gia đình trọn đời. Như vậy còn gì mà phải do

dự? Từ Hy Thái Hậu là người yêu thích hội họa, nếu anh muốn phục dịch triều đình, thì sẽ có người giới thiệu đưa anh vào gặp Thái Hậu để vẽ tranh, có thể được đề cử chức quan Lưu Thất phẩm...” Hạ Ngộ Di mách vậy, Bạch Thạch cười nói: “Đời tôi xem chuyện gặp quý nhân như vậy là một nỗi khổ! Vì tôi là người xưa nay chưa bao giờ được nhìn thấy vua chúa, mà bây giờ bảo tôi đi hầu hạ phục dịch triều đình thì làm sao được? Không có tính toán nào khác hơn là giúp tôi vẽ tranh, khắc dấu thuê, dựa vào hai bàn tay lao động của mình, nếu tích được vài ba ngàn lạng bạc đem về nhà nuôi sống cả nhà, thì đời tôi mãn nguyện lắm rồi!”

Khuyên giải, thuyết phục Bạch Thạch phục dịch triều đình không thành, Hạ Ngộ Di còn có ý ban trợ Bạch Thạch nhận chức Thừa Lại ở Nam Xương, sau quen việc sẽ bổ nhiệm làm Tri huyện ở địa phương gần quê nhà. Nhưng Bạch Thạch vẫn khước từ và bày tỏ: “Tôi nào biết làm quan. Lòng thành của anh đối với tôi, tôi vô cùng nhớ ơn. Song quả tình nếu tôi nhập vào đám quan trường thì chẳng khác nào tôi bị hành tội...”

Đến những năm Bạch Thạch an cư lạc nghiệp ở Bắc Kinh, không ít kẻ có máu mặt, có quyền chức cộng tác với Nhật nghe đến tên tuổi của Bạch Thạch tỏ ra hâm mộ. Họ luôn tìm mọi cách đến thăm hỏi, chuyện trò tặng lễ vật, mời đi ăn cơm hiệu, mời cùng chụp ảnh... Chẳng qua là để quyến rũ, dụ dỗ Bạch Thạch vẽ thật nhiều tranh để bọn họ đem đi bán cho nước ngoài, chỉ cốt làm giàu. Biết được mưu ma chước quỷ và lòng dạ chẳng sạch sẽ gì đó, Bạch Thạch tự nghĩ mình còn chút lòng yêu nước, nếu đồng tình làm theo sự thôi thúc của họ thì thật hổ thẹn với lương tâm và đáng tủi hận với tuổi đời 70 của mình! Trong lúc chưa có cách nào thoát thác tốt hơn, Bạch Thạch bèn nghĩ ra một diệu pháp là đóng cửa nhà kín mít, lại thêm một cái khóa to tướng nữa. Hễ có người đến gọi cửa, thì Bạch Thạch nhìn qua kẽ hở xem đó là ai? Đáng gặp thì mới mở cửa mời vào. Còn không thì bảo người nhà lên tiếng “chủ nhân đi vắng”, không mở cửa. Thế là làm cho họ phải cụt hứng quay đi, không có cách nào vào được và để cho họ chừa cái thói muốn

lân la gặp mặt quấy rầy, phiền toái. Hoặc có khi còn ghi ngoài cửa “Bạch Thạch tuổi già hay mệt không tiếp khách”.

Sau sự biến Lư Cầu Kiều năm 1937, Quân phiệt Nhật xâm chiếm Bắc Bình, đô thành càng trở nên hỗn loạn. Bạch Thạch vô cùng bất bình, nhất quyết đóng cửa ngôi nhà, không hợp tác, tiếp giao với bên ngoài và cũng khước từ giảng dạy ở Học viện Nghệ thuật Bắc Bình và trường Mỹ thuật tư thục Kinh Hoa, vì nhà trường và Học viện đã thuộc về bọn Ngụy quyền đương thời.

Cũng thời gian này, bọn tay chân quân phiệt Nhật cứ đến rủ rề mua chuộc Bạch Thạch xin nhập quốc tịch Nhật để sang Nhật làm ăn sinh sống, Bạch Thạch trả lời: “Tề Hoàng là người Trung Quốc không muốn sang Nhật. Nếu các Ngài có cần Tề Hoàng thì hãy cứ mang đầu của Tề Hoàng đi!”.

Ba năm đóng cửa ngôi nhà, ít có dịp tiếp giao bên ngoài. Vậy mà người yêu cầu đến gặp Bạch Thạch ngày càng nhiều. Có không ít kẻ tai to mặt lớn, chức trọng quyền cao ở phía địch và ngụy đến làm thân quen, cũng dờ dủ trò mời mọc, biếu xén lời kéo mua chuộc, song đều bị Bạch Thạch cự tuyệt, nhất quyết một bước cũng không ra khỏi nhà. Vì tiếp xúc chuyện trò với bọn họ chỉ là việc vô bổ, nhưng sợ họ sinh sự quấy nhiễu, sống không yên, Bạch Thạch bèn dán giấy cáo từ khéo léo: “Bạch Thạch lão nhân bệnh tim tái phát, đình chỉ tiếp khách”. Nhưng khổ nỗi, Bắc Bình đang loạn lạc, giá cả ngày càng đắt đỏ, phải đảo đổi cuộc sống, Bạch Thạch phải vẽ, song không muốn tiếp tại nhà, mà dán thông báo cho họ đến xưởng vẽ ngoài nhà.

Bọn gian thương đầu cơ tích trữ dạo này làm ăn phát tài lại thích có chút tranh ảnh chữ nghĩa để làm cho ra vẻ, nên công việc làm ăn của Bạch Thạch lại trở nên tít tít. Song nhất quyết không chơi với bọn quan quyền, Bạch Thạch phải treo thêm một bảng chữ: “Tranh không bán cho nhà quan”. Nhưng lại e có gì không lành, lại thêm một dòng báo nữa: “Các quan lớn trong ngoài nước muốn mua tranh hãy cử người thay mặt là được, không cần tự thân đến nhà. Vì trước nay quan không

vào nhà dân. Quan vào nhà dân chủ nhân bất lợi. Xin tổ bày vậy, để khỏi trách sao không ứng tiếp!” Ngoài ra Bạch Thạch còn ghi chú: “Tuyệt đối không giảm giá tranh, không ăn cơm hiệu, không chụp ảnh... Bán tranh không cây quen biết, quân tử tự trọng, xem bằng giá trả tiền”. Làm vậy để tránh họ đến làm phiền. Còn một số người làm phiên dịch cũng dựa thế kẻ địch đến đe dọa, vò vĩnh lấy tranh, lấy tiền. Bạch Thạch lại viết thêm một thông báo: “Nhất thiết xin đừng thay người giới thiệu. Lão nhân bệnh tim tái phát khó lòng báo đáp. Ai phiên dịch cho người nước ngoài xin tha thù lao và tạ ơn. Mong các vị khỏi làm việc mách bảo. Thật khổ tâm vì không làm các vị hài lòng”.

Từ ngày Nhật chiếm Bắc Bình, đã 6 năm rồi, Bạch Thạch chịu biết bao điều ngang trái của bọn người quan quyền, phiên dịch, đặc vụ, gian thương... Có kẻ còn giả danh mua tranh để gây phiền nhiễu. Vào năm 1943, Bạch Thạch đến tuổi 80, cảm thấy mệt mỏi không còn sức đâu mà quần với bọn họ nữa, vạn bất đắc dĩ mới phải trưng lên một tấm bảng mới: “Đình chỉ bán tranh”. Từ đó về sau, dù đến xưởng vẽ ở cửa hiệu Nam Chi, hay dù là bạn bè thân thiết giới thiệu người đến nhờ vẽ cũng đều nhất loạt tạ tuyệt không vẽ nữa. Bằng hữu thân cận ở quê nghe tin Bạch Thạch không bán tranh nữa, nên quan tâm lo lắng, viết thư thăm hỏi đến đời sống ra sao? Khiến Bạch Thạch cảm động làm thơ có câu:

Tuổi già không sống nhục vì giặc.

Xứng với Trường An đói cũng cam!

Cũng trong lúc khó khổ này lại thêm chuyện nực cười. Sau 6, 7 năm khước từ không dạy ở Học viện Bắc Bình, nhưng nay Bạch Thạch lại được thông tri của nhà trường đến nhận than sưỡi phân phối. Bạch Thạch đâu phải kẻ tham lợi nhỏ mà dờ trò mua chuộc. Mặc dù đang lúc cuối đông rét đậm, than sưỡi không dễ mua, song Bạch Thạch viết thư trả lời ngay: “Bạch Thạch không phải viên chức của Quý trường. Có lẽ thông tri nhầm rồi. Mong Quý trường hủy đi. Tôi không có công thì không hưởng lộc. Đã vậy thì dù có vàng cũng vẫn xin van,

huống hồ chi than sầu”.

Đến năm 1945, Nhật đầu hàng vô điều kiện. Bạch Thạch mừng vui lòng như nở hoa. Đêm không sao ngủ được. Tám năm⁽¹⁾ mây mù đã tan, ánh sáng mặt trời chói lọi. Nhưng không lâu nội chiến lại xảy ra. Nét mặt rạng rỡ của bao người lại tan biến! Rồi thời cuộc tiếp tục đảo điên, mà thật rùng rợn là đồng tiền trở thành giấy lộn, phải gánh tiền đi mua vật dụng. Ăn một bữa cơm đến ngàn vạn đồng. Bán một bức tranh chỉ mua vài chiếc bánh nướng? Song vật giá cũng không ngừng leo thang. Bọn đầu cơ cũng muốn tranh của Bạch Thạch thành hàng tích trữ. Mỗi lần họ đặt hàng đến mấy trăm bức. Bạch Thạch nghĩ bụng: Chẳng lẽ sắp gần đất xa trời rồi còn hơi sức đâu mà đi đánh đổi hoang phí cho việc vẽ tranh để nhận lấy hàng đồng giấy bạc chất cao như núi? Bao nhiêu ước mơ tốt đẹp không mấy chốc đã tiêu tan thành mây khói! Ông lại lần nữa treo bảng: “Đình chỉ nhận đơn đặt hàng vẽ tranh”.

Trọn một đời Bạch Thạch đứng về phía chính nghĩa. Cho nên đối với xã hội suy đồi, bọn quan chức quyền hành bất lương, hay lũ gian tham, xu nịnh... thì ông quay lưng. Nhưng đối với những gì quang minh chính đại, hay nhân nghĩa ân tình, thì ông nhiệt tâm gánh vác, hay bảo trợ hết mình, như việc ông không chút do dự mà nhiệt tình nhận chuyển tài liệu bí mật của cách mạng đến nơi trót lọt và kịp thời. Phải chăng Bạch Thạch đã nhận ra rằng: Đó là “chính nghĩa!” nên dám dũng cảm xả thân?

Sau ngày đất nước giải phóng, Bạch Thạch đã gần 90 tuổi mừng vui như mở cờ! Không phải ngẫu nhiên mà Bạch Thạch hòa nhập ngay vào một xã hội mới đổi thay long trời lở đất, nếu ông không có lòng yêu nước, yêu dân tộc? Những năm cuối đời, lão họa gia như ngày càng trẻ lại, vẽ tranh không biết già nua, mệt mỏi, có khi còn như sung sức hơn xưa.

Một hôm đi họp Quốc hội nghe tình hình xã hội thay đổi từng giờ, Bạch Thạch sung sướng bày tỏ với mọi người: “Đảng

(1) 1937 Nhật chiếm Bắc Kinh

Cộng sản và Mao Chủ tịch đã mang lại điều tốt lành. Tiếc là tôi đã quá già yếu, chẳng còn làm nên được việc gì nữa. Giá như tôi được trẻ lại mấy tuổi, thì tôi cũng xin gia nhập Đảng Cộng sản...”

Cũng như có lần Bạch Thạch phẩn khởi viết lời cảm tạ của mình ở Bảo tàng Đông Bắc đang triển lãm tranh của ông: “Tuổi già Bạch Thạch được hưng phấn, vì tranh của lão được trong ngoài nước biết đến và yêu thích. Đó là nhờ sự quan tâm và hướng dẫn của Đảng Cộng sản và Mao Chủ tịch. Tôi phải vô cùng cảm tạ”!.

Qua câu nói đó, vừa rõ tấm lòng của Bạch Thạch đối với cách mạng, song cũng vừa hùng hồn phản bác “phái hữu” lúc bấy giờ đang công kích, vu cáo: Đảng Cộng sản Trung Quốc “Tiêu diệt quốc họa”, “không quý trọng các họa gia quốc họa?”

Trong buổi lễ nhận giải thưởng Hòa bình Thế giới vào năm 1956, Bạch Thạch còn phát biểu bộc bạch tâm dạ của mình:

“Chính nhờ ở tình yêu quê hương, yêu Tổ quốc tươi đẹp của tôi với sơn hà mệnh mông, đất đai giàu có và tôi yêu tất cả sức sống sôi động trên non sông rộng lớn đó, nó đã hóa thành tinh lực của cả cuộc đời tôi. Tôi đã đem tình cảm của người Trung Hoa bình thường để vẽ vào tranh và viết thành thơ. Cho đến những năm gần đây tôi mới nhận ra rằng: Những gì mà tôi hằng theo đuổi bấy lâu, chính đó là “Hòa Bình”!”

Năm 1955, Bạch Thạch từng dẫn đầu Đoàn văn nghệ sĩ Trung Quốc tham dự Hội nghị đấu tranh bảo vệ hòa bình khu vực Châu Á - Thái Bình Dương họp tại Bắc Kinh. Và ông cũng là người ký tên đầu tiên vào bản kiến nghị chống bom nguyên tử lúc bấy giờ.

Nếu nói văn là người, thì tranh cũng là người. Ở Trung Quốc người xưa từng cho rằng: “Tranh như người vậy. Bút cách thấp cao đều là nhân phẩm”.

Ở tranh Bạch Thạch bộc lộ nhân phẩm và lương tâm thật rõ ràng. Những gì yêu ghét, trọng khinh, vui buồn... đều phân minh, dứt khoát, chẳng khác nào bản lĩnh, nhân cách, tâm hồn của ông thể hiện trong cuộc sống hàng ngày.

Trong lúc các họa gia thuộc tầng lớp quý phái thượng lưu,

văn nhân đại sĩ phu gửi gắm tâm can, nhân thức vào truy tầm những thú vị “Ẩn cư sơn khê”, “hoang vu cô tịch”, “Tuyệt phủ”, “Sương mù” hoặc “Mây trời ảm đạm”... thì Bạch Thạch lại mãi mê ca ngợi những trẻ chăn trâu, ông câu cá, người đi cày, ông cù, hay những rau dưa, bí bầu, gà vịt, tôm cua... những gì gần gũi người lao động. Điều đó cắt nghĩa thật giản đơn. Song cũng sâu cay biết mấy khi ông vẽ những “đàn chuột”, một loài gặm nhấm, chui rúc, ăn đêm, sợ ánh sáng; hay “Đàn cua” chuyên sống trong bùn đất, hang hùm tối tăm, lại hay bò ngang tỏ ra ương ngạnh... Cho đến “Đàn chim bói cá” thì dù đói đến chết cũng không bao giờ chịu ăn thịt đồng loại, hoặc “Con lật đật” chẳng có chút tim gan mà lặn lội theo chiều nào cũng được và chỉ là thứ đồ chơi buồn cười, mua vui cho lũ trẻ mà thôi. Những gì đó, Bạch Thạch dành cho so sánh, phơi bày bản chất của bọn quan lại, cường quyền độc ác, bẩn thỉu, gian tham, hoặc những kẻ bất lương, xu nịnh... Còn “Cái bàn tính” - một hung khí giết người không thấy máu, lại là công cụ “phát tài” của bọn người bóc lột dân lành cũng được ông đưa lên tranh để vạch trần những hành vi oan nghiệt!

Có lần tên Thiết Ngô tay chân của Nhật thích mời Bạch Thạch vẽ tranh. Ông đã vẽ một bức tranh “Cua” có chữ “Hoành hành đến mấy lúc?”, lại còn thêm 4 chữ “Thiết Ngô tương quân” vào tranh, đã làm cho tên đại quan đỏ mặt tía tai, mà chẳng nói được nửa lời(?)

Bạch Thạch hay dùng hình tượng “con cua” ngang ngạnh để chế riêu, đả kích bọn quan lại gian hùng. Bạch Thạch từng vẽ “Hai con cua” bị nướng chín bỏ trên đĩa làm thức nhắm rượu, để nói lên ẩn ý sâu xa đầy căm hận! Ngược lại, Bạch Thạch đã chọn những hình ảnh cao đẹp để nhân cách hóa, hoặc biểu trưng hóa, như “Ánh thái dương”, “Vùng hồng chiếu rọi”, những “Cây tùng bách”, “Cây vạn niên thanh”, hay những “Chim ưng”, “Chim bồ câu” hoặc “Tổ quốc muôn màu”, “Trăm hoa đua nở”... Để ca ngợi Đảng Cộng sản và lãnh tụ anh minh, ca ngợi đất nước hòa bình, nhân dân tự do hạnh phúc, mà tranh nào cũng đều phơi phơi thanh xuân, như tâm hồn và nghệ thuật của ông mãi mãi trường tồn!

NGHỆ THUẬT

CÁI GIÁ CỦA TÀI HOA

Thiên tài lỗi lạc đâu phải tự dung mà có, hay là của trời cho? Thật khó tính hết được bao nhiêu tinh lực và thời gian mà Bạch Thạch đã phải trả cho giá trị vinh quang tột đỉnh trong nghệ thuật của mình.

Cũng như những con em các gia đình nghèo khổ khác, Bạch Thạch không được may mắn ngồi ở những trường lớp chính quy để học hành có hệ thống, hoặc tham gia thi cử chính chu... mà Bạch Thạch lại phải vật lộn với muôn ngàn thử thách trước cuộc sống cơ cực của gia đình, và còn chịu đựng biết bao bạc bẽo, của xã hội, nhất là tầng lớp họa gia văn nhân đại sĩ phu bảo thủ đương thời không ngớt lời bài xích. Muốn tiến thân Bạch Thạch phải ngoan cường vượt lên tất cả để tu luyện và hành nghề.

Học văn của Bạch Thạch được ông nội mở lòng từ những nét chữ vẽ trên đồng tro tàn. Cũng từ đó, Bạch Thạch thường dùng những cành tùng say mê vẽ chữ lên mặt đất ở sân vườn, lại cũng hay nghịch ngợm vẽ những hình người có nét mặt tròn, mắt tròn, hao hao giống cô bé nhà cạnh, hoặc có khi còn vẽ mặt người lại thêm râu vào, trông như ông chủ quán trong làng theo tưởng tượng.

Đến khi học trường làng ông ngoại dạy, lần đầu tiên Bạch Thạch được cầm đến cây bút lông để đồ chữ, rồi vẽ chữ, viết chữ... thật thú vị biết bao so với khi cầm cành tùng viết chữ, vẽ người trên mặt đất. Và rồi còn sung sướng biết bao khi được ông ngoại khen tặng cho Bạch Thạch học giỏi, bằng hai vật quý là cây bút lông mới toanh và thỏi mực nho đen nhánh.

Có bút mực rồi ngoài việc say mê đồ chữ, viết chữ, Bạch Thạch còn luôn tò mò hí hoáy vẽ vời không biết chán. Trước tiên, Bạch Thạch hay nhặt nhanh giấy cũ, giấy gói hàng, để bắt chước vẽ tranh “Ông thần sét” mà thợ vẽ ở làng vẽ đại bút, tô son đỏ lên giấy vàng, treo ở cửa nhà khi có người sinh con, để mong trừ diệt tà ma, trấn áp quỷ quái theo tập tục của làng quê. Khi mẹ Bạch Thạch sinh em trai, ở nhà cũng có treo loại tranh Ông Thần này. Bạch Thạch càng được dịp luôn ngắm nghía và mê say bắt chước vẽ luôn tay. Nhưng ban đầu vẽ chả ra tương mạo “Ông Thần Sét” như tranh treo trên cửa, mà mặt mũi lại dị dạng. Bạch Thạch thấy tự không ưng, vẽ đi vẽ lại mãi trở thành mồm nhọn, má hóp, hóa ra giống hình con vẹt? sau đó Bạch Thạch bèn nghĩ cách tìm giấy trúc mỏng gói hàng để dè lên tranh mà đồ lại, nên khá giống. Từ đó lũ bạn thấy được rất thích thú cứ theo nài nỉ Bạch Thạch tiếp tục đồ, chép tặng chúng. Cũng từ đó, Bạch Thạch vừa chuyên cần học chữ, vừa say mê vẽ vời, đồ, chép tranh, hễ đến lớp là lũ bạn túm tụm tán tỉnh bảo vẽ cho chúng xem. Bạch Thạch chiều bạn phải xé cả giấy vở học để vẽ. Khi bắt đầu tự vẽ được, Bạch Thạch hay nhớ vẽ lại ông già câu cá thường thấy ở Đầm Tinh Dầu cạnh nhà. Vẽ nhiều lần dần quen tay vẽ cũng hơi giống dáng người và mặt mũi ông ấy. Rồi tiếp đến Bạch Thạch tự tập nhìn vẽ những cỏ cây, hoa lá, chim chóc, ếch nhái, tôm cua, bướm bướm, chuồn chuồn và những gia cầm gia súc... thường thấy quanh nhà, quanh làng. Đó là những gì Bạch Thạch rất thích thú và vẽ nhiều nhất khi đang đi học ở trường làng. Còn tranh “Ông Thần Sét”, dần dần Bạch Thạch nhận ra đó chỉ là tưởng tượng, mơ hồ, chưa bao giờ nhìn thấy có thật trên đời. Do vậy mà Bạch Thạch không còn ham thích đồ, chép, vẽ như trước nữa. Đến khi mẹ sinh em trai thứ 2, nhà lại treo tranh “Ông Thần Sét”, Bạch Thạch không buồn nhìn, mà bây giờ thường rủ rê bạn học vẽ tìm những gì nhìn thấy trước mắt để vẽ. Càng ngày càng mê say vẽ nhiều, nên Bạch Thạch xé sạch giấy vở học để vẽ, đến nỗi phải liên tục thay vở mới. Ông ngoại thấy



1. Sen
183cm x 56cm
1930

秋色

借山隱館者白石之齊藤





2. Sen và chuồn chuồn. 68,8cm x 34,3cm - 1930
3. Ong. 27cm x 33cm - 1951



4. Gà và cút. 179,5cm x 64,5cm - 1930
5. Chim trĩ và mẫu đơn. 102cm x 34,2cm - 1940
6. Bộ ngựa. 116cm x 40 cm - 1940
7. Chim bói cá và tôm. 134cm x 34cm - 1930

惜山人能主青白石居自梅祠屋村適有樓粟堂范台



齊豫借山人



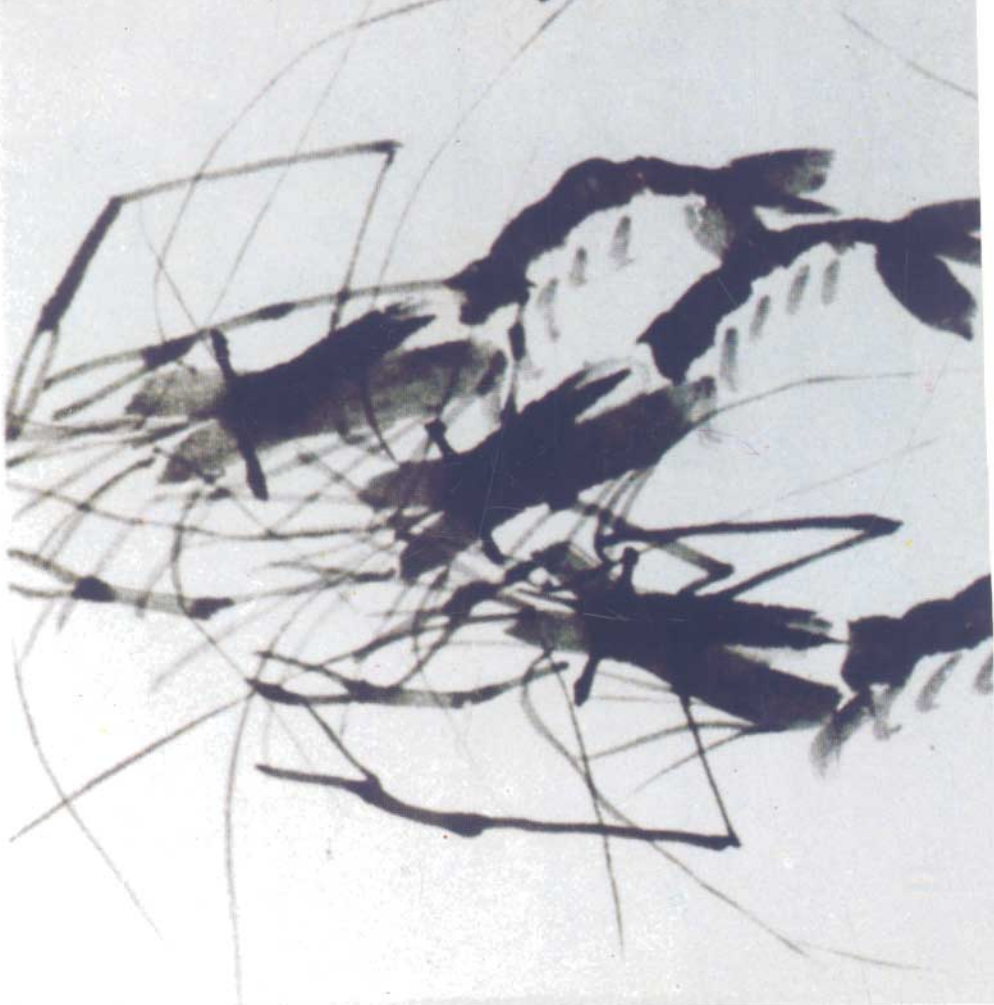
寄萍老人齊白石畫時居燕京





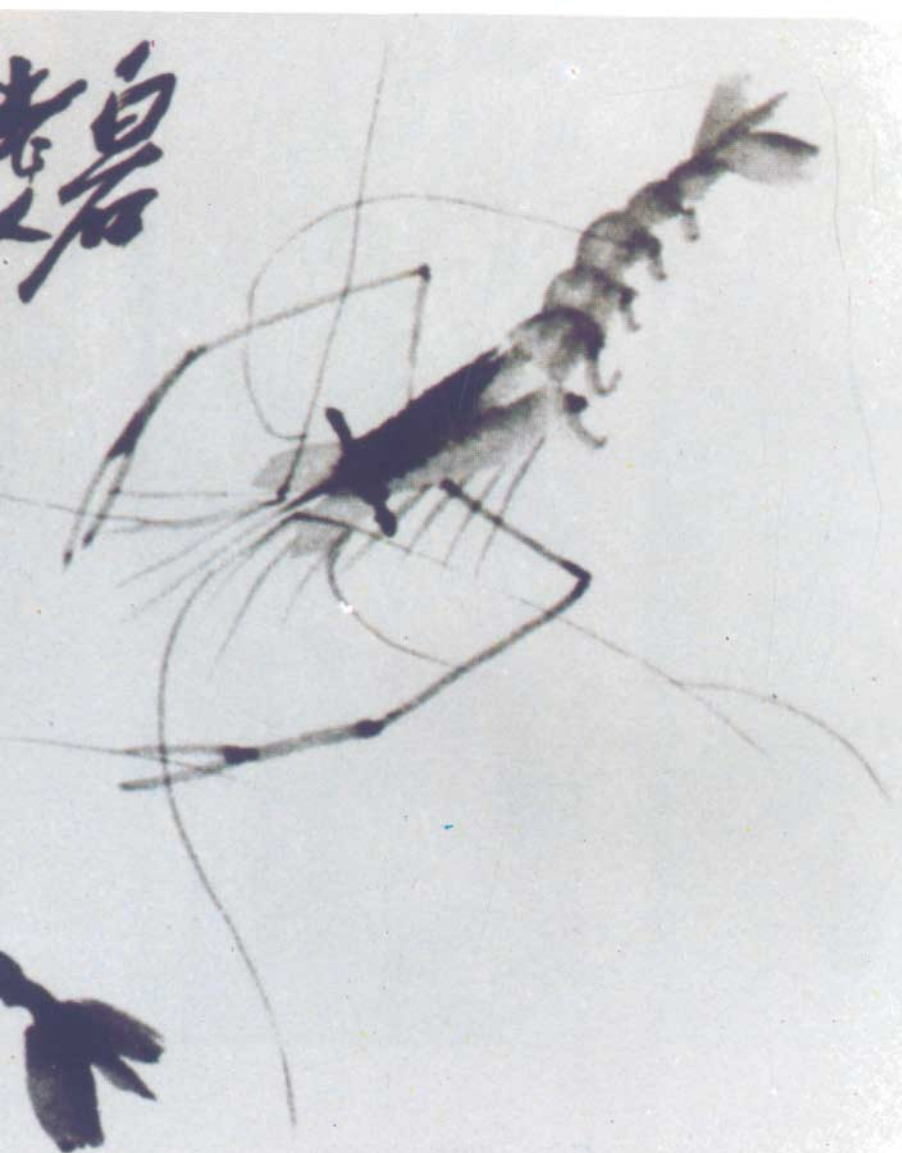
8. Hoa khiên ngư và côn trùng. 113cm x 52cm - 1930
9. Đàn cua. 105cm x 36cm - 1947
10. Hải đường và chuồn chuồn. 68cm x 33cm - 1932

歲時
畫于
京華
城西
太平
橋外



11. Đàn tô. 37cm x 52cm - 1945

老石





12. Nho - 1930

13. Hoa ngọc lan và hoa mẫu đơn. 125cm x 53cm -1937

14. Giàn nho và châu châu. 122cm x 77cm - 1922

木



一聲燕語滿院涼
年午間
設好秋光
鳴
燕
新
書
心
先
冷
能
食
新
酸
味
長
才
林
弟
子
題
在
卷
角

老夫自嘆太癡頑
獨立西風上鬢端
爲石
林
先生
畫
并
題
弟
齊
璠
白
石
翁





15. Bữa ruộng. 69,5cm x 53cm - 1952

16. Hoa ngọc lan. 117cm x 39cm - 1940

17. Hải đường. 105cm x 34,7cm - 1945





18. Quả mướp. 126cm x 41,5cm - 1956

19. Dây đậu và côn trùng. 113cm x 49cm - 1930

20. Nho và chuột. 67cm x 33,5cm - 1941

九二翁家之多吉見之松葉
墨月如





21. Hoa khiên ngư. 31cm x 45cm - 1955

22. Bìa 4. Hoa trái mùa thu - 1932

vậy, sợ Bạch Thạch phí giấy và lại sao nhãng việc học chữ, bèn dọa đánh đòn. Nhưng rồi thương cháu chăm ngoan, nên khuyên cháu hãy thích vẽ thì hãy tìm giấy khác, chớ nên tùy tiện xé giấy vở học. Từ đó Bạch Thạch tìm giấy cũ, hay giấy bọc hàng để vẽ, không dám xé giấy vở học như trước nữa.

Sau đó, quê nhà lại mất mùa, gia đình khôn đốn, thiếu người làm, nên trước lo no bụng, học chưa hết năm Bạch Thạch phải thôi học để phụ việc cho bố mẹ. Năm ấy khổ đến mức phải ăn khoai sọ rồi đến ăn rau để thay bữa! Sau này, về đến khoai sọ và rau xanh, Bạch Thạch không làm sao quên được những tháng năm cơ cực ấy mà ông làm thơ có câu:

*Gò khoai sọ cuối mùa thu lạnh
Phải chăng kho thóc kẻ bần hàn?*

Dư vị bần hàn cùng khôn ấy thì chỉ có người nghèo khó mới cảm nhận được, chứ còn kẻ giàu sang thì có mấy ai đoái hoài.

Lên 10, 11 tuổi, những năm thôi học về giúp đỡ gia đình, Bạch Thạch làm đủ thứ việc: Trồng rau, chăn trâu, cắt cỏ, nhặt phân trâu bò rơi, quét dọn, chăm sóc hai em trai và còn làm những việc nặng nhọc hơn nữa, như leo núi đốn củi về đun và đem đi bán lấy tiền cho gia đình chi tiêu. Lúc này Bạch Thạch không còn là chàng trai thư sinh nữa, mà thực sự thành chú bé làm lụng giỏi giang như những con em nghèo khó quanh làng. Bạch Thạch thích thú nhất là kết thân với bạn bè, rủ rê lên núi đốn củi để rồi cùng vui chơi cái trò “ném củi” của con em nhà nghèo ở đây. Là cái trò dựng đứng bó củi lên rồi thi nhau lấy đất đá, que củi ném đổ để ăn thua. Khi xa quê, Bạch Thạch gặp lũ trẻ đi đốn củi, nhớ lại thời ấy và làm bài thơ “Ném củi”.

Hằng ngày đi chăn trâu hay leo núi đốn củi, Bạch Thạch đều dắt em trai đi theo để khỏi ở nhà quấy vương mẹ và cũng không quên mang theo sách vở quàng lên sừng trâu để lúc rỗi tranh thủ tự học, xem như việc thường ngày. Có lần quá mải mê đọc sách quên cả đốn củi, nhặt phân. Tối về củi không đầy gánh, phân cũng chẳng có là bao. Vậy mà tối đến, là lấy sách ra say sưa ôn tập, viết chữ, hoặc tìm trong sổ ghi của ông nội

còn những giấy thừa đem ra vẽ một mạch... Bà nội thấy vậy, chỉ than phiền cảnh nhà nghèo khổ, khuyên Bạch Thạch chờ nên sao nhãng việc nhà. Vâng lời bà, Bạch Thạch cố làm chu tất việc nhà rồi mới lo việc tự học hành và lúc nào cũng say mê, tất bật...

Năm 14 tuổi (1877), ngoài việc chăn trâu, đốn củi và làm đủ thứ việc trong nhà, Bạch Thạch còn biết cầm cày, cấy lúa, bón phân, tham gia việc đồng áng. Song Bạch Thạch gầy gò yếu đuối, khó bề chịu đựng được những việc nặng nhọc. Bố định cho Bạch Thạch học một nghề thủ công nào đó, để giúp đỡ gia đình sinh sống. Chưa tìm ra thì có người mách đến xin học nghề thợ mộc của ông Tề Mãn có họ với phía nội nhà Bạch Thạch. Song ông làm thợ mộc thô, chuyên xây cất nhà cửa. Cho nên mặc dù gia đình đưa Bạch Thạch đến cầu khẩn mấy, ông cũng trả Bạch Thạch về. Vì Bạch Thạch không vác nổi những khúc gỗ làm cột kèo hay xà nhà, thì làm sao học được, nên đành thôi.

Bố Bạch Thạch kiên tâm tìm đến một ông thợ mộc khác, cũng là người trong họ là ông Tề Trường Linh để gửi Bạch Thạch học. Thấy Bạch Thạch quá yếu ớt, song ông thông cảm với gia đình cố nhận dạy. Nhưng khuyên Bạch Thạch phải chịu khó luyện tập cho khỏe lên mới theo học được cái nghề thợ mộc lao công khổ nhọc này.

Đến khi vào học nghề, Bạch Thạch rất ngạc nhiên. Vì thấy Tề sư phụ sao lại tỏ ra cung kính những ông thợ mộc khác? Rõ ra đó là do có sự cách biệt giữa thợ mộc thô và thợ mộc tinh (thợ mộc tinh là thợ chạm khắc hoa tinh vi, khéo léo). Vì vậy mà Tề sư phụ mới thốt lên rằng: “Nếu kém thông minh và đôi tay vụng dại thì cả đời khó mà có được tài nghệ cao kỳ như họ. Nên làm sao mà cùng đi, cùng ăn với họ được?” Nghe qua như vậy, Bạch Thạch biết ngay là Tề sư phụ chưa phải là thợ mộc tinh và hơi tỏ ra bất bình nghĩ rằng: Sao họ học được, làm được, lẽ nào mình lại không học được, làm được? Bạch Thạch bèn nhất quyết tìm cách học cho kỳ được nghề thợ mộc tinh để làm ra những sản phẩm tinh vi, khéo léo.

Trong lúc cả nhà lo cho Bạch Thạch không đủ tráng kiện để học nghề mộc thô, học đã không thành, lại mang thêm bệnh tật thì làm sao nên người? Cả nhà ai cũng đồng tình khuyên Bạch Thạch chuyển học một nghề khác. Đúng lúc đó bố Bạch Thạch đã lân la tìm được vị sư phụ mộc tinh, chạm trổ khắc hoa tinh tế và khắc hình người nổi tiếng, lại giỏi phương pháp chạm khắc binh đao (dao bằng), ở vùng phố Bạch Thạch, cách nhà không xa lắm, tên là Chu Chí Mỹ. Thật may, Chu sư phụ đang cần một môn sinh giúp việc. Nên vừa cầu xin cho Bạch Thạch được làm đệ tử, liền được thầy Chu chấp nhận ngay. Và kể cũng lạ, như duyên trời phán định, thấy trò hợp nhau từ nhân cách đến tay nghề. Thầy nhiệt tâm truyền nghề, trò cố công tu luyện. Do Bạch Thạch lễ độ, thông minh, lại say mê nghiên cứu học hỏi nên ngày càng tỏ ra xuất sắc. Hơn nữa, thầy Chu lại không có con trai, nên Bạch Thạch được thầy Chu ưu ái chẳng khác nào con đẻ của mình vậy. Về sau Bạch Thạch thành nghề, thường thổ lộ là không bao giờ quên ân đức sâu nặng ấy đối với Chu sư phụ.

Sau hơn 3 năm theo học thành thạo chạm khắc hoa từ phương pháp binh đao dần chuyển sang phương pháp viên dao (dao tròn). Thấy Bạch Thạch tay nghề đã vững, nên dù lưu luyến, Chu sư phụ vẫn cho phép Bạch Thạch thành thầy để tự hành nghề kiếm sống và đỡ đần gia đình. Bạch Thạch được thành thầy có thể dạy được người khác, là niềm vui lớn của cả nhà. Tuy thành thầy, song Bạch Thạch vẫn hợp tác với thầy Chu để hành nghề. Cả vùng phố Bạch Thạch ai cũng biết tiếng tăm thầy Chu, nên Bạch Thạch đi theo cũng được thơm lây. Thầy trò Bạch Thạch thường được những gia đình giàu sang quanh vùng và cả huyện lỵ Tương Đàm mời đến làm những thứ quý giá như giường tủ, hòm rương, hay hộp nữ trang... thứ nào cũng chạm khắc trổ hoa, công việc khá nhiều làm không nghỉ tay.

Lúc bấy giờ, chạm trổ thường dùng những mẫu lăng hoa hay các hình nhân vật cũ kỹ từ thời xưa lưu lại. Bạch Thạch thấy cứ phải chạm đi chạm lại phát chán, bèn nghĩ cách đổi

kiểu, làm thêm những hình nhỏ, lựu, lê, mơ, thị... vào các kiểu lăng hoa cũ, còn thêm những hình hoa mẫu đơn, mai, lan, cúc, trúc... trông khác xưa nhiều. Còn hình nhân vật thì lấy từ chuyện cổ sử, rồi thêm vào những hình cây cối, chim chóc, súc vật, cá tôm, những thứ mà Bạch Thạch từng thấy và vẽ được. Quả nhiên đã tạo nên những kiểu dáng mẫu mã mới, được mọi người khen ngợi. Từ đó, Bạch Thạch càng hăng say tìm tòi sáng tạo và cùng thầy Chu đi làm khắp đó đây.

Đến 20 tuổi rồi, mà Bạch Thạch vẫn khoác rương đồ nghề đi làm cùng thầy Chu. Tình cờ gặp may ở một nhà chủ có bộ sách “Giới Tử Viên họa phổ”, thời Càn Long - Nhà Thanh, gồm 3 tập, dạy vẽ từ bước đầu đến hoàn thiện một bức tranh. Như vớ được vàng, Bạch Thạch cầm mắt xem, đọc, nghiên cứu quên cả ăn ngủ. Nhưng là sách mượn, Bạch Thạch không thỏa mãn, nên nghĩ đến việc tìm mua bộ sách này. Đi khắp huyện Tương Đàm cho đến Phủ Trương Sa cũng chẳng thấy đâu. Bạch Thạch đành thưa với mẹ dành cho ít tiền để mua giấy trúc mỏng, bút mực màu, rồi mượn sách. Buổi tối đi làm về, Bạch Thạch đốt dầu thông và củi cảnh tùng làm đèn, chép từng bức tranh trong sách. Phải chép đến nửa năm mới xong. Từ khi có tài liệu “tủ” để tham khảo, Bạch Thạch càng liên tục sáng tạo những mẫu chạm khắc mới hơn nữa, không còn lặp lại những kiểu cũ và tránh được những khiếm khuyết đã qua.

Đến giờ thì Bạch Thạch đã hái ra khá nhiều tiền. Vậy mà cảnh nhà vẫn chưa thoát khỏi túng bần. Thỉnh thoảng lại thiếu gạo thiếu dầu... Cả nhà lại thường chịu khổ để nhường phần cho Bạch Thạch, vì là con trưởng lại có tay nghề phải đi làm để nuôi sống gia đình. Bạch Thạch rất đau khổ và không đành lòng như vậy. Đêm đêm Bạch Thạch phải làm thêm những chiếc hộp thuốc lá, thuốc Lào, bằng sừng mai nhẵn rồi chạm khắc hoa văn trang trí hoặc cảnh vật rất tinh vi. Các thứ ấy đem gửi bán ở hiệu tạp hóa phố Bạch Thạch, bán khá chạy. Trừ mọi lệ phí hoa hồng, còn lại mỗi hộp có thể mua hơn một đấu gạo. Vậy mà vẫn chưa làm sao xóa nỗi cái cảnh khổ nghèo dai dẳng của gia đình !

Từ khi có những bản chép trong bộ sách “Giới Tử Viên họa phổ”, Bạch Thạch như “cờ gặp gió”. Ngoài những việc chạm khắc hoa, làm những đồ mỹ nghệ tinh xảo để kiếm sống, Bạch Thạch còn vừa bắt chước, mô phỏng, vừa cố công tự học vẽ tranh, nên tài năng tiến nhanh, bản thảo tích lại nhiều. Người quanh vùng biết đến Bạch Thạch vẽ tài, ngày càng nhiều người đến mời vẽ. Những chủ nhà thuê chạm khắc hoa bây giờ cũng nhờ Bạch Thạch ở lại vẽ và tặng lễ vật hoặc trả phù lao rất hậu. Tiếng tăm chạm khắc hoa và vẽ tranh của Bạch Thạch lúc này càng nhanh chóng lan tỏa khắp vùng. Mỗi khi nhắc đến “Thợ mộc Chi” người ta đều ca ngợi tài hoa vẽ tranh của ông.

Bạch Thạch thường thổ lộ: “Nói chuyện thì hãy nói những lời mà người ta nghe hiểu. Còn vẽ tranh thì cũng nên vẽ những gì mà người ta từng nhìn thấy”. Bạch Thạch cho rằng hồi còn nhỏ hay vẽ tranh “Ông Thần Sét”, khác nào trẻ con nghịch ngợm. Khi nhận ra thì đó chẳng qua chỉ là tưởng tượng. Còn bây giờ vẽ người mặc quần áo cổ xưa, cũng giống như người trong tập “Giới Tử Viên họa phổ”, hay trên sân khấu Kinh kịch cũng ăn mặc như vậy, mà Bạch Thạch cứ vẽ theo. Người trong làng còn thường nhờ Bạch Thạch vẽ những tranh thần thánh theo từng bộ, ít nhất là 4, còn nhiều đến 20 bức. Đó là, Ngọc Hoàng Thượng Đế, Lôi Công, Táo Quân, Diêm Vương, Long Vương, Diêm Mâu, hay Thần Lửa, Thần Mưa, Thần Gió, Thần Tài, Tướng Dữ, Tướng Hiền, ông Thiện, ông Ác, Quý quái đầu trâu mặt ngựa,... Những vị này, có ai thấy qua mặt mũi thực hư ra sao? Bạch Thạch vốn không thích thú gì, nhưng đành phải vẽ để kiếm sống, vì tiền mỗi bức tranh cũng khá. Vả lại chẳng lẽ khước từ yêu cầu của bà con xóm làng, mà cũng còn có lợi nữa, là có dịp luyện theo lối vẽ người trong tập “Giới Tử Viên họa phổ” để vận dụng vẽ tranh thánh thần cho bà con.

Bạch Thạch ngày càng hứng thú vẽ người thật, hơn vẽ thần thánh. Nghe nói cách nhà hơn 100 dặm, có họa gia Tiêu Hương Cai xuất thân từ thợ làm giấy, nhưng thuộc lòng Kinh Thi, biết làm thơ và vẽ chân dung tài nhất huyện Tương Đàm. Bạch

Thạch nhờ người trong họ xin hộ cho Bạch Thạch bái Tiêu sư phụ làm thầy. Thấy Tiêu chấp thuận. Thấy tận tâm dạy vẽ người và còn dạy vẽ sơn thủy nữa. Mọi thủ thuật, bí quyết gì thầy cũng không giấu giếm mà căn kẽ truyền cho Bạch Thạch tất cả. Thấy còn mách cho Bạch Thạch tìm học thêm ở họa gia Văn Thiếu Khả, người cùng huyện Tương Đàm, có một lối vẽ chân dung rất khác lạ. Qua 2 năm sư phụ tận tình dạy bảo, Bạch Thạch ngày càng mở mang hơn về cốt cách vẽ người, tay nghề thăng tiến càng nhanh chóng.

Song, bước vào tuổi 27, một may mắn bất ngờ và lớn lao hơn lại đến với Bạch Thạch. Đó là hai nhà sĩ phu danh tiếng trong vùng, khi thấy được nhân cách, tài năng và hoàn cảnh của Bạch Thạch mà rộng lòng bảo trợ cho con đường học vấn và nghệ thuật của Bạch Thạch tiến xa hơn.

Có một hôm Bạch Thạch đang chạm khắc hoa, vẽ tranh thuê ở nhà họ Lại, vùng Lũng Gia Lý, cách xa nhà hơn 40 dặm, thì ông Hồ Tắm Viên cho người gọi gặp Bạch Thạch. Ông thân thiết thăm hỏi, chuyện trò vui vẻ và bảo :”Nhà họ Mã⁽¹⁾ láng giềng nhà anh là người gần gũi của tôi. Được nghe biết anh cần cù, thông minh và có xem tranh anh vẽ, nhưng nay mới được gặp ở đây. Tài năng của anh xem ra còn tiến triển nhiều lắm. Anh còn muốn học chữ, học vẽ tranh thêm nữa chứ?” Bạch Thạch xúc động thưa: “Học chữ, học vẽ tôi đều mong muốn. Chỉ vì nhà nghèo mà chữ không học nổi đến đâu mà vẽ cũng không học được đầy đủ!”. Nghe vậy, Hồ Tiên sinh liền nói: “Ngại gì, chỉ cần anh có chí. Vừa học chữ, học vẽ, vừa vẽ tranh bán nuôi gia đình. Như vậy cũng đắp đổi được chứ? Nếu anh có quyết tâm, thì xong việc ở đây, hãy đến nhà tôi trò chuyện nhé!” Bạch Thạch vô cùng sung sướng làm theo lời chỉ bảo của Hồ Tiên sinh.

Hồ Tiên sinh còn được gọi là ông Tam Thọ, người ở Thiều Đường, cách nhà Bạch Thạch hơn 40 dặm. Nhân cách khảng khái, phong nhã. Thích sưu tập lưu trữ nhiều sách và tranh

(1) Họ Mã tức Mã Dịch Hiên anh rể của Hồ Tắm Viên, một sĩ thân ở thôn Cây Hạnh gần nhà Bạch Thạch.

của các danh nhân. Biết làm thơ khá tao nhã, thanh thoát và vẽ tranh chim hoa, thảo trùng, sơn thủy đều khá tinh vi, độc đáo. Còn biết viết chữ Hán rất cừ! Gần nhà có hồ sen và lập “Ngẫu hoa ngâm quán thi phòng”. Nơi đây thường xuyên hội tụ thân bằng cố hữu ngâm vịnh thơ ca. Người ta cho nhà ông “ghế lúc nào cũng đầy khách, chén không bao giờ cạn rượu”. Vì kết giao bằng hữu hào phóng nên nhà giàu nổi tiếng mà chẳng mấy khi dư dật.

Bạch Thạch đến nhà Hồ Tiên sinh vừa đúng lúc mở hội thơ ca. Ông mời Bạch Thạch ở lại dự cơm rồi đi gặp Trần Tác Huân tức Trần Lão Phu Tử một danh sĩ học vấn rất cao ở Tương Đàm. Hồ Tiên sinh bảo Bạch Thạch: “Nếu quyết chí học hành thì hãy đến bái Trần lão Phu Tử. Không biết bố mẹ anh ra sao?. Bạch Thạch thưa: “Bố mẹ dạy phải tuân lời Tam Tương Công (Tức Hồ Tẩm Viên), chỉ ngại vì nhà nghèo e tuổi hơi cao!” Tam Tương Công ngăn lại: “Đừng lo, tranh của anh thì luôn bán được. Còn tuổi, thì anh từng học Tam Tự Kinh, trong sách có gương Lão Tuyền 27 tuổi mới được học hành. Anh cũng 27 tuổi sao không biết noi theo?” Còn Trần tiên sinh cũng bảo Bạch Thạch rằng: “Nếu anh có chí học hành thì chẳng phải lo đến học phí cho thầy”. Bạch Thạch cảm kích bái tạ ân đức nhị vị tiên sinh đã rộng lòng dạy dỗ ban phát. Hồ Tẩm Viên bảo đừng gọi Tam Tương Công nữa, mà từ nay hãy gọi bằng Thầy. Bạch Thạch làm lễ trước bái Đức Không Phu Tử, rồi xin bái hai vị sư phụ: Hồ sư phụ dạy vẽ và Trần sư phụ dạy thơ văn.

Trần sư phụ luôn căn dặn, nhắc nhở Bạch Thạch: “Học ở đây không như lớp trẻ học ở trường để rồi đi thi tú tài, cử nhân, mà cốt học để có được học vấn cao, phù hợp cho việc vẽ tranh, mà vẽ tranh còn phải có thơ đề mới hay, mới trọn ý và phong phú. Do đó phải đọc, nghiên cứu kỹ bộ Đường thi 300 bài ý nghĩa sâu, nhưng ai cũng có thể dễ dàng thông hiểu và ai không biết ngâm cũng muốn ngâm. Tiếp theo là học Mạnh Tử, học văn bát cổ Đường Tống, lúc rồi còn đọc thêm tiểu thuyết Liêu Trai chí dị...” Bây giờ, được học chính quy hơn, Bạch Thạch sung sướng vô cùng và ngày đêm vừa học vừa luyện và phải vẽ để kiếm sống nữa nên không còn lúc hở tay. Thầy Hồ Tẩm

Viên cũng hết lòng dạy dỗ, truyền đạt rất tỷ mỉ về cách vẽ đá, núi, cây cối, chim hoa, đến cách luyện tay bút sao cho thuần thục và nắm vững mọi quy thức, thủ pháp bố cục, tô màu, để xây dựng hoàn thiện một bức tranh. Thầy còn đem nhiều sách vẽ và tranh tích tụ được cho Bạch Thạch xem, nghiên cứu, rồi giới thiệu Bạch Thạch đến vị sư Đàm Lê Sinh bạn của thầy học thêm một lối vẽ tranh sơn thủy nữa để phong phú về bút pháp và phong cách.

Tranh sơn thủy của Bạch Thạch thường đưa thầy Trần đề thơ. Thầy luôn khuyên Bạch Thạch học làm thơ nhiều hơn nữa để biểu hiện hết vẻ đẹp vào tranh. Nếu biết vẽ tranh mà không biết làm thơ để tự đề thơ lên tranh thì vẫn chưa hoàn thiện. Những buổi hội thơ, làm thơ ở “Ngẫu hoa ngẫm quán”, thầy đều rủ Bạch Thạch tham gia, hoặc những cảm hứng thi ca khi ngắm hoa mẫu đơn vào tiết nở rộ ra sao, Thầy cũng giải bày tường tận cho Bạch Thạch cùng thưởng ngoạn. Ở “Ngẫu hoa ngẫm quán”, Bạch Thạch làm được mấy bài thơ tập dượt đầu tay, tự thấy chưa ra sao, khiêm nhường chẳng dám đưa ra, e chúng bạn cười. Ấy vậy mà được thầy, bằng hữu khen ngợi: Bạch Thạch có ngòi bút khá thông minh, linh cảm, có biệt tài và có nhiều triển vọng, chứng tỏ học văn đâu phải thấp kém, nhất là trong bài thơ “Hoa mẫu đơn” có câu được chú ý:

*...Khen chi mẫu đơn khoe sang trọng
Sánh sao lê quýt ngọt ngào thay!*

Từ khi được thầy bạn cổ vũ, Bạch Thạch càng vững dạ học hành tự trang bị học vấn và tay nghề của mình thêm cao rộng.

Nhưng rồi Bạch Thạch nghĩ đến gia cảnh bản hàn, đâu được nhẹ nhàng như bầu bạn, và chuyện chạm khắc hoa lại mất quá nhiều thì giờ, còn tranh vẽ thì dù sao cũng nhanh chóng và tự do; hơn nữa tay nghề và hứng thú đang phấn phát. Nhớ tới lời khuyên của Hồ tiên sinh: “Tranh ảnh bán được, hãy vẽ tranh bán mà nuôi gia đình...” Có lẽ lời khuyên đó là thiết thực. Bạch Thạch nghĩ như vậy và tập trung theo đuổi nghề vẽ tranh để kiếm sống, đỡ dần gia đình.

Lúc bấy giờ nghề chụp ảnh vẫn chưa thịnh hành mà nghề vẽ tranh chân dung (truyền thần) lại đang được trọng dụng. Lúc đang sống người ta thích vẽ mấy bức tranh treo chơi. Còn khi chết thì để thờ phụng hoặc lưu niệm. Bạch Thạch từng được học vẽ chân dung ở hai sư phụ Tiêu Hương Cai và Văn Thiểu Khả, từng đi vẽ truyền thần đó đây và thu nhập cũng khá. Hồ sư phụ biết việc ấy nên nhiệt tâm ban trợ Bạch Thạch. Thầy tìm cách loan báo, giới thiệu khắp vùng, để người ta đến mời Bạch Thạch vẽ. Bắt tay vào làm ăn không bao lâu, mà Bạch Thạch đã thấy khá lên. Một bức chân dung được trả đến 2 lạng bạc. Có người nhờ thích vẽ thêm mẫu rèm cửa, rèm màn, trang trí gấu tay áo. Có người còn nhờ vẽ cả một mẫu màn rủ hoặc mẫu giày cho họ hàng, thân quyến nữa. Những thứ ấy Bạch Thạch thuận tay chỉ phác mấy nét là xong, chẳng tốn mấy công phu và cũng chẳng nhận thêm tiền, cho nên được người ta khoái chí. Ở Tương Đàm có tục: Áo tang của phụ nữ phải lật đầu tay áo lên vẽ mấy kiểu hoa trang sử. Những thứ vật vãnh ấy, có ai nhờ vẽ, Bạch Thạch đều chiều theo họ để làm phúc, không nhận tiền thù lao. Về sau Bạch Thạch mày mò thêm một cách vẽ khá tinh vi, ly kỳ. Đó là vẽ bên trong chiếc áo sa mông để lộ ra ngoài những hoa văn, hoặc hình con rồng uốn lượn thật đẹp mắt trong những bức chân dung, được người ta hết lời khen ngợi cho là “tuyệt tác” và được họ trả đến 4 lạng bạc. Từ đó tranh được giá, khăm khá hơn chạm trổ khắc hoa trước đây. Do vậy, Bạch Thạch đành gác lại những cưa, búa, đục, chày, khoan... mà bấy lâu thân cận bên mình để chuyên nghề họa công đang trở thành sự nghiệp đắc sách của ông. Thế nhưng đâu phải suôn sẻ tất cả, có khi còn chịu đựng những ngang trái đến nực cười.

Trong những năm Bạch Thạch vẽ tranh chân dung ở quanh vùng, nhiều người yêu chuộng, trọng vọng, song cũng có một số người lại tỏ ra rất kiêu kỳ? Họ rất hâm mộ mời Bạch Thạch vẽ tranh cho họ, nhưng đừng đề tên Bạch Thạch. Họ nghĩ một cách lạ lùng rằng: Vẽ tranh là phải thuộc về giới thượng lưu hào hoa phong nhã, như tầng lớp văn nhân đại sĩ phu vậy?

Còn Bạch Thạch thì xuất thân từ thợ mộc và gia đình nghèo khổ, nên họ coi thường. Ban đầu Bạch Thạch định cự tuyệt, không giao thiệp với họ, song Bạch Thạch hiểu được ý họ và còn vì cuộc sống, nên cũng chẳng bận tâm đến việc đề tên hay không nữa, miễn sao họ trả tiền đầy đủ là được.

Cũng vì sinh trưởng ở một gia đình cần lao và lại xuất thân thợ mộc, mà cuộc đời Bạch Thạch luôn phải trả giá với bao dày vò và thiếu thốn vật chất và bạc đãi về tinh thần.

Những năm tháng Bạch Thạch ở Bắc Kinh, bọn mua quan bán chức ra sức quấy rối, còn tầng lớp họa gia thượng lưu quý phái bảo thủ thì công kích, dèm pha, đến nỗi có lúc vẽ tranh không bán được. Khi Từ Bi Hồng mời làm giáo sư ở Học viện Nghệ thuật Bắc Bình lại thêm một trận ôn ào, mà Từ Bi Hồng phải xin miễn nhiệm. Ấy vậy mà với nhân cách cao đẹp, bản lĩnh ngoan cường và bằng tài hoa của mình, Bạch Thạch đã vượt lên tất cả để tự khẳng định mình cho đến ngày công thành danh toại.

Gần 30 tuổi, Bạch Thạch mới chuyển sang một chặng đường mới, chuyên làm họa công vừa để sinh sống, vừa là điều kiện tốt để tiếp tục phát triển tài năng đang độ thanh xuân. Ông hăm hở tìm tòi không hề biết mệt mỏi. Và cũng trong những tháng năm này, ngoài việc vẽ tranh, Bạch Thạch không ngừng hăng say học hỏi làm thơ và còn mò mẫm luyện tập khắc dấu in, viết chữ (thư pháp). Vì dấu in và chữ viết lên tranh là hai bộ phận hỗ trợ cho nghệ thuật trong tranh quốc họa Trung Hoa, và đã định hình một truyền thống độc đáo lâu đời.

Cũng từ đó, tài năng đa diện và liên hợp: vẽ tranh, làm thơ, khắc dấu, viết chữ của Bạch Thạch hình thành, nổi tiếng và bước dần đến đỉnh quang vinh của một đại danh họa được người đời tôn quý, nhưng chính ông cũng đã phải trả một cái giá cực kỳ lớn lao!

TINH Ở CẦN

Trước khi qua đời một năm, Bạch Thạch từng viết tặng một đệ tử thân cận đến cuối đời của mình là Lý Khả Nhiệm (sau này trở thành một họa gia và là giáo sư quốc họa nổi tiếng ở Học viện Mỹ thuật Trung ương - Bắc Kinh) một trang giấy với ba chữ lớn mang tính nghệ thuật của thư pháp. Đó là “Tinh ở cần”. Ý nói có được trình độ tinh vi kỳ diệu chẳng qua là nhờ ở chuyên tâm cần cù khổ luyện.

Đây phải chăng là một phương châm, hay là một cảm nang của Bạch Thạch trong cả cuộc đời lao động nghệ thuật của mình? Thiên tài lỗi lạc của Bạch Thạch, đúng không phải ngẫu nhiên, mà được hình thành từ năng khiếu bẩm sinh cộng với quá trình chuyên cần khổ luyện hết mình vì nghệ thuật mới có được.

Bạch Thạch sống gần một thế kỷ và trọn một đời người liên tục lao động và cống hiến tài hoa cho đến khi buông bút vĩnh biệt trần gian. Những năm gần già từ dương thế, Bạch Thạch vẫn không ngừng ung dung sáng tác, để lại cho đời mấy trăm bức tranh như hoàn hưng sức trẻ, chẳng thấy chút già nua.

Từ những ngày chập chững theo học chữ bên bếp tro tàn, Bạch Thạch đã biểu lộ sự thông minh và đức tính siêng năng, cần cù. Lúc nào cũng mãi mê viết chữ, vẽ hình. Lớn lên, trong quá trình tiến thân và hành nghề, bất kỳ làm gì ông cũng dốc hết sức mình. Ông luôn sáng tạo trên cơ sở hấp thụ những tinh hoa nghệ thuật của tiền bối qua việc mê say mô phỏng và nghiên cứu tỷ mỉ. Thấy thấy, bạn có tài hoa là xin chịu làm môn sinh tận tâm học hỏi. Nghệ thuật của ông còn là sự kết tinh bằng vốn liếng am tường từ quan sát sâu sắc ở thực tế của thế giới tự nhiên và xã hội. Bạch Thạch không bao giờ chịu vẽ

bịa và tùy tiện, nên quan sát rất say sưa và thận trọng. Quan sát từ xa thấy chưa đủ, tiếp tục quan sát gần, quan sát thường xuyên ngay trong nhà, trong phòng vẽ. Do vậy, Bạch Thạch từng tự tay cuốc đất làm vườn, trực tiếp trồng trọt khá thành thạo những thứ cây cảnh, hoa quả, rau dưa, v.v... ở các khoảng trống trong sân vườn quanh nhà, và còn đào mương, vét ao nuôi tôm cá, hoặc chăn gà vịt, chim chóc..., vừa để cải thiện cuộc sống, vừa để nghiên cứu, quan sát đến nhập tâm những đối tượng miêu tả, qua thành quả trực tiếp lao động của mình. Do đó ông càng nhiều hứng thú trong khi vẽ tranh.

Trong phòng vẽ, trên bàn, trên ghế, thường xuyên có những bát nước to nuôi tôm, cá, kể cả loại bé xiu, để liên tục quan sát, Bạch Thạch còn thả những con cua bò trên bàn để quan sát và ghi chép. Ông luôn thử nghiệm để làm chủ đặc thù của từng loại giấy mỏng, dày; từng loại bút cũ, mới, thô, nhọn; từng loại mực đậm, nhạt, đặc, loãng, v.v... như đã thành tập quán hành nghề khắt khe của ông.

Sau ngày đất nước giải phóng, tuy già yếu Bạch Thạch vẫn chịu khó nuôi khá nhiều chim bồ câu để quan sát và sáng tác. Tranh chim hòa bình của ông ở những năm cuối đời được mọi người hâm mộ.

Bạch Thạch chẳng những vẽ tranh xuất sắc, mà còn mày mò học giỏi về nghề bồi tranh đủ chủng loại giấy, lụa. Ông tự bồi, tự làm trực cho tranh mình, khá tinh xảo chẳng kém thợ chuyên nghiệp. Ông cũng dốc nhiều tinh lực cho sự nghiệp văn thơ. Ông từng đọc lầu lầu những tập thơ Đường - Tống và luôn hăng hái tham gia các hội thơ. Đặc biệt mỗi khi vui buồn, thương xót, cảm hờn, trong lòng có chút lay động thì hầu như ông thường dùng thơ để biểu hiện tâm tình. Đó cũng là dịp liên tục rèn luyện và nâng cao tài năng thơ ca của ông.

Học để hành, học để biến cải và không ngừng sáng tạo luôn là một quá trình vận động nghiêm túc và khép kín của Bạch Thạch, kể cả vẽ tranh, làm thơ, hay khắc dấu. Ông học khắc dấu in hết sức kỳ công. Từng thử nghiệm phương pháp khắc bình dao, viên dao, với nhiều chất liệu đá cứng, mềm, phải

mài đi mài lại nhiều lần tốn công phu. Ông còn nghiên cứu, phát hiện để hấp thụ các dạng thức đẹp của chữ viết khắc từ thời Tần, Hán, Ngụy, hay Nam Bắc Triều, Đường, Tống v.v... để tự sáng chế những mẫu chữ triện và khắc dấu in nghiêm chỉnh mà sinh động.

Bạch Thạch học và làm nghề chạm khắc hoa cũng tỏ ra vô cùng tinh xảo và khéo léo. Vào tuổi 70, bản lĩnh lao động của ông vẫn như lúc xuân thời. Ông còn giữ nguyên bộ đồ làm mộc và thường cười nói với bằng hữu hay các môn sinh rằng: “Bộ đồ nghề này chính là người thầy rèn luyện nhân cách và bản lĩnh cho tôi để làm nên cửa nên nhà và làm nên nghiệp lớn đây!” Với bộ đồ nghề này Bạch Thạch từng tự tay đục khắc trở biết bao kiểu mẫu hoa tinh tế, kỳ thú, hộp thuốc lá, hộp đựng con dấu in tranh, nho nhỏ xinh xinh, tinh xảo. Những việc làm đó càng luyện cho Bạch Thạch tinh mắt, tinh tay và càng tinh trong nghệ thuật.

Nghệ thuật kiệt xuất của Bạch Thạch đúng là một kết tinh tài hoa của nghệ nhân, thi nhân và họa công được sản sinh từ sự chuyên cần khổ luyện lâu dài.

Hầu như gần trọn một đời, Bạch Thạch liên tục lao động nghệ thuật, liên tục hành nghề, mà chưa hề có thời gian bị gián đoạn nhiều ngày. Ông chưa lần nào nghỉ vẽ dài hạn đến hơn 10 ngày. Có lần do ốm quá nặng phải nằm liệt giường không dậy nổi để vẽ, khi đỡ mệt là tiếp tục vẽ không chịu nghỉ ngơi. Chỉ khi mẹ mất, vì đang ở Bắc Kinh xa quê nhà, chiến sự bùng nổ, tắc trở giao thông, không thể về quê lo tang lễ nên quá đau buồn không làm sao vẽ được!.

Bạch Thạch xem việc vẽ tranh hàng ngày là “nhật khóa” (việc bắt buộc trong ngày). Sáng tinh mơ đã thức dậy để vẽ, không vẽ kịp theo dự định thì đốt đèn vẽ đêm, hoặc hôm sau lại vẽ bù. Trên tranh thường có những dòng chữ hay in dấu triện “Bạch Thạch nhật khóa”, “Bạch Thạch dạ đăng”, hay “Bạch Thạch dạ đăng dư hứng”... Đó là những bức tranh Bạch Thạch vẽ đêm.

Thời gian vừa định cư ở Bắc Kinh, vì mãi mê nghiên cứu,

thể nghiệm, ngày đêm chuyên tâm vẽ tranh, mà Bạch Thạch quên hết mọi vui thú cá nhân ở chốn thị thành và cũng hiếm dịp giao du vô vị với bên ngoài xã hội. Ông hết sức trân quý và tận dụng thời gian để liên tục suy tư, tu luyện. Đại bộ phận thơ ca của ông hầu như được sáng tác tranh thủ lúc đi dạo, ngồi xe, hoặc khi chưa ngủ được hay thức giấc v.v...

Những năm sống ở Bắc Kinh, Bạch Thạch có khi treo bảng ngoài cổng “không tiếp khách”, “không bán tranh”... Thực ra thì vừa để tránh gặp bọn bất lương, song cũng vừa để tranh thủ thời gian nghiên ngẫm biến hóa pháp, thay đổi nếp vẽ, tìm lối đi mới của mình, chứ ông có bao giờ chịu nghỉ ngơi, làm gián đoạn tay nghề.

Sau ngày đất nước giải phóng, Bạch Thạch càng hăm hở vẽ tranh cho đến khi từ biệt cõi đời, đã để lại cho thế gian biết bao kiệt tác. Ấy vậy mà Bạch Thạch lão nhân vẫn chưa thấy mãn nguyện yên lòng, vẫn còn biết bao hoài vọng: “Tiếc là tôi nay đã già yếu, chẳng còn làm nên được gì nữa. Giá tôi được trẻ lại mấy tuổi...”.

TAM TUYỆT CHI TÀI

Từ thời Lục Triều (thế kỷ 5) ở Trung Hoa đã hình thành không khí phẩm bình thi pháp (phép làm thơ) họa pháp (phép vẽ tranh) và thư pháp (phép viết chữ) khá sôi nổi. Trên tranh lúc bấy giờ dần dần đã thấy xuất hiện những tên tác giả, bút danh, biệt hiệu, hoặc ghi thời gian sáng tác, cho đến những lời chú giải ý tranh và những dòng thơ, đều được thể hiện bằng chữ viết nghệ thuật, hoặc dùng dấu khắc in bằng chữ triện. Từ đó, viết chữ nghệ thuật và in dấu triện lên tranh dần dần đã trở thành cấu trúc định hình trên tranh, đã hình thành một nghệ thuật đặc thù trong truyền thống quốc họa Trung Hoa. Và cũng từ đó xuất hiện những họa gia có tài năng vẽ tranh, làm thơ, viết chữ đều tuyệt vời mà được phẩm bình, suy tôn thành bậc đại sư kiệt xuất “tam tuyệt chi tài”. Đến thời Đường Tống (thế kỷ 7 đến 11) quốc họa Trung Hoa phát triển đến trình độ cao, hoàn thiện các thể loại tranh phong cảnh, hoa diểu, nhân vật v.v... và càng xuất hiện nhiều bậc đại họa gia “tam tuyệt chi tài”. Kế thừa truyền thống đó, đến thời lão họa gia Tề Bạch Thạch với tài hoa lỗi lạc của mình, cũng được mọi người suy tôn xứng danh như vậy.⁽¹⁾

Vẽ tranh, Bạch Thạch đã là người đột phá và mở đường, cống hiến cho quốc họa Trung Hoa một họa pháp mới, dung hợp nhuần nhuyễn giữa “công bút” và “tả ý”, mà trước đây vận dụng tách bạch giữa hai loại họa pháp, hoặc dung hợp chưa đạt đến trình độ hoàn thiện. Hai lối vẽ đối lập nhau. “Công

(1) Đây là lời suy tôn Tề Bạch Thạch vẽ tranh, làm thơ, viết chữ - ba tài năng đều tuyệt vời. Nhưng có sách viết “tam tuyệt” này là vẽ tôm, cua, gà (?)

bút” là lối vẽ nét công phu, tỷ mỷ, tinh vi, có thể miêu tả đến “chân tơ kẽ tóc”. Còn “tả ý” là lối vẽ mảng, mạnh bạo, hào phóng, bay bổng. Nếu vẽ đến mức giản lược và tinh luyện cao độ, người ta còn gọi là “đại tả ý”, Bạch Thạch là một trong những họa gia “đại tả ý”. Tranh của Bạch Thạch còn đạt tới những chuẩn mực ưu việt, tiêu biểu của truyền thống và tinh hoa quốc họa Trung Hoa, như “hình thần kiêm bị”, “Sắc vị hương thanh, tứ giả chu toàn” v.v... Trên tranh, đồng thời thể hiện được cả hình hài hoàn mỹ, lẫn thần thái sống động. Và như có đủ màu sắc, vị chất, hương hơi và tiếng động.

Người ta xem tranh Tề Bạch Thạch có cảm giác: Đàn ong như đang tung bộ cánh mỏng tung bay, lay động trong gió và có tiếng vù vù bên tai... Hay đôi chim như đang rung mình vỗ cánh, hoặc đang ca hát, nói cười. Ve sầu như đang réo rắt tiếng kêu và rung rung đôi cánh mỏng trong suốt... Đám gà con như đang chim chíp gọi nhau với bộ lông tơ lay động... Cá tôm như đang cựa quậy, nhảy nhót, tung tăng... Hoa như đang khoe sắc thắm và tỏa ngát hương...

Đó là những cao nghệ kỳ tài trong tranh của lão họa gia Bạch Thạch. (Xem phần Hình thần kiêm bị, đột phá và mở đường).

Hội họa là nhân cách, mà thơ văn là người. Họa hưng và thi hưng hòa quyện trong tâm hồn họa sĩ và thi sĩ của Bạch Thạch.

Do tranh của Bạch Thạch được phổ truyền sâu rộng, mà tài hoa thơ ca của ông chưa được lan tỏa bao nhiêu. Kỳ thực, thơ ca của ông cũng không kém đặc sắc.

Thơ Đường Tống là nguồn khơi hứng tâm hồn thơ mạnh mẽ thời xuân trẻ và cũng là vốn thơ ca dồi dào mà ông say mê cả cuộc đời. Bạch Thạch cũng đã thấm nhuần lời khuyên nhủ ân cần của sư phụ văn thơ Trần Tác Huân: “Hãy nỗ lực học văn thơ, tập sáng tác, để tự đề thơ lên tranh mình, thì nghệ thuật của mình mới thật hoàn chỉnh”. Bạch Thạch còn chịu ảnh hưởng sâu sắc tinh thần “trong họa có thơ, trong thơ có họa” (họa trung hữu thi, thi trung hữu họa) của đại họa gia

Vương Duy đời Đường. Cho nên tranh của Bạch Thạch khá đậm tính thơ, và phần nhiều tranh của ông có thơ mà ông tự đề. Cũng như hội họa, thơ ca của Bạch Thạch đều bắt nguồn từ vẻ đẹp thiên nhiên, xã hội, từ tâm hồn cao cả, mẫn cảm, trữ tình, hoặc từ nỗi lòng ưu ái, nhân từ, vị tha... Và, như sợi tơ mỏng manh, tâm hồn thơ của Bạch Thạch dễ dàng lay động xao xuyên mũi lòng. Tiền con, đón bạn, xa thấy, chia tay người thân... bằng những dòng thơ diết da, vô vấp, nghĩa nặng tình sâu... Khóc thương người già biệt dương trần thì thật lâm ly, thống thiết, thâm trầm... Oán hờn, khinh miệt bọn bất lương, gian hùng thì thật đắt cay, hay hùng hồn rực lửa...

... Khóc ai già biệt quá vội vàng

Lưu lại thân bằng lắm thương tang!

(Khóc Trần Sư Tăng)

... Sa đen mù đội che mày mặt

Chẳng chút ruột gan thế cũng “quan”?

(Tranh Lật đật)

Tê Bạch Thạch rất coi trọng học hỏi điển cố, thanh luật, hay niêm luật trường thi của cổ nhân. Ông say mê thơ Đường và vận dụng niêm luật chặt chẽ của nó, lại còn hấp thụ vần điệu thơ Tống nhẹ nhàng, sâu lắng, để gửi gắm tâm tình. Song, cũng như hội họa, ông luôn giữ một bản lĩnh nhất quán, là “học để vượt”, nên tuyệt nhiên không bắt chước, hay bị ràng buộc theo người xưa. Ông thích lối thơ cởi mở, phóng khoáng, không ưa tù túng như đàn gà bị bó chân? Mà ông làm thơ thường theo cảm hứng, không nặng trau chuốt ngôn từ hoa mỹ. Do đó, ông luôn phản đối những ai hay mô phỏng theo người này kẻ nọ, rồi khoe khoang học được đó đây...(?)

“Hoa mẫu đơn” là bài thơ thành công đầu tiên ở tuổi ba mươi của ông đã được thầy và bạn khen ngợi. Ông còn rất nhiều thơ hay ở các Hội thơ: “Tá sơn ngâm quán”, “Ngẫu hoa ngâm quán”, “La Sơn thi xã”, hay “Long sơn thi xã”... tham gia cùng nhiều bạn thơ, nhiều sư phụ, danh sĩ thơ ca nổi tiếng như Trần Tác Huân, Vương Tương Khởi, Vương Trọng Ngôn... Những tập thi tuyển “Bạch Thạch thi cao” hay “Tá Sơn ngâm

quán thi cảo” của ông được xuất bản, hàng trăm bài chọn lọc lưu hành khắp nơi. Vậy mà Bạch Thạch vẫn khiêm nhường thổ lộ: “Thơ tôi viết lên từ nỗi lòng muốn bộc bạch chẳng gia công chải chuốt gì mấy, cũng không tỏ ý học thơ Đường, thơ Tống. Chắc rằng người mắng mỏ tôi rất nhiều, song người khen tôi e cũng không ít. Xưa nay, hay dở, xấu tốt, đâu phải dễ nhìn nhận phân minh? Có lẽ phải đợi đến trăm năm sau mới có được thẩm định công bằng. Nhưng lúc đó thì tôi đã ở trong đồng đất vàng, làm sao mà còn nghe thấy được?” Ông còn đề lời tựa các tập thơ của ông, rằng:

*“Trăm năm sau ai biết lời phi báng,
Trên đồng đất vàng đám cỏ vi vu...”*

Thơ ca của Bạch Thạch đã quá trăm năm rồi đấy! Người hôm nay phẩm bình thẩm định ra sao? Để cho ông “trong đồng đất vàng” ấy được hả lòng.

Nhờ tài hoa thơ ca sớm nảy nở và phù trợ, mà tranh của Bạch Thạch càng thêm thêm thúy ưu kỳ.

Rõ ràng, qua những dòng thơ mộc mạc của Bạch Thạch trên tranh “Ngư Ông”, đã làm cho tranh càng bộc lộ sâu sắc ý nghĩa lên án xã hội bất công đương thời với người lao động đang khi nghèo khổ, làm ăn lại chẳng gặp may! mà còn phải lo toan sưu thuế:

*Nhìn giỏ tre này dạ quặn đau,
Hồ khô, sông cạn, chẳng ra sao,
Rượu mai chưa có lòng không ngại,
Chỉ sợ không tiền nộp thuế xâu!*

Tranh của Bạch Thạch bức nào cũng có in dấu triện, viết chữ hoặc đề thơ để làm tăng giá trị của tranh. Từ tài nghệ chạm khắc hoa tinh luyện, Bạch Thạch học hỏi đạo pháp khắc in dấu triện hết sức thuận lợi. Cũng như từ bút pháp hội họa hào phóng, tự do của mình mà Bạch Thạch tu rèn nghệ thuật viết chữ bay bướm, tung hoành. Như cổ nhân từng nói “thư họa đồng nguyên” - viết và vẽ cùng một gốc.

Bạch Thạch say mê mô phỏng hấp thụ những dáng chữ (thể tự) nét chữ, lối viết, lối khắc chữ, cho đến bút lực, bút thế, thư pháp, đao pháp... ở các văn tự trên các bia cổ trên hai nghìn năm từ đời Tần Hán, cho đến đời Ngụy, Lục Triều... Ông si mê thư pháp của đại họa gia Triệu Tự Ngang đời Minh; hâm mộ đao pháp khỏe của Lê Bồi Kinh tiền sĩ, làm quan triều Thanh. Ông còn tham khảo cả đao pháp, thư pháp của các loại triều ấn, tướng ấn, quan quân ấn v.v... từ đời Hán và các đời sau, cho đến các môn phái khắc in, như Ngô Phái, Chính Tông Phái, ở Tô Châu, Triết Giang, An Huy... Song, bất kỳ học gì, Bạch Thạch rất nhất quán là luôn đề cao vận dụng và biến hóa, nên ông cũng kịch liệt chống bảo thủ, công thức, vay mượn... trong viết chữ hay khắc in, Bạch Thạch thường nói: “Thời Tần Hán có cái hay của kiểu viết, phép khắc của người thời ấy. Còn bây giờ phải can đảm sáng tạo mới vượt được người thiên cổ”.

Lê Tùng An, người đồng hương, vừa là bạn tốt, vừa là thầy hết lòng dạy bảo, truyền nghề khắc in đầu tiên cho Bạch Thạch. Ngày đêm Bạch Thạch đến nhà Lê Tùng An liên tục luyện tập, bùn đất bụi bặm ngập ngựa, trong phòng không còn chỗ để chân. Lê Tùng An còn thân tình tìm cho Bạch Thạch mượn nghiên cứu những tập dập in khắc dấu với đao pháp tinh vi nổi tiếng của Hoàng Tiểu Tùng và Đinh Long Di - hai nhà khắc dấu in trứ danh đương thời. Và còn tìm cho Bạch Thạch những loại đá quý khắc dấu lúc bấy giờ đang trọng dụng, nhất là các loại đá Thanh Điền, đá Kê Huyết hay đá Hoàng Điền... đang rất hiếm. Có khi phải dùng những con dấu cũ bằng đá quý để mài khắc con dấu mới.

Bước vào tuổi 40, nghệ thuật khắc dấu in của Bạch Thạch đã được nhiều người hâm mộ, kể cả tầng lớp quý phái, quan lại, sĩ phu v.v... Và không ít người xin làm môn sinh đệ tử. Phương pháp truyền nghề của Bạch Thạch vừa thao diễn đao pháp, vừa giảng giải cặn kẽ. Các môn sinh hưng khởi thốt lên: “Nghe lời thầy giảng như nghe tiếng sấm. Xem đường dao thầy khắc hình như có tiếng gió vậy”.

Viết chữ cũng như khắc dấu, Bạch Thạch đã hạ bút là không

đồ lại, xuống dao quyết không khắc sai. Ông con vận dụng phương pháp khắc dao dọc, mỗi hướng một đường dao. Chỉ có hai hướng không giống kiểu khắc của người khác là đi một đường, về một đường, tất cả thành bốn hướng. Chữ triện có cao nghệ không? Dao pháp có điều luyện không? Người am hiểu tinh tường chỉ nhìn vào thế chữ và đường dao là biết được. Lúc khắc dấu, Bạch Thạch thuận theo thế chữ để khắc, không phải viết hình chữ mẫu trước rồi sau mới hạ dao, mà luôn chủ động điều khiển đường dao khi khắc, nên đường nét khắc dấu của Bạch Thạch mạnh mẽ, phóng túng, hào hoa không khác bút lực hội họa. Và ông viết chữ có thể phóng bút cho mọi người xem, còn khắc dấu có thể múa dao trước mặt khách. Một số người học khắc dấu chỉ quanh quẩn hình ngoài, bỏ rơi mất tinh thần của nó, nên diện mạo không gắn với nội tình. Dao pháp như vậy chỉ là gặm gọt chữ không phải là nghệ thuật khắc in. Gọt và khắc khác nhau, giống như “mắt cá” và “hạt châu”.

Đến tuổi 70, qua ba chục năm, Bạch Thạch khắc hơn ba nghìn con dấu triện. Ngoài hai trăm mẫu gốc, người ngoại quốc mua mang đi, còn lại, ông đã chọn trên hai trăm mẫu, in thành mười tập ấn phổ, gồm in tay, in kẽm và đá để lưu truyền. Trước kia ở quê từng in dập bốn tập ấn phổ. Đến lúc loạn lạc bị thổ phi cướp đi toàn bộ, kể cả hơn ba trăm con dấu bằng đá quý. Đó là việc đáng tiếc trong đời ông. Nhưng rồi hơn mười năm sau định cư ở Bắc Kinh, ông dần dà khắc được ba trăm con dấu bằng đá quý như xưa. Do vậy mà ông lấy biệt hiệu “Tam bách Thạch ấn” hoặc “Tam bách Thạch ấn trai phú ông” v.v... (ba trăm đá in) để làm lưu niệm sự kiện đó.

Nhờ chí khí “học để vượt” mà Bạch Thạch đã cống hiến cho thư pháp và ấn triện Trung Hoa một phong cách mới linh hoạt, hào phóng, tung hoành mà tinh vi, tế nhị. Đúng là một kết tụ tài năng chạm khắc hoa, vẽ tranh, làm thơ, viết chữ, khắc dấu đều thật tuyệt vời xuất hiện từ “đôi tay vàng” Tế Bạch Thạch.

HÌNH THÂN KIÊM BỊ, KHÔNG MỊ TỤC, DỐI ĐỜI

Từ thời ấu thơ, Bạch Thạch từng mô phỏng, bắt chước vẽ theo những tranh thờ dân gian thần thánh. Nhưng rồi sau đó ông nhanh chóng nhận ra rằng: đó là những bức tranh vẽ theo tưởng tượng, làm gì có thực trên đời? Ông rủ bạn bè cùng vẽ cỏ cây, hoa lá, tôm cá, trâu bò... những gì từng nhìn thấy được.

Bạch Thạch đã sớm nhận ra một điều giản dị mà thật chí lý: Đó là nghệ thuật chỉ bắt nguồn từ cuộc sống thực tế mới có sức sống, có hồn.

Trung thành với đạo lý từng nhận ra, Bạch Thạch lấy thực tế cuộc sống làm nguồn cảm hứng duy nhất và vô tận cho sáng tạo nghệ thuật trọn đời ông. Song, làm thế nào để nắm bắt được thực tế cuộc sống, và đưa vào nghệ thuật ra sao, để có được giá trị đích thực, xưa nay có bao nghệ sĩ, bao môn phái nghệ thuật từng biểu hiện khác biệt nhau ở điểm này.

Ở Bạch Thạch, chỉ biết bỏ nhiều công phu, nghiêm túc, tỷ mỷ quan sát để nắm bắt cuộc sống thực tế đến mức “nhập tâm”, để rồi miêu tả “Xuất thần” sự vật trong nghệ thuật mà ông thường nói: “Nhập thế để rồi xuất thế”, hay “dùng hình để tả thần”. Vì vậy, ông quan sát từ hiện trường ngoại cảnh cho đến nhiều thực địa rộng lớn đó đây ở ngoài trời, tiếp cận hàng ngày để quen thuộc hình thù, động thái, tìm hiểu quy luật sinh sống, biến hóa của giới động thực vật tự nhiên, với những diễn biến phức tạp của thời gian, không gian... Ông thường nói: “Tôi không bao giờ vẽ những gì tôi chưa nhìn thấy”, “Tôi luôn vì vạn trùng tả chiếu, vì bách diệu truyền thần”, (Ý nói đối chiếu với thực tế của muôn vạn côn trùng để mô tả và diễn đạt tinh thần sức sống của trăm ngàn chim muông - nghĩa là

chú trọng phản ánh trung thực cuộc sống thực tế).

Đúng là Bạch Thạch không bao giờ vẽ bịa, vẽ tưởng tượng mơ hồ, hư vô... mà phải là những gì đã từng được quan sát, do vậy mà ông luôn tỏ bày: “Phàm muốn vẽ tranh thì trước hết trong người mình cần có đầy những gì mà từng nhìn thấy qua. Đến khi hạ bút mới tả được “thần” (“Thần” là cái tinh thần toát ra từ hình thể của sự vật được miêu tả).

Nắm bắt sâu sắc thực tế cuộc sống, song Bạch Thạch không bao giờ sao chép, mô phỏng, hay “chụp ảnh”, rập khuôn cuộc sống thực tế một cách mù quáng, nô lệ, hoặc thụ động, mà ông luôn đề cao tính năng động chủ quan và điều hòa hai nhân tố khách quan và chủ quan trong tìm tòi sáng tạo nghệ thuật. Ông vận dụng tài tình kiến giải nghệ thuật của tiền bối, mà Trương Thao, họa gia đời Đường từng đề xướng: “Ngoại sử tạo hóa, nội đắc tâm nguyên” (chú trọng nắm bắt thực tế cuộc sống, quan sát giới tự nhiên để rồi chủ động sáng tạo theo ý đồ của mình). Từ đó, Bạch Thạch đã xử lý một cách tinh tế và hoàn thiện quan hệ biện chứng giữa hai yếu tố khách quan và chủ quan, quan hệ hữu cơ giữa “hình” và “thần” để đạt đến hiệu quả “hình thần kiêm bị” mà truyền thống quốc họa Trung Hoa xem như chuẩn mực nghệ thuật ưu việt, cốt lõi, được đề cao từ bao đời. Nghĩa là trong tranh phải đồng thời thể hiện được trọn vẹn song toàn cả hình hài và thần thái của đối tượng miêu tả. Hình hài thì phải tinh vi, hoàn mỹ. Thần thái thì phải sâu sắc, sống động được bộc lộ qua diễn đạt hình hài.

“Hình” và “thần” không tách biệt nhau. Không có “hình” thì cũng chẳng có “thần”. Bạch Thạch chú trọng dùng “hình” để tả “thần”. Trên cơ sở giống “hình” mới diễn tả “xuất thần”. Ông cho rằng: “Không giống” hình” thì làm sao có thể phản ánh được “thần”? Và chỉ theo đuổi giống “hình” thôi chưa đủ, mà phải từ giống “hình” để đạt tới “xuất thần”. Giống “hình” và “xuất thần” phải thống nhất với nhau. Bạch Thạch còn tìm ra thủ pháp diễn đạt “hình” và “thần” thành công. Ông từng nói: “Vẽ nét thô thì khó tả giống về hình hài. Còn vẽ nét tinh thì khó đạt đến thần sắc”. Cho nên, Bạch Thạch luôn vận dụng

hai loại bút pháp “công bút” và “tả bút” của tiền nhân, và hỗn hợp “trong công có tả, trong tả có công và công tả tương bổ”. Nghĩa là điều hòa giữa “tả sinh” và “tả ý”; đan xen giữa “tả chiếu” và “truyền thần”; giao thoa giữa công phu và hào phóng; giữa tinh và thô; dung hợp giữa mô phỏng và sáng tạo, nhằm tránh đơn điệu, khô khan, mà lột tả được cả “hình” và “thần” một cách hoàn mỹ.

“Tả sống” (tả sinh hay tả thực) chỉ là việc chuẩn bị phương tiện cho sáng tác, không phải bản thân sáng tác, lại càng không phải mục đích sáng tác. Song không thể coi nhẹ “tả sống”. Bạch Thạch rất chú trọng “tả sống”. Đến gần 90 tuổi vẫn luyện “tả sống” những con chim bồ câu để rồi sáng tác những bức tranh về Hòa bình, với bút pháp “đại tả ý” bộc lộ thần thái của sinh khí sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng. Cho nên Bạch Thạch cũng tỏ ra không hài lòng với những hiện tượng phiến diện. Ông nói: “Người giỏi “tả sống” thì thường chỉ chú trọng về “hình”, mà những ai sành tả ý thì hay chuyên nghĩ đến “thần”. Còn ở ông thì nghĩ rằng: “Cần “tả sống” rồi lại “tả ý”, “tả ý” rồi lại “tả sống”. Từ đó mới có thể đạt tới “hình thần kiêm bị”. Không như vậy, chẳng ngẫu nhiên có được”. Và ông cũng nói thẳng ra rằng: “Tôi vẽ vật thực không cốt giống “hình” mà phải giống được “thần”. Hoặc ông còn thổ lộ “Không vẽ giống những gì thường thấy, mà còn vẽ những thứ gì không thấy được. Có thể gọi là “thoát thực vẽ quái”. “Những thứ tôi vẽ ra lâu nay phần nhiều là những thứ thường thấy. Còn những thứ như ít thấy, thì tôi cảm giác như hư hư thực thực. Có lẽ cao xa quá mà cũng không thiết thực. Nên tôi vẽ chưa nhiều?”.

Thế nhưng rồi từ kinh nghiệm thực tiễn lăn lộn, dùi mài, trăn trở, suy tư trong lao động nghệ thuật mấy chục năm, và xử lý quan hệ biện chứng giữa “hình” và “thần”, Bạch Thạch đã từng khẳng định và nêu lên một kiến giải hầu như mang ý nghĩa tổng kết trong sáng tạo nghệ thuật của mình, mà cho đến nay vẫn giữ nguyên giá trị và còn phát huy tác dụng.

Ông nói: “Tôi vẽ tranh không phải để cầu cho giống, mà trong cái không giống lại giống. Vẽ tranh hay là ở chỗ vừa

giống mà lại vừa không giống. Giống lắm thì mị tục, mà không giống thì lại dôi đời. Làm thế nào để thể hiện được tinh thần ấy?”.

Câu nói tưởng như thật quá mộc mạc, mà lại vô cùng hàm súc, tinh thâm. Đặc biệt là đoạn: “Tranh hay là ở chỗ vừa giống, mà lại vừa không giống. Giống lắm thì mị tục, mà không giống thì lại dôi đời”. Nó đã thực sự trở thành danh ngôn bất hủ, mà nhiều người từng được nghe biết từ lâu, và ai cũng đều tỏ ra thần phục.

Thật vậy, nếu vẽ “quá giống”, sẽ trở thành mô phỏng, sao chép, hoặc chụp ảnh cuộc sống thực tế, và dễ sa vào tự nhiên chủ nghĩa, thì chỉ có làm cái việc “mị tục” mà thôi. Còn nếu vẽ “không giống” thì có thể dễ xa dân, hoặc rồi thoát ly thực tế cuộc sống, quay lưng với thực tại và thời đại, dẫn đến hình thức chủ nghĩa, hay biến thành một thứ siêu thực hóa, trừu tượng hóa... để mà “dôi đời”, chứ làm sao có thể mang lại cảm quan chân, thiện, mỹ cho người thưởng thức?

Nghệ thuật đến từ cuộc sống, song nó không phải là cuộc sống. Đó là điều hết sức tế nhị và thâm thúy của đặc thù nghệ thuật, mà ở tranh của Bạch Thạch có thể dễ dàng phát hiện ra điều thần diệu đó.

“Thái quá” “bao giờ cũng dẫn đến “bất cập”. “Vừa giống, vừa không giống”, thực chất còn nói lên ý nghĩa của hiệu quả xử lý mức độ, liều lượng và những tương quan trong sáng tạo hình tượng nghệ thuật; Đặc biệt là sự dung hợp, điều hòa hàng loạt yếu tố tương phản, đối nghịch trong cấu trúc tác phẩm.

Sức sống mãnh liệt nhất, hay có thể gọi là hiệu quả nghệ thuật xuất sắc nhất trong tranh của Bạch Thạch là xử lý tài tình hàng loạt quan hệ biện chứng giữa các mâu thuẫn đối lập trong tranh - Vừa giống vừa không giống - công phu và hào phóng - tinh vi và giản lược - ưu nhã và thô dã - có hạn và vô hạn - tĩnh và động - thực và hư...

Xử lý quan hệ hư thực, Bạch Thạch điều hòa nhuần nhuyễn trong thực có hư, trong hư có thực, hoặc thực thực hư hư. Và hư đến mức không vẽ mà như thấy có vẽ. Thực đến mức vẽ ít

mà như thấy vẽ nhiều. Vẽ bộ phận mà như thấy toàn bộ vv... nghĩa là cái có trong tranh - là cái “hình”, cái có hạn, có vẽ, được nhìn thấy. Còn có cái ngoài tranh, không vẽ, mà cảm thấy được. Đó là cái “thần”, cái vô hạn, qua liên tưởng của người thưởng thức, hưởng thụ, mà ở Trung Hoa gọi là “ý cảnh”, đó là hiệu ứng tâm linh hình thành từ hình tượng truyền cảm trong tranh và liên tưởng thụ cảm ngoài tranh.

Ngoài việc xử lý hữu hiệu các quan hệ trên, tranh của Bạch Thạch còn thể hiện sự dung hợp tài tình những yếu tố khách quan và chủ quan, hiện thực và lãng mạn trong nghệ thuật.

Sự chuyển hóa họa pháp từ “công bút” đơn thuần đến “đại tả ý” và kết hợp nhuần nhuyễn hai họa pháp tương phản “công bút” xen lẫn “tả ý” đã đưa Tề Bạch Thạch trở thành người khai phá chặng đường mới cho quốc họa Trung Hoa, mà thật đặc sắc là sử dụng họa pháp tương phản để miêu tả những đối nghịch trong hình tượng nghệ thuật trên tranh. Vẽ hoa lá thì dùng nét mảnh giản lược, phóng túng, tung tóe. Côn trùng, ong bướm, chuồn chuồn, ve sầu... thì vẽ thật tỷ mỉ, tinh vi. Hoặc hoa thì màu đỏ son tươi gần như thực, còn màu của lá cành thì màu ước lệ, sử dụng sắc độ đậm nhạt của mực đen thay sắc lục xanh của thiên nhiên. Hoặc bầu trời, mặt nước, cho đến những bối cảnh không gian chỉ là những khoảng trống không, vẫn như thấy hiện hình từng khung cảnh, mà ở đó chỉ có tôm, cua, cá, ếch nhái, gà vịt, hay củ cải, làn hoa vv... những gì nằm trong khung cảnh ấy mới được miêu tả hình thể rõ ràng.

Xử lý một cách tinh tế những quan hệ đối nghịch “thực hư”, “giống, không giống”, “vô hạn, hữu hạn”, hay sử dụng họa pháp “công bút, tả ý” và những quan hệ tương phản khác trong tranh là những cống hiến đặc sắc, mới mẻ của Bạch Thạch trong kế thừa và phát huy truyền thống độc đáo của quốc họa Trung Hoa lúc bấy giờ.

VỀ GIÀ ĐỔI PHÉP ĐỘT PHÁ VÀ MỞ ĐƯỜNG

Tê Bạch Thạch trở thành người mở đường mới cho quốc họa Trung Hoa, bí quyết là ở tinh thần can đảm biến hóa và đột phá. Ông bỏ nhiều công phu và nghiêm túc học tập, hấp thụ tiền nhân, bao gồm nghệ thuật truyền thống dân gian và chính thống. Ngoài ra, còn học tạo hóa, học thực tế cuộc sống. Song, ông không bao giờ lại chịu lệ thuộc, hay mù quáng dẫm lên lối mòn của người xưa, hoặc sao chép, “chụp ảnh” cuộc sống thực tế, mà luôn truy tầm cho mình một lối đi riêng.

Tê Bạch Thạch từng mô phỏng tranh thờ cúng thần thánh, hay những mẫu chạm khắc họa dân gian thời xưa. Say mê luyện theo sách dạy vẽ “Giới Tử Viên họa phổ” đời Thanh. Học tranh vẽ và “Lục pháp luận” của họa gia Tà Hách thời Lục Triều (thế kỷ 5)^(*), nhất là tinh thần “Khí vận sinh động” “Cốt

(*) “Lục pháp luận” là cơ sở lý luận đầu tiên của hội họa cổ truyền Trung Hoa do Tà Hách quy kết thành một hệ thống nhất quán có quan hệ hữu cơ với nhau bằng sáu phép:

1. *Khí vận sinh động*: Nói đến miêu tả nhịp điệu sống động của sự vật đang biến chuyển. Hoặc còn có nghĩa là phản ánh được “cái thần” của đối tượng miêu tả.
2. *Cốt pháp dụng bút*: Nói đến sử dụng kỹ năng, kỹ xảo, bút pháp nghệ thuật, để diễn đạt có hiệu quả theo từng đối tượng miêu tả.
3. *Ứng vật tượng hình*: Nói đến cấu trúc hình tượng nghệ thuật trên cơ sở thực tế của sự vật.
4. *Tùy loại phú thái*: Nói đến sử dụng màu sắc, phân bố đậm nhạt phù hợp theo từng loại vật thể để đạt tới ý đồ nghệ thuật.
5. *Kinh doanh vị trí*: Nói đến xây dựng ổn định bố cục, sắp xếp tương quan, xử lý tỷ lệ thích hợp trong tranh.
6. *Truyền di mô tả*: Nói đến hấp thụ tạo hóa và kế thừa truyền thống một cách biến hóa, sáng tạo, phù hợp với quy luật vận động khách quan.

pháp dụng bút”. Học tính chất hiện thực của hội họa đời Đường, lấy cuộc sống thực tế làm cảm hứng, nhất là tinh thần “trong tranh có thơ, trong thơ có tranh” của Vương Duy đề xướng, hay bút pháp tinh tế của Ngô Đạo Tử về Kinh Phật, và ông thực hiện lời dạy của Triệu Tử Ngang đời Tống: “Bắt đầu vẽ phải nắm chắc trong tay từng nét, phải chú trọng quy củ, rồi từ đó còn phải bỏ nhiều công phu biến hóa 5, 7 năm, đến 9, 10 năm mới mong có thành công. Cho nên Bạch Thạch vừa kẻ thừa vừa cách tân. Ông rất sùng mộ họa phái Bát Đại Sơn Nhân đời Thanh, nhất là Thạch Đào, Thanh Đằng. Bạch Thạch từng thổ lộ: ... “tiếc là không được sinh ra trước đây 300 năm để xếp giấy, mài mực cho các ông ấy. Nếu không được vào, đứng ngoài cửa đến dõi cũng cam...” Họa gia Thạch Đào với bút pháp “tả ý” tự do phóng túng, tiêu biểu khí phách mới, chủ trương đột phá vượt tiền nhân, chống phục cổ, từng đề xướng: “Bút mực tùy thời đại” (Bút mực phải chuyển hóa phù hợp với thời đại), đưa nghệ thuật gắn bó với hiện thực xã hội, tách khỏi vòng vây bảo thủ của tầng lớp họa gia đại sĩ phu. Nhưng rồi vì bất mãn chế độ thống trị đương thời, lại vướng bi hận cá nhân mà sa vào bế tắc, ẩn cư, cô độc... Bạch Thạch cũng thích thú tinh thần “đại náo” (Khuấy động đến trật tự cũ), phản kháng bảo thủ, công thức, sao chép cứng đờ người xưa, khuyến khích tìm tòi sáng tạo mới, cải cách họa pháp của họa phái Dương Châu Bát Quái đời Thanh. Song, Bạch Thạch bất bình với họa phái này đã sa vào khuynh hướng chủ quan cá nhân, xa rời thực tế, dẫn đến hư vô, không tưởng. Hơn nữa, còn tách biệt giữa nghệ thuật thượng lưu và hạ giới, bất chấp mọi hứng cảm thẩm mỹ nhân gian.

Khác với các họa phái trên, Bạch Thạch thấm nhuần tinh thần: “bút mực tùy thời đại”, vận dụng “pháp cổ biến kim” (Phép tắc xưa mà biến họa nay), mạnh dạn hấp thụ, nhưng cũng mạnh dạn gạt bỏ để tìm hướng đi mới, như ông từng học vẽ tôm ở các họa gia Kim Đông Tâm, Lý Hạ Đường, , hay Đặng Bản Kiều - đời Thanh, nhưng ông đã vượt xa tiền nhân về nhiều mặt, là do ở tinh thần mạnh dạn cách tân và biến hóa.

(Xem phần Biệt tài vẽ tôm)

Quá nửa đời người lăn lộn, dùi mài với nghệ thuật, đến tuổi 60, Bạch Thạch mới tìm ra và khẳng định một chân lý, hay là một quy luật sống còn của nghệ thuật, đó là: Nghệ thuật không bao giờ “bất biến”, mà phải không ngừng chuyển hóa và đổi mới, phải thoát khỏi mọi ràng buộc quẩn quanh bởi vết chân người xưa, phải liên tục cải cách và sáng tạo mới thích nghi với thời đại, mới có tiền đồ. Bạch Thạch từng cho rằng: “Sự vật bên ngoài diễn biến như mây bay, vậy mà con người vẽ bao năm cứ vẽ theo cái cũ, không thay đổi, thì làm sao cho hay được?”, “phải nhìn xem sự biến hóa của vũ trụ mà bạo胆 sáng tạo”. Từ những nhìn nhận, suy tư đó mà trải qua bao tháng ngày vừa hành nghề, Bạch Thạch vừa luôn trăn trở day dứt, không tự bằng lòng với nghệ thuật của mình. Và, rồi bây giờ đến lúc tâm hồn ông như bay bổng bùng lên một tia sáng. Ông mừng vui khắp khối và khẳng khái bộc bạch cùng cố hữu thân bằng: “Tôi vẽ tranh đã mấy chục năm rồi, mà sao vẫn chưa thấy có gì riêng của mình, cho nên tôi nhất quyết phải đại biến”.

Nhờ bản lĩnh tiên thủ ngoan cường, Bạch Thạch vượt lên sức tàn lực kiệt của tuổi già, kiên trì gian khổ theo đuổi đến cùng con đường cải cách biến đổi nghệ thuật của mình, mà ông tự gọi là “Suy niệm biến pháp” (có nghĩa là vẽ già đổi pháp). Thực chất đây là một phương châm hành động đầy quả cảm trong cuộc đại cách mạng nghệ thuật của ông trong buổi xé chiếu!

Ông đã vượt lên mọi trở lực để thực hiện hoài bão nghệ thuật cao đẹp của mình.

Sau thời kỳ hoàng kim rực rỡ ở đời Đường - Tống, quốc họa hiện thực Trung Hoa sa dần vào xu hướng “hình thức chủ nghĩa”, quay lưng với thực tại. Tiêu biểu là tầng lớp họa gia văn nhân sĩ phu quyền uy cuối đời Nguyên đã chiếm ưu thế họa đàn, đã truyền lưu di hại nặng nề đến mấy thế kỷ sau. Vào đời Minh, xu hướng “hình thức chủ nghĩa” phát triển trầm trọng dần, sản sinh những môn phái nghệ thuật, như “Ngô

phái”, “Triệt phái” vv... thể hiện tư tưởng bảo thủ, sùng bái, hoài phục cổ nhân, dẫn đến lũng đoạn kỹ pháp quốc họa truyền thống. Đến đời Thanh, càng nguy kịch hơn, tiêu biểu là họa phái “Tứ Vương”, gồm 4 họa gia họ Vương (Vương Thời Mẫn, Vương Nguyên Kỳ, Vương Giám, Vương Huy), đứng đầu là Vương Thời Mẫn. Sau này còn xuất hiện các hội phái mới, nào là “Tiểu Tứ Vương”, “Hậu Tứ Vương” v.v... vẫn trượt theo con đường mù quáng tôn sùng mô phỏng hình thức nghệ thuật tiền bối. Không ít họa gia thiếu bản lĩnh đương thời đã bị lôi cuốn vào trào lưu “hoài cổ”, lún sâu vào khuôn thước quy phạm bút mực của người xưa, xa lánh thực tại và thời đại, khiến cho nghệ thuật không còn sinh khí. Ấy vậy mà Bạch Thạch đủ sức vừa phải vùng vẫy khỏi vòng vây rập không chế nguy hại đó, vừa phải phản kích trước sự tấn công từ nhiều phía đối lập, để giữ vững lối đi riêng của mình. Ông từng tự hào thách thức: Dù có vạn lời mắng nhiếc, đường ta ta cứ đi... Bạch Thạch cũng từng lên tiếng phê phán thái độ lệch lạc đối với vốn nghệ thuật cổ truyền: “Họa gia thời xưa có hiểu biết, có tài năng, dám vượt lên những cách thức cũ kỹ của người thời trước, để tự tạo nên phép tắc riêng của mình. Vậy mà chẳng biết khâm phục trước điều hay của tiền bối?”. Và ông lại nói: “Còn họa gia ngày nay chuyên phỏng theo người trước. Thế nhưng hề mở miệng ra là tự cho mình là kẻ thừa Tống Nguyên. Song sự thực thì ăn cắp của người xưa làm của mình để dối thế bịp đời, mà hình thì chẳng chân thật, hướng hồ tã được thần. Nét bút sờ sờ ra đó, mà chẳng hề biết hổ thẹn?”. Ông nghiêm khắc chỉ trích những hiện tượng không lành mạnh đó. Song đồng thời cũng kiên định vạch ra cho bản thân mình: “Dám mạnh dạn độc lập sáng tạo, mới có thể vượt qua người thiên cổ”. Ông tự chủ trương “Tôi dùng bút mực riêng của tôi, để miêu tả theo phép cách riêng của tôi”. Đúng là nhờ tinh thần “Mạnh dạn hấp thụ, đồng thời cũng mạnh dạn gạt bỏ” đối với vốn nghệ thuật cổ truyền, mà nghệ thuật của ông càng trưởng thành thì cũng ngày càng thoát khỏi ảnh hưởng của tiền nhân và tự hình thành một phong cách độc đáo của mình, không thể trộn

lần bất kỳ một họa gia nào khác.

Nhớ một thời non trẻ trước đây, Bạch Thạch đã hành nghề hơn hai mươi năm mà vẫn cứ mê mải với họa pháp “công bút” cổ truyền tỷ mỹ, tinh vi, gần như nghệ thuật chạm khắc hoa, hay bút pháp vẽ truyền thần chân dung công phu, chỉnh tề, khi còn kiếm sống ở cố hương. Cho nên, lúc bấy giờ dù có tay nghề khá vững vàng, dễ dàng kiếm tiền, tiếng tăm cũng được vang xa, mà sao ông vẫn luôn tự thấy còn tù túng, quanh quẩn, chưa thoát khỏi những ràng buộc của tiền nhân, nhất là những họa gia mà ông từng tôn sùng, dày công nghiên cứu, hấp thụ và đã thâm nhiễm sắc sâu vào tâm thức và tay nghề của ông. Do đó mà khi truyền nghề dạy dỗ cho môn sinh đệ tử, ông thường khuyên bảo: chớ nên bắt chước, mô phỏng tranh của ông mà bất lợi.

Sau những lần du lãm đó đây, tiếp cận thực tế lớn lao từ tự nhiên, xã hội, gặp gỡ nhiều bằng hữu, môn sinh, tầm nhìn mở rộng, vốn sống dồi dào, càng tác động mạnh mẽ đến suy tư chuyển hóa nghệ thuật mà ông từng nung nấu, ấp ủ trong hành trình nghệ thuật bấy lâu. Song bước ngoặt quyết định nhất là vào mười năm đầu định cư ở Bắc Kinh (1917 - 1927), đó là thời kỳ “nhất quyết đại biến” của ông. Lúc này Bạch Thạch lại may mắn gặp được những bạn hiền tận nghĩa tận tình nâng đỡ và cổ vũ cho tiến trình cải cách biến hóa nghệ thuật của ông, nhất là sự ban trợ quý báu của hai họa gia trứ danh Trần Sư Tăng và Từ Bi Hồng đã giành cho ông, mà trọn đời ông không bao giờ quên (xem cụ thể ở phần Kinh thầy, yêu bạn, thương trò...).

Chính nhờ Trần Sư Tăng thành tâm khuyên nhủ, mà Bạch Thạch đã cố công nhất quyết hấp thụ thành công họa pháp “đại tả ý” của Ngô Xương Thạc để cải cách và tự sáng lập phong cách riêng của mình.

Ngô Xương Thạc (1844 - 1927) một họa gia xuất chúng đời Thanh, chuyên vẽ hoa, cây, trúc, đá, rất chú trọng phép tắc bút mực (bì pháp, mặc pháp) và chất giấy, chất bút, chất mực. Từng cải cách, phá vỡ quy thức cũ, lập thành phong cách mới,

vẽ phóng bút thoải mái, bút lực mạnh mẽ, hoạt bát, sắc điệu tươi tắn, rực rỡ hơn người xưa. Song sức biểu hiện của ông còn hạn chế ở chỗ chưa phản ánh được sinh khí mới của thời đại.

Còn Bạch Thạch, vận dụng học pháp “đại tả ý” của Ngô Xương Thạc, dung hợp tài tình với học pháp “công bút”, đồng thời điều hòa nhuần nhuyễn những yếu tố tương phản trong xử lý cấu trúc tạo hình mà tiên nhân chưa thành công, hoặc thành công chưa xuất sắc, nên trong bút pháp ông đã có những cống hiến mới.

Vẽ hoa đỏ lá đen là sáng tạo độc đáo của Bạch Thạch, mà lúc bấy giờ người ta gọi là “môn phái hồng hoa hắc điệp”. Và còn độc đáo hơn nữa, là tranh của Bạch Thạch có hồn, thần sắc sống động, lại gắn bó với thế sự nhân tình, tràn đầy sinh khí mới của thời đại, bộc lộ mỹ cảm nhân gian trong sáng, lành mạnh, đột phá vào những bi kịch, bế tắc trong nghệ thuật quốc họa đương thời. Đó là sự tách biệt giữa cái gọi là thượng lưu và hạ giới, giữa văn nhã và phàm tục (?) Sức sống từ tranh của Tê Bạch Thạch đã xua tan đi những tình điệu hư vô, cô quạnh, ảm đạm... với những sắc khí lạnh lùng, u tịch, hắc hiu... của trời đục, tuyết bạc, mây mù v.v... từng ngự trị, khống chế hàng mấy trăm năm trên họa đàn. Đến nay, mới trả được cho mọi tầng lớp công chúng xã hội những hứng cảm nghệ thuật của truyền thống quốc họa giản lược mà tinh thâm, tươi tắn mà kỳ ảo, phóng túng mà hào hoa... đã tồn tại tự bao đời.

Từ những đột phá mạnh bạo trong nghệ thuật mà Bạch Thạch đã được suy tôn là bậc “đại sư” có công mở đường mới cho quốc họa Trung Hoa đương thời.

BIỆT TÀI VẼ TÔM

Tài năng vẽ chim hoa, côn trùng, sơn thủy, nhân vật, Bạch Thạch đều đạt tới trình độ kiệt xuất. Song, trong cái nền vàng son rực rỡ lại lập lánh một đỉnh cao. Đó là thiên tài vẽ tôm của Bạch Thạch quả thật tuyệt vời!

Nói đến Bạch Thạch ai cũng nghĩ ngay đến tài hoa vẽ tôm. Cũng như vẽ ngựa, người ta nhớ tới Từ Bi Hồng, hoặc vẽ gấu mèo, thì không quên Ngô Tác Nhân.

Có thể nói bút pháp, phong cách nghệ thuật “đại tả ý” hào phóng của Bạch Thạch bộc lộ tập trung điển hình ở thiên tài vẽ tôm, và đã vượt xa tiền nhân. Còn ngày nay thì có lẽ cũng chưa có ai sánh kịp.

Do đó, nếu ca ngợi tài hoa lỗi lạc của Tề Bạch Thạch mà quên nhắc tới thiên tài vẽ tôm của ông thì quả là uống tiếc, nếu không muốn nói đó là một sai lầm.

Những ai từng có dịp tận mắt xem Bạch Thạch vẽ tôm cũng đều lấy làm kinh ngạc. Ông chỉ cần mười lăm, hai mươi phút, hoặc có khi ít hơn, nguáy bút một cách phóng túng và dễ dàng, chẳng khác người thường viết chữ. Vậy mà hình thù, thể chất, động thái, thần sắc, cho đến đầu, râu, chân, mắt v.v... của những con tôm đã hiện lên đầu ra đó. Và, chúng như đang tung tăng bơi lội với thân hình trong suốt, thật tinh vi kỳ diệu!

Các họa gia thời Minh Thanh đã từng vẽ tranh tôm. Nhưng cũng chỉ vẽ đến một vài con, chưa vẽ đến từng bầy, từng đàn và nhiều loại tôm. Hoặc cũng chưa miêu tả được độ đậm nhạt để bộc lộ thể chất trong suốt của thân hình con tôm. Đó là chưa nói đến sức biểu hiện những biến hóa sinh động của những con tôm đang bơi lội trong nước, thì tranh tôm của tiền nhân hãy còn hạn chế, như khô cứng, công thức, chưa gây được nhiều

cảm hứng thú vị.

Còn đến Bạch Thạch vẽ tôm, chẳng những vượt xa người xưa về trình độ kỹ pháp, về bút lực, mà còn mở ra những hướng mới trong xử lý và sáng tạo ngôn ngữ tạo hình.

Bạch Thạch vẽ tranh tôm, không chỉ vẽ một vài con như người xưa, mà vẽ cả hàng đàn, hàng bầy tôm, đến trên chục con với những dạng thái, động tác, chiều hướng, góc độ khác nhau. Có tranh miêu tả cả một lũ tôm đang tụ tập tranh mồi, hoặc xúm xít quây quần như múa hát, đùa bỡn với nhau, trông thật ngoạn mục! Đúng là Bạch Thạch đã mang lại cho mọi người những hứng thú qua cuộc sống của loài tôm. Ông cũng không chỉ vẽ đơn điệu một loài tôm, mà đủ các loại tôm đầm, tôm sông, tôm đen, trắng, tôm vỏ cứng, tôm càng, tôm lớn, tôm con, có những lũ tôm tí xiu... Bạch Thạch miêu tả chúng đang sống tung tăng bơi lội nhảy nhót trong nước. Nhưng có con ngang, con dọc, con bơi nhanh, con đang ngừng, con cự mạnh, con nằm im... với nhiều hướng độ khác nhau, không hề đồng điệu mà thiên biến vạn hóa... Cho đến những bộ chân tôm đang bơi lội, có chân co, chân duỗi, hoặc những bộ râu dài ngắn, thả lỏng, hay uốn cong theo chiều bơi lội của chúng, Bạch Thạch đã lột tả vô cùng thành thuộc và tinh tế không trùng lặp, không con nào giống con nào. Còn những bộ phận bụng, lưng, đầu, hoặc càng tôm, những chỗ mềm, cứng, sắc nhọn, được khắc họa rất tinh vi. Đặc biệt là “độ trong suốt” của mình, lưng, đầu tôm, qua sự điều tiết tài tình về lượng nước và độ đậm nhạt thỏa đáng, đúng chỗ, đã đạt đến hiệu quả “thể chất cảm” cực kỳ hấp dẫn.

Riêng về mắt tôm, nếu không tinh tường sẽ vừa vẽ sai và vừa không sinh động. Ban đầu Bạch Thạch chỉ vẽ hai chấm đen tròn, nhưng khi quan sát kỹ mới diễn tả được lúc tôm đang bơi lội, đôi mắt giương ngang ra hai bên và thật trong suốt.

Sở dĩ tranh tôm của Bạch Thạch sinh động, hấp dẫn, được mọi người tán thưởng, đã vượt hẳn người xưa và chưa ai sánh bằng, là do tranh tôm của Bạch Thạch đã đạt tới hiệu quả hoàn mỹ “Hình thần kiêm bị”, nghĩa là không chỉ diễn tả sinh

động về hình thù, dáng dấp, mà còn biểu hiện được sâu sắc và tinh tế về thần thái trong đời sống của loài tôm đã tạo nên những hình thù bất ngờ. Ông đã khẳng định “Tôm tôi vẽ không hề giống như những con tôm nhìn thấy thường ngày. Cái mà tôi theo đuổi không phải chỉ cốt giống ở hình thù, mà nhất thiết phải giống ở thần thái”. Thiên tài về tôm xuất chúng của Bạch Thạch không phải ngày một ngày hai có được, mà là kết tinh trong cả một quá trình thể luyện và biến cải, mới có được sự chuyển hóa. Bạch Thạch từng đề lên tranh tôm của mình: “Tôi vẽ tôm trải qua mấy thời kỳ biến cải. Thời kỳ đầu chỉ vẽ giống sơ thôi. Qua thời kỳ thứ hai thì giống như thực. Còn đến thời kỳ sau mới phân biệt sắc độ đậm nhạt. Đó là ba lần biến cải như vậy”.

Từ tuổi ấu thơ, Bạch Thạch đã tự mày mò vẽ tôm cùng bạn bè sau những khi đi bắt tôm, câu tôm ở quê nhà. Đến hơn 40 tuổi mới có dịp tiếp xúc, học tập, mô phỏng tranh tôm của các họa gia đời Thanh như Kim Đông Tâm, Đặng Bảng Kiều, hay Lý Hạ Đường vv... Song, ông nhất quyết đại biến để tìm cho mình một lối đi riêng, qua mấy chục năm khổ luyện, ông mới thoát khỏi dần những ràng buộc của người xưa, sáng tạo nên bút pháp và phong cách vẽ tôm mới.

Thế nhưng, bí quyết chủ yếu trong mọi thành công vẽ tôm của Bạch Thạch, phải chăng là ở năng lực quan sát, nắm bắt thấu đáo đối tượng miêu tả cực kỳ sâu sắc và tinh tường đến độ nhập tâm, nhập thần từ đặc điểm, đặc thù của hình thể, động thái, cho đến quy luật hoạt động sinh tồn của các loài tôm?

Hồi nhỏ ở quê nhà, Bạch Thạch từng đi bắt tôm, hay lấy hoa gạo câu tôm để chơi ở đầm, ở bờ sông. Rồi lớn lên còn đào mương nuôi tôm, nên được dịp quan sát các loài tôm. Sau này, kể cả lúc tuổi đã cao, Bạch Thạch vẫn thường xuyên nuôi đủ các loài tôm để quan sát. Ngày ngày ông quanh quẩn ngắm nghía lũ tôm đang tung tăng bơi lội trong những bát nước. Khi thấy hứng thú, hoặc phát hiện được những động thái, dáng vẻ lạ lẫm hay khoái chí, ông liền bày giấy bút ghi chép, ký họa ngay. Có khi vẽ một mạch hết trang giấy này đến trang giấy

kia, đem cài lên đây vách, rồi lại ngồi ngắm, ngắm rồi lại vẽ. Thỉnh thoảng Bạch Thạch còn lấy cán bút khua khuấy cho lư tôm cựa quậy nhẩy nhót liên tục để ngắm vẽ cho sinh động.

Bạch Thạch còn muốn làm chủ mọi công việc của mình để tìm đến hiệu quả tối ưu của sức biểu hiện nghệ thuật. Cho nên trong khi quan sát, ghi chép và vẽ ngay tại chỗ, Bạch Thạch còn bỏ nhiều công phu để thử nghiệm các loại bút cũ, mới, to, nhỏ, tà, nhọn vv... để thử các loại nét nhanh, chậm, mảnh, sắc, thô, mỏng vv... hoặc thử các loại giấy dày mỏng khác nhau với sự điều tiết hợp lý thủy lượng để tạo nên những sắc độ đậm nhạt, sáng tối, trong đục, tỏ mờ... phong phú trên mặt tranh. Do đó, tranh tôm của ông bức nào cũng xuất lộ “thần khí” đặc sắc tuyệt trần!

Đặc thù của quốc họa truyền thống Trung Hoa, hễ đặt bút vẽ xuống giấy là xem như cố định, không làm sao sửa chữa hoặc xóa đi được. Cho nên Bạch Thạch vẽ nửa chừng thường dừng lại suy ngẫm, kiểm nghiệm, để truy tầm đến sự hoàn mỹ của tranh. Cứ như vậy Bạch Thạch say mê thao tác, không còn biết mệt mỏi! Rõ ràng, quan sát, ghi chép, miêu tả sáng tạo, quả là một quá trình khổ luyện khép kín và liên tục, hầu như gần trọn một đời người.

Trước lúc tạ thế một vài năm ông còn vẽ những bức tranh tôm cao hàng mét, đầu râu chân mắt tôm cực kỳ giản lược mà vô cùng tinh tế, với bút lực càng phóng túng, hào hoa, bay bổng...

Về già vẽ tôm, Bạch Thạch như được sống lại một thời thơ ấu từng bắt tôm, câu tôm, chơi tôm vv... bao niềm vui thú chốn quê nhà, không sao quên được...

Bạch Thạch cũng thường hào hứng mê say thao diễn vẽ tôm cho học trò hoặc bằng hữu đang học hỏi, thể nghiệm vẽ tôm. Quách Mạt Nhược, nhà học giả, người bạn già gần 20 năm kết thân theo học vẽ tôm từng được xem Bạch Thạch thao diễn nhiều lần và được Bạch Thạch ghi lời tán thưởng lên tranh tôm của mình.

Trong một đời tài hoa lỗi lạc, nghệ thuật vẽ tôm của Bạch Thạch lão họa gia quả là một tuyệt đại thiên tài!

ĐÔI LỜI KẾT

Nếu tính từ dấu ấn nét bút lông khá điêu luyện trên những bức tranh lụa sớm nhất phát hiện ở mộ nước Sở tại Trường Sa - Hồ Nam vào thời Chiến Quốc (từ 3 đến 5 thế kỷ trước công nguyên) thì cho đến nay quốc họa Trung Hoa đã có bề dày lịch sử trên hai nghìn năm trăm năm hoặc có thể xa hơn nữa, song vẫn rực rỡ trong vườn hoa hội họa muôn màu của nhân loại, mà thiên tài Tề Bạch Thạch vẫn như một đóa hoa tươi thắm, ngát hương...

Tề Bạch Thạch đã hiến dâng cho đất nước Trung Hoa, cho phương Đông và nhân loại một thành quả hội họa vô giá.

Thừa hưởng và phát huy truyền thống “vàng son” của hội họa dân tộc, trong đó có điệu nghệ kỳ tài của Tề Bạch Thạch, và dung hợp những tinh hoa đặc sắc của hội họa thế giới, các thế hệ họa gia Trung Hoa đã không ngừng mang lại cho quốc họa Trung Hoa vốn tinh thâm, kỳ ảo, ngày càng thêm ý nhị, hào hoa, mà trong đó có những đóng góp xuất sắc của bao môn sinh đệ tử của Tề Bạch Thạch, tiêu biểu như Lý Khả Nhiễm, Diệp Thiển Dư, hay Vương Tuyết Đào v.v...

Thế nhưng những di tác của Tề Bạch Thạch vẫn mãi tươi nguyên không ngừng lan tỏa đến mọi chân trời, qua con đường xuất bản, phổ truyền liên tục.

Ngoài việc xuất bản vô số tranh đơn, tuyển tập, bưu phẩm v.v... bằng phương tiện in cao cấp hiện đại, tác phẩm của Tề Bạch Thạch còn được xướng in tranh Vinh Bảo Trai nổi tiếng ở trung tâm Bắc Kinh, in theo phương pháp và kỹ thuật mộc bản thủy ấn có truyền thống từ đời Đường - Tống xa xưa, từ năm 1952 đến nay, gần nửa thế kỷ qua, xưởng đã không ngừng phiên bản, phục nguyên và in số lượng lớn, để truyền lưu đến mọi miền cho người người thường ngoạn.

Bí quyết lõi lạc và trường tồn của thiên tài hội họa Tề Bạch Thạch không gì xa lạ mà chính là sự tiến thủ không ngừng, dám mạnh dạn biến cải, đột phá và mở đường sáng tạo. Đó cũng chính là quy luật sống còn của nghệ thuật cổ kim đông tây.

Sự thăng hoa đến đỉnh cao lộng lẫy trong nghệ thuật của Tề Bạch Thạch được khởi nguyên từ bản lĩnh ngoan cường và nhân cách cao cả của người nghệ sĩ “tự vận thiên tài” “tự lập thành gia”, “tự thành nhất cách” “học xưa, không nệ xưa mà phải vượt xưa”, “biến cải, biến cải lại biến cải” liên tục đến gần trọn một đời người, và đến tuổi già vẫn còn đổi phép. Có như vậy, lão họa gia Tề Bạch Thạch mới trở thành người xua tan “băng giá” mấy trăm năm, trả lại truyền thống hào hoa phong nhã, mà bí ẩn, diệu kỳ và khai phá cho quốc họa Trung Hoa đi tới chân trời mới.

Gần 40 năm qua, lão họa gia Tề Bạch Thạch đã già biệt dương trần. Song những tôm cua, ong bướm, chim muông... trong bao kiệt tác của ông vẫn như luôn sống động, tung tăng, bay lượn cùng nhân gian thiên hạ - vẫn như tên tuổi, tâm hồn, nhân cách và ngôn từ của ông bất tử trường sinh, mãi quang vinh một tấm gương nhà nghệ sĩ nhân dân kiệt xuất, một danh nhân văn hóa thế giới vang lừng!

NIÊN BIỂU SƠ LƯỢC TIỂU SỬ TÊ BẠCH THẠCH

- 1863 - Quý Hợi - Thanh Đồng Trị thứ 2 - ngày 22 tháng 11, Tê Bạch Thạch ra đời.⁽¹⁾
- 1870 - Học trường làng do ông ngoại dạy. Bắt đầu học vẽ theo tranh thờ dân gian Thần Sét.
- 1871 - 1873 Thôi học, về nhà chăn trâu, đốn củi, tự học chữ, học vẽ, rồi học làm thợ mộc.
- 1874 - 12 tuổi, cưới vợ Trần Xuân Quân.
- 1875 - 1879 Từ nghề mộc thô chuyển sang học nghề mộc tinh và chạm khắc hoa.
- 1882 - 19 tuổi, làm lễ “viên phòng” vợ chồng Bạch Thạch chính thức chung sống.
- 1883 - 1888 Học vẽ theo lối dân gian, vẽ chân dung, tranh thánh thần thờ cúng cho người làng để kiếm sống theo bút pháp dân gian.
- 1889 - 27 tuổi, từ nghề chạm khắc hoa chuyển làm họa công, học khắc dấu, học làm thơ. Học chính quy do thầy Hồ Tẩm Viên dạy vẽ, thầy Trần Tác Huân dạy văn thơ.

(1) Ngày 22. 11 - Quý Hợi. Đồng Trị thứ 2 là ngày 1. 1. 1864. Nhưng tài liệu trước nay đã tính Đồng Trị thứ 2 là năm 1863.

- 1894 - Tham gia Hội thơ Long Sơn thi xã và La Sơn thi xã. Học thư pháp
- 1903 - Lần thứ nhất đi xa đến Tây An rồi đến Bắc Kinh lần đầu.
- 1904 - Lần thứ 2 đi xa, đến Nam Xương - Giang Tây, du ngoạn thắng cảnh Lô Sơn.
- 1905 - Lần thứ 3 đi xa, du ngoạn thắng cảnh Quế Lâm - Quảng Tây.
- 1907 - Đi xa lần thứ IV, đến Quảng Đông và từ thành phố Đông Hưng qua cầu Bắc Luân đến Móng Cái, thăm phong cảnh Việt Nam.
- 1908 - 1909 Đến Quảng Đông lần thứ 3 cũng là lần thứ V đi xa.
- 1910 - Trở lại sống tĩnh tại ở quê nhà, tiếp tục nghiên cứu thơ văn, sách cổ, vẽ tranh, khắc dấu sinh sống - Tu chỉnh bản thảo, tài liệu ghi chép qua du lãm.
- 1912 - 1916 Ổn định, sửa sang nơi vẽ tranh, làm thơ, khắc dấu, đọc sách, tiếp bạn bè.
- 1917 - Hơn 50 tuổi lên Bắc Kinh lần thứ 2 và định cư đến lúc tạ thế.
- 1918 - 1919 Về quê đưa gia đình tạm lánh cư thời gian trong vùng. Trở lại Bắc Kinh bước vào thời kỳ biến cải họa pháp từ công bút chuyển dần sang “đại tả ý”. Trần Xuân Quân (vợ chính) lên Bắc Kinh cưới vợ

- kế Hồ Bảo Châu cho Bạch Thạch.
- 1922 - Vẽ tranh sơn thủy, chim hoa gửi Trần Sư Tăng mang sang Nhật dự triển lãm do Hiệp hội Trung Nhật tổ chức tại Tokyo.
- 1923 - Bước vào tuổi 60, hay lãng quên, bắt đầu ghi nhật ký lấy tên là “Tam bách thạch ấn trai ký sự”.
- 1926 - Hiệu trưởng trường Chuyên khoa Nghệ thuật Bắc Kinh Lâm Phong Miên mời Bạch Thạch làm giảng viên dạy quốc họa.
- 1928 - Quân Bắc Phạt thắng lợi ở Bắc Kinh. Bắc Kinh đổi thành Bắc Bình. Trường Chuyên khoa nghệ thuật Bắc Kinh đổi thành Học viện Nghệ thuật Bắc Bình, Bạch Thạch trở thành giáo sư quốc họa.
- 1929 - Từ Bi Hồng được bổ nhiệm làm Viện trưởng Học viện Nghệ thuật Bắc Bình, thỉnh cầu Bạch Thạch tiếp tục làm giáo sư, nhưng bị một số người phản đối, Từ Bi Hồng bất bình, xin từ chức đi miền Nam hoạt động.
- 1930 - Từ Bi Hồng giúp đỡ biên tập, viết lời giới thiệu trên các báo chí trong ngoài nước và xuất bản các tập tranh của Bạch Thạch.
- 1931 - Ngoài giảng dạy ở Học viện Nghệ thuật Bắc Bình, hiệu trưởng trường Mỹ thuật tư thục Kinh Hoa cũng mời Bạch Thạch giảng dạy và nhiều người khác xin bài làm sư phụ. Thăm chùa Phật nằm nơi Tào Tuyết Cần từng sống và viết Hồng Lâu

Mộng, cảm cảnh vẽ tranh Hồng Lâu Mộng.

- 1932 - Vào tuổi 70, vẫn “nhất quyết đại biến” họa pháp.
- 1933 - Ấn hành các tập thơ “Bạch Thạch thi cảo”, “Tá sơn ngâm quán thi cảo”. Sưu tập chọn lựa 200 trên 3.000 mẫu khắc dấu, in thành tập ấn phổ.
- 1934 - Khắc dấu bằng đá quý đến 300 mẫu nên lấy hiệu “Tam bách thạch ấn phú ông”.
- 1935 - Trên 70 tuổi, hay đau đầu, bị bại liệt nửa người bên phải, lại bị vấp ngã trẹo chân, tương tàn phế.
- 1936 - Cùng vợ kế và các con về quê Tứ Xuyên thăm viếng tảo mộ bố mẹ Bảo Châu. Đi Tứ Xuyên về, bệnh tim của BạchThạch tái phát.
- 1937 - Quân phiệt Nhật gây sự biến Lư Cầu Kiều, rồi chiếm cứ Bắc Bình, Thiên Tân. Bạch Thạch không cộng tác với ngụy quyền, khước từ giảng dạy ở Học viện Nghệ thuật Bắc Bình và trường Mỹ thuật tư thực Kinh Hoa.
- 1940 - Trần Xuân Quân (vợ chính) lâm bệnh mất tại quê nhà, thọ 79 tuổi.
- 1941 - Làm lễ phục chính cho Bảo Châu thành kế thất và phân chia tài sản thừa kế cho vợ con.
- 1943 - Hồ Bảo Châu lâm bệnh mất tại Bắc Kinh, mới 42 tuổi.
- 1944 - Từ chối nhận than sủi phân phối có ý mua chuộc

của Học viện Nghệ thuật Bắc Bình.

- 1945 - Tin vui Nhật đầu hàng không điều kiện, Bạch Thạch suốt đêm không ngủ được.
- 1946 - Đi máy bay đến Nam Kinh, Thượng Hải bày triển lãm cá do Hội Mỹ thuật Trung Quốc tổ chức. Từ Bi Hồng mời làm giáo sư danh dự Học viện Nghệ thuật Bắc Bình.
- 1949 - Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thành lập, Bắc Bình đổi thành Bắc Kinh. Bạch Thạch được bầu làm uỷ viên Ban chấp hành Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Trung Hoa, uỷ viên Ban chấp hành hiệp hội Mỹ thuật gia Trung Hoa, giáo sư danh dự học viện Mỹ thuật Trung ương.
- 1950 - Vẽ tranh và khắc ấn tặng Mao Chủ tịch. Tranh của Bạch Thạch được xuất bản, số lượng lớn, tiếng tăm càng lừng vang thế giới.
- 1951 - Vẽ 10 bức tranh tham gia triển lãm chống Mỹ viện Triều.
- 1952 - Được bầu làm uỷ viên Chủ tịch đoàn Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Trung Hoa. Xưởng in tranh theo phương pháp mộc bản thủy ấn - Vinh Bảo Trai - Bắc Kinh bắt đầu xuất bản tranh của Tê Bạch Thạch.
- 1953 - 90 tuổi, Hiệp hội Mỹ thuật gia Trung Quốc và Học viện Mỹ thuật Trung ương phối hợp tổ chức triển lãm tranh của Tê Bạch Thạch và lễ mừng

thọ. Ngày 01 tháng 7, Bộ văn hóa Trung Quốc tặng giải thưởng vinh dự và phong danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân kiệt xuất. Tháng 9 được bầu làm Chủ tịch Hiệp hội Mỹ thuật gia Trung Quốc, Chủ tịch Hội nghiên cứu Trung Quốc họa Bắc Kinh.

1954 - Tháng 3, Bảo tàng Đông Bắc triển lãm tranh Tề Bạch Thạch. Tháng 4, Hiệp hội Mỹ thuật gia Trung Quốc tổ chức triển lãm tranh của Tề Bạch Thạch tại Viện Bác vật Cổ cung - Bắc Kinh. Tháng 9 được bầu làm đại biểu Quốc hội Trung Hoa.

1955 - Tháng 2 dẫn đầu đoàn đại biểu giới Văn nghệ Trung Quốc tham gia Đại hội Hòa bình khu vực châu Á - Thái Bình Dương tổ chức tại Bắc Kinh. Ký tên vào kiến nghị chống bom nguyên tử và phát biểu tại Đại hội Hòa bình. Tháng 6, cùng 14 vị họa gia sáng tác tập thể bức tranh cỡ lớn "Trăm hoa và chim hòa bình" (ca ngợi hòa bình) hiến dâng cho Đại hội Hòa bình Thế giới. Cuối năm được Viện Hàn Lâm Nghệ thuật Cộng hòa Dân chủ Đức tặng giải thưởng vinh dự và công nhận Viện sĩ Thông tấn.

1956 - Ngày 27 tháng 4 được giải thưởng Hòa bình Thế giới năm 1955

1957 - Ngày 15 tháng 5, được bầu làm Viện trưởng danh dự Viện Nghiên cứu Trung Quốc họa Bắc Kinh. Ngày 15 tháng 9, lâm bệnh, 18 giờ 40 phút ngày 16 tháng 9 qua đời tại Y viện Bắc Kinh. Hưởng

thọ 94 tuổi. 1958 - Tháng 01, Triển lãm Di tác của Tề Bạch Thạch tổ chức tại Bắc Kinh, hơn 700 di tác gồm tranh, thơ, khắc dấu, thi cảo, thư pháp, nhật ký, ấn phổ, v.v...

1963 - Xuất bản 3 tuyển tập tác phẩm của Tề Bạch Thạch. Hội đồng Hòa bình Thế giới quyết định công nhận Tề Bạch Thạch là Danh nhân Văn hóa Thế giới. Tháng 12, tại Bắc Kinh tổ chức Triển lãm 101 tác phẩm của Tề Bạch Thạch từ năm 1882 đến 1957, gồm tranh, khắc in, thư pháp, nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của ông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ SỬ DỤNG TRONG SÁCH

TIẾNG HÁN

1. *NGHIÊN CỨU TỀ BẠCH THẠCH* - tuyển tập bài viết của nhiều tác giả. Nhà xuất bản Mỹ thuật nhân dân Thượng Hải - 1959
2. *BẠCH THẠCH LAO NHÂN TỰ TRUYỆN* - Tề Hoàng kế - Trương Thứ Khê ghi - NXB Mỹ thuật nhân dân Bắc Kinh - 1962
3. *NHẤT DẢ ĐƯƠNG THẬP* - Vương Triều Văn - Nhà xuất bản Tác gia Bắc Kinh - 1962
4. *HỖ VĂN LẠC KIẾN* - Vương Triều Văn - Nhà xuất bản Tác gia Bắc Kinh - 1963
5. *VINH BẢO TRAI MỘC BẢN THỦY ẤN* - 1962
6. *TRUNG QUỐC LỊCH ĐẠI HỌA GIA* - Nhiều tác giả - Nhà xuất bản Bách gia Thượng Hải - 1992
7. *TUYỂN TẬP TÁC PHẨM TỀ BẠCH THẠCH* - Nhà xuất bản Ngoại văn Trung Quốc - 1990
8. *TRUNG QUỐC MỸ THUẬT SỬ LUẬN* - Kim Duy Nặc. NXB Mỹ thuật nhân dân Trung Quốc - 1981
9. *TRUNG QUỐC MỸ THUẬT GIẢN SỬ* - Khoa mỹ thuật sử - Học viện Mỹ thuật Trung ương - NXB Giáo dục Cao đẳng - 1990

TIẾNG VIỆT

1. *TÊ BẠCH THẠCH* - Phi Hoành - Báo Văn nghệ tháng 10 - 1963
2. *TÊ BẠCH THẠCH VÀ ĐƯỜNG LỐI VĂN NGHỆ CỦA ÔNG* - Bùi Thanh Ba - Báo Văn nghệ số 74, tháng 10 - 1964
3. *MỘT SỐ NÉT VỀ VĂN HÓA TRUNG QUỐC* - Lê Giảng - Nhà xuất bản Sự thật - 1991

MỤC LỤC

- Lời vào sách 7

CUỘC ĐỜI

- Có hương thôn dã, gia cảnh bần hàn 11
- Tưởng như khó qua 14
- Những cái tên, những nghĩa tình 17
- Sáng lên từ bếp tro tàn 19
- Hạnh phúc lứa đôi, bệ đỡ cho đời 21
- Du lãm đó đây và thăm vùng đất Việt 26
- Kính thầy, yêu bạn, thương trò,
Mến nhau về nghĩa, quý nhau vì tài 30
- Yêu ghét phân minh, khước từ quan chức 39

NGHỆ THUẬT

- Cái giá của tài hoa 47
- Tĩnh ở cần 59
- Tam tuyệt chi tài 63
- Hình thần kiêm bị, không mị tục, dối đời 69
- Về già đổi phép, đột phá và mở đường 74
- Biệt tài vẽ tôm 80

*

- Đôi lời kết 84
- Niên biểu sơ lược tiểu sử Tề Bạch Thạch 86
- Danh mục tranh trong sách
- Tài liệu tham khảo và sử dụng trong sách 93
- Mục lục

TÊ BẠCH THẠCH

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG

Chịu trách nhiệm xuất bản :

QUANG HUY

Chịu trách nhiệm bản thảo :

AN CHUƠNG

Biên tập : **BÍCH NGÂN**

Trình bày : **NGUYỄN VĂN HINH¹⁷**

In 1050 cuốn, khổ 15 x 22 tại Công ty Phát triển Kỹ thuật In.
Số xuất bản 211/CXB - 34/VHTT. Nộp lưu chiểu tháng 11/1996.



THÁI HANH

Sinh năm 1932 tại Sông Cầu - Phú Yên. Học trung cấp Mỹ thuật Việt Nam 1959 - 1960. Tốt nghiệp Đại học Lý luận Phê bình tại Học viện Mỹ thuật Trung ương Bắc Kinh Trung Quốc, 1962 - 1967.

Hội viên Hội Mỹ thuật Việt Nam.

Hội viên Hội Văn học Nghệ thuật Hà Nội.

Viết nhiều bài tiểu luận, phê bình đăng ở các sách của Viện Mỹ thuật, Bảo tàng Mỹ thuật và các Báo Nhân dân, Văn nghệ, Văn hóa, Tạp chí Mỹ thuật, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, v.v...